

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ THU DUNG

**ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC
BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2020**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Hà Nội, 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ THU DUNG

**ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC
BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC
DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2020**

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số: 9229015

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Vũ Ngọc Lương

2. TS. Đặng Kim Oanh

Hà Nội, 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thu Dung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	7
1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu	36
Chương 2: CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH VỀ BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010.....	42
2.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình.....	42
2.2. Chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.....	61
Chương 3: CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH VỀ BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020.....	89
3.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình.....	89
3.2. Chủ trương, sự chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình.....	98
Chương 4: NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM.....	134
4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa (2005 - 2020)	134
4.2. Kinh nghiệm đúc rút từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa (2005 - 2020)	161
KẾT LUẬN	178
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	182
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCHTW	Ban Chấp hành Trung ương
BTV	Ban Thường vụ
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DSVH	Di sản văn hóa
DTLS - VH	Di tích lịch sử - văn hóa
ĐCSVN	Đảng Cộng sản Việt Nam
KT - XH	Kinh tế - xã hội
NXB	Nhà xuất bản
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ BIỂU ĐỒ

<i>Bảng 2.1. Số lượng khách đến Bảo tàng Ninh Bình giai đoạn 2005-2010.....</i>	83
<i>Bảng 2.2. Số lượt khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2005-2010</i>	86
<i>Bảng 3.1. Số lượng khách đến Bảo tàng Ninh Bình giai đoạn 2011-2020</i>	126
<i>Bảng 3.2. Số lượt khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2011-2020</i>	130
<i>Biểu đồ 4.1. Số lượng di tích được xếp hạng giai đoạn 2005-2020</i>	141
<i>Biểu đồ 4.2. Nguồn vốn từ Chương trình Mục tiêu quốc gia cho công tác trùng tu, tôn tạo các DTLS - VH giai đoạn 2005-2020.....</i>	144
<i>Biểu đồ 4.3. Số lượng di tích lịch sử - văn hóa được tu bổ, tôn tạo giai đoạn 2005-2020</i>	145
<i>Biểu đồ 4.4. Lượt khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2005-2020</i>	147

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể là sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác với nhiều chủng loại khác nhau, tôn vinh những giá trị đặc sắc được hình thành trong tiến trình lịch sử dân tộc. DSVH là tài sản vô giá, vừa là “chất keo” kết dính, gắn kết cộng đồng dân tộc, vừa tạo nên “hồn cốt” của bản sắc dân tộc; do vậy, đóng vai trò là nguồn lực đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển KT - XH. Giá trị DSVH tạo dựng nền tảng tinh thần, là yếu tố nội sinh, là động lực thúc đẩy công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Di tích lịch sử - văn hóa là một bộ phận quan trọng của DSVH, đó là các công trình, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có ý nghĩa về lịch sử, văn hoá, khoa học và thẩm mỹ. Hệ thống DTLS - VH được xem là một trong những nguồn lực có giá trị đối với tiến trình thúc đẩy phát triển KT - XH của mỗi một quốc gia. Đặc biệt là trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu phát triển đất nước đặt ra cần phải huy động tối đa các nguồn lực. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH trở thành nhiệm vụ cấp bách. Khai thác, sử dụng các di tích một cách hợp lý và hiệu quả sẽ tạo ra động lực quan trọng góp phần vào tăng trưởng kinh tế bền vững.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của DTLS - VH, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65, ngày 23/11/1945 về *Bảo tồn cổ tích*, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ phải coi trọng việc bảo tồn các DTLS - VH. Quán triệt quan điểm của Người, trong suốt quá trình xây dựng đất nước, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về bảo tồn và phát huy các DSVH nói chung, các DTLS - VH nói riêng. Đặc biệt, khi bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, cùng với việc đổi mới tư duy nhận thức về đường lối kinh tế, đường lối văn hoá của Đảng cũng có nhiều bước đột phá. Từ Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII (1998), đến Nghị quyết 33 của Hội nghị Trung ương lần thứ chín khoá XI (09/6/2014) đã phản ánh rõ sự phát triển nhận thức của Đảng, Đảng xác định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển,

là nguồn lực nội sinh, quan điểm “phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần”, coi trọng văn hóa trong chính trị và trong kinh tế, coi trọng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là những định hướng quan trọng cho các địa phương cả nước, đặc biệt những địa phương có hệ thống DTLS - VH phong phú như tỉnh Ninh Bình, đưa ra những quyết sách đúng đắn để phát triển.

Ninh Bình, vùng đất Cố đô nghìn năm văn hiến, nơi ken dày những dấu tích lịch sử - văn hóa đa dạng và đặc sắc, được tạo dựng và gìn giữ qua hàng nghìn năm lịch sử. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng và giá trị của các DTLS - VH, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa vào thực tiễn địa phương, phát huy lợi thế của tỉnh, cùng với phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã chủ trương đẩy mạnh phát triển văn hóa. Trong đó, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Đó là hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích của tỉnh từng bước đi vào nền nếp và tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về DTLS - VH được triển khai bằng nhiều hình thức, công tác phát huy giá trị các DTLS - VH gắn với phát triển KT - XH mang lại hiệu quả ngày càng cao. Với thế mạnh là hệ thống DTLS - VH phong phú, đặc sắc, nổi bật với Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư - nơi chứa đựng dấu ấn văn hóa dân tộc đậm nét; Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An - biểu tượng của sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, đang vươn tầm trở thành thương hiệu di sản toàn cầu. Qua nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã nâng tầm di sản và củng cố vị thế của Tràng An trên thế giới, là cơ sở để xây dựng các sản phẩm du lịch có chiều sâu lịch sử - văn hóa tại Tràng An, mở ra cơ hội thực hiện mục tiêu xây dựng Ninh Bình thành đô thị di sản thiên niên kỷ trong tương lai.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Đó là việc phân cấp quản lý DTLS - VH trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, công tác quản lý ở một số địa phương còn lỏng lẻo, thiếu sự phối hợp, lúng túng, thụ động trong công tác chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về DSVH ở một số nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa thực sự được chú trọng; đội ngũ cán bộ quản lý, công chức thực hiện quản lý nhà nước về DSVH ở cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; việc huy động nguồn kinh phí xã hội hóa trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích còn hạn chế... Trong bối cảnh mới, trước yêu cầu khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh vào sự phát triển KT - XH, việc tăng cường lãnh đạo đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH càng trở nên quan trọng. Đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống và khách quan về quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020, không chỉ góp phần nhận diện rõ hơn những mặt đạt được, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và đúc kết những kinh nghiệm có thể tham khảo cho việc hoạch định chủ trương về công tác này của Đảng bộ tỉnh trong thời gian tới, mà còn góp phần tổng kết một chủ trương lớn của Trung ương Đảng được hiện thực hoá trên địa bàn một tỉnh có nhiều điểm đặc thù. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu một cách độc lập, có tính hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020, dưới góc độ ngành Lịch sử Đảng. Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 2005 đến năm 2020”*** làm luận án tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020; từ đó đúc

rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Thứ hai: Phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

Thứ ba: Phân tích chủ trương, sự chỉ đạo, kết quả đạt được về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình từ năm 2005 đến năm 2020.

Thứ tư: Nhận xét về ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế và đúc rút một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên 5 nội dung: (1) Chỉ đạo công tác kiện toàn cơ chế tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ; (2) Chỉ đạo công tác điều tra, xếp hạng các DTLS - VH và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ; (3) Chỉ đạo huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH; (4) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống gắn với DTLS - VH; (5) Chỉ đạo phát huy giá trị các DTLS - VH qua hoạt động bảo tàng và phát triển kinh tế du lịch.

Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Về thời gian: Thời điểm diễn ra Đại hội lần thứ XIX (12/2005) của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, năm kết thúc nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XXI (10/2020) của Đảng bộ Tỉnh. Tuy nhiên đề vấn đề nghiên cứu có tính hệ thống

và đạt được mục đích nghiên cứu, luận án có đề cập một số nội dung liên quan đến bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH tỉnh Ninh Bình trước năm 2005.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương của ĐCSVN về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, chủ yếu là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, cùng với các phương pháp đồng đại, lịch đại, khảo sát thực tiễn, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê... làm sáng tỏ những nội dung của luận án.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần tổng kết quá trình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020 (qua thực tiễn địa bàn tỉnh Ninh Bình).

- Góp thêm luận cứ cho việc bổ sung, phát triển chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH giai đoạn tới.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Những kinh nghiệm trình bày trong luận án có thể tham khảo vận dụng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn tiếp theo.

- Luận án có thể làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng và lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình.

6. Đóng góp mới của luận án

- Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật, tin cậy có liên quan đến Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

- Góp phần phục dựng khách quan quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

- Đưa ra những nhận xét và đúc rút kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 8 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài liên quan đến đề tài luận án

Là một thành tố quan trọng của DSVH, DTLS - VH luôn được các nhà khoa học quan tâm, trong các nghiên cứu khi nói đến vấn đề quản lý DSVH, DTLS - VH đều thường đề cập đến hai khía cạnh, đó là bảo tồn và phát huy. Bài viết của hai tác giả: Brian Garrod, Alan Fyall (2000), “Managing heritage tourism” (Quản lý du lịch, di sản), *Annals of tourism research*, Vol 27, No 3, P.682-708 [195] đã khẳng định DSVH là một trong những tài nguyên du lịch quan trọng trên thế giới, cung cấp một cái nhìn tổng quan lý thuyết toàn diện và kiến thức ứng dụng về các vấn đề, thực tiễn, các cuộc tranh luận hiện tại, khái niệm và mối quan tâm quản lý liên quan đến du lịch dựa trên DSVH. Các tác giả chỉ ra cần có sự cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, khẳng định phát triển du lịch gắn với di sản là cần thiết và đó phải là sự phát triển bền vững, có sự cân bằng giữa bảo tồn và khai thác bởi nếu di sản không được bảo vệ, giữ gìn sẽ bị mất đi.

Cuốn sách của tác giả Arthur Pedersen (2002), “*Managing Tourism at World Heritage Sites: a Practical Manual for World Heritage Site Managers*”, Published by UNESCO World Heritage Centre (*Quản lý du lịch tại các khu di sản thế giới: Tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý khu di sản thế giới*) [194]. Tác giả nhận định các DSVH trên thế giới là nguồn tài nguyên du lịch vô cùng phong phú và phát triển du lịch bền vững là cách tốt nhất để bảo vệ, giữ gìn DSVH thiên nhiên thế giới. Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH không chỉ bảo đảm tương lai của các khu di sản thế giới, mà còn bảo đảm cả tương lai của du lịch. Đây là “tình huống lưỡng lợi” cho cả các khu di sản và ngành du lịch. Các khu di sản sẽ được bảo vệ và duy trì tốt hơn, du khách sẽ có những chuyến viếng thăm hấp dẫn hơn, du lịch phát triển góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương khởi sắc, nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần cho nhân dân. Có thể thấy, phát triển du lịch là sự phát triển kinh tế bền vững nhất cho các DSVH và thiên nhiên thế giới. Cuốn sách là tài liệu hướng dẫn “quản lý” di sản thế giới dành cho những người đang hàng ngày mang hết tâm trí và sức lực bảo vệ các DSVH của nhân loại. Làm thế nào để cân bằng hai yếu tố bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH luôn là câu hỏi mà các nhà quản lý phải đặt ra. Tác giả Peter Howard (2002) trong cuốn sách “*Heritage: Management, Interpretation, Identity*”, Continuum, London (Di sản, quản lý, diễn giải và bản sắc) [196] khẳng định di sản và bảo tồn di sản là một mối quan tâm lớn trên toàn thế giới. Để thiết lập bản sắc riêng của văn hóa dân tộc, cũng như thu hút du khách, DSVH cần được bảo vệ, bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị. Các nhà quản lý luôn phải đặt ra câu hỏi: chúng ta cần bảo tồn cái gì? Tại sao? Và cho ai? Việc bảo tồn nhằm giữ lại tối đa những giá trị của di sản, làm cơ sở để phát huy những giá trị đó trong đời sống. Còn việc phát huy giá trị di sản là làm cho di sản trở thành một phần của hiện tại. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là khai thác như thế nào là đúng? Khai thác phải quan tâm đến sự bền vững, không làm tổn hại đến di sản. Cuốn sách của Peter Howard đã cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển kinh tế du lịch.

Cuốn sách của Ashworth G.J- Larkham P.J (2014), “*Building a new heritage: tourism, culture and identity in the new Europe*”, Routledge (Xây dựng một di sản mới: du lịch, văn hoá và bản sắc mới ở Châu Âu) [193] cung cấp một cái nhìn sâu sắc về sự hình thành và vai trò của di sản ở châu Âu. Chủ đề chính của cuốn sách này là một số di sản có thể được định hình từ quá khứ, thông qua các phương pháp can thiệp quản lý khác nhau, di sản có thể thực hiện nhiều chức năng khác nhau, trở thành nguồn tài nguyên phong phú cho phát triển kinh tế du lịch. Quy hoạch và quản lý tốt di sản góp phần bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và mang lại hiệu quả kinh tế cho đất nước.

Cuốn sách của Antonella Fresa, Karol Jan Borowiecki, Neil Forbes (2016), “*Cultural Heritage in a Changing World*”, Springer International Publishing (Di sản văn hóa trong một thế giới đang đổi thay) [192] đã nhấn mạnh: Trong thế kỷ XXI, thế giới phải đối mặt với những thay đổi mang tính

thời đại ảnh hưởng đến mọi thành phần của xã hội, trong bối cảnh đó, DSVH có tiềm năng to lớn về đóng góp vào việc cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, hiểu về quá khứ, hỗ trợ gắn kết lãnh thổ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở ra cơ hội việc làm và hỗ trợ phát triển xã hội rộng lớn hơn như cải thiện giáo dục và sự nghiệp nghệ thuật. Cần tập trung đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị các di sản trong phát triển kinh tế để không chỉ bảo vệ những DSVH của dân tộc, mà còn mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phát triển đất nước trong thời kỳ mở cửa hội nhập.

Công trình nghiên cứu của 中国社会科学院考古研究所文化遗产保护研究中心 (2017), “*文化遗产研究第3辑*”, 出版社 科学出版社, 北京. (Trung tâm nghiên cứu bảo vệ di sản văn hóa, Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc (2017), *Nghiên cứu di sản văn hóa, tập 3* [201]. Công trình nghiên cứu là một bộ sưu tập các bài báo học thuật được biên tập bởi Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn Di sản văn hóa của Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc, bao gồm các nội dung bảo vệ và sử dụng các địa điểm khảo cổ, bảo vệ các di tích văn hóa, bảo vệ các địa điểm khai quật khảo cổ thực địa, bảo vệ và phục hồi các di tích văn hóa lịch sử, phân tích và thử nghiệm các di tích văn hóa, và di tích khảo cổ học.

Công trình nghiên cứu của tác giả 杜金鹏 (2017), “*文化遗产科学研究, 出版社*”, 科学出版社, 北京 (Đỗ Kim Bằng (2017), *Nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa* [199]. Công trình này là một tập hợp các bài báo của tác giả nghiên cứu khoa học về DSVH của Trung Quốc, liên quan đến việc xây dựng hệ thống khoa học DSVH và lý thuyết, phương pháp, công nghệ và các khía cạnh khác của bảo vệ và sử dụng DSVH, bao gồm xây dựng hệ thống lý thuyết, phát triển sáng tạo khảo cổ học, bảo vệ và sử dụng tài sản khảo cổ, nguồn gốc và sự phát triển ban đầu của nền văn minh Trung Quốc cổ đại, quy hoạch điều tra và bảo vệ tài nguyên DSVH khu vực, v.v.

Cuốn sách của tác giả 张松 (2020), “*城市保护规划: 从历史环境到历史性城市景观*”, 出版社 科学出版社, 北京. (Trương Song (2020), *Quy hoạch bảo tồn đô thị: Từ môi trường lịch sử đến cảnh quan thành phố lịch sử* [197]. Dựa trên đánh giá về nguồn gốc của khái niệm bảo tồn cổ vật sớm ở

Trung Quốc và quá trình phát triển lịch sử của luật pháp và quy định, cuốn sách này phân tích các đặc điểm cơ bản của hệ thống bảo vệ và cơ chế của các thành phố chứa đựng các DTLS - VH nổi tiếng ở Trung Quốc, kết hợp với những phát triển mới nhất trong bảo vệ di sản quốc tế và thảo luận một cách có hệ thống các vấn đề về xây dựng và bảo vệ đô thị lịch sử, cũng như bảo trì cảnh quan lịch sử, chính sách cảnh quan và quản lý cảnh quan. Công trình này tiến hành phân tích và nghiên cứu thực nghiệm về bảo vệ và quản lý di sản, bảo vệ cảnh quan và tái tạo các khu vực di sản trong cả nước và chiến lược bảo vệ tổng thể của các vùng văn hóa và sinh thái.

Cuốn sách của 北京国际城市发展研究院 (2022), “*北京的长城*”, 出版社 科学出版社, 北京. (Viện Nghiên cứu phát triển đô thị quốc tế Bắc Kinh (2022), *Vạn Lý Trường Thành của Bắc Kinh* [198]. Với quan điểm "học tập lẫn nhau giữa các nền văn minh, mỗi nền văn minh có vẻ đẹp riêng", cuốn sách tiết lộ trí tuệ của văn hóa truyền thống xuất sắc của Trung Quốc được đại diện bởi công trình Vạn Lý Trường Thành, là một biểu tượng của sự kiên nhẫn và lòng tự hào của người Trung Quốc. Nó mang lại một cái nhìn sâu sắc về quá khứ rực rỡ và là DSVH đặc biệt của đất nước này. Năm 2022. Thế vận hội mùa đông Olympic được tổ chức tại Trung quốc, thúc đẩy mạnh mẽ giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc và các nước trên thế giới. Cuốn sách hướng dẫn mọi người thấy được vẻ đẹp hùng vĩ, mang đậm dấu ấn Trung Hoa của Vạn Lý Trường Thành trong Thế vận hội mùa đông, và để văn hóa Vạn Lý Trường Thành, "danh thiếp vàng" của dân tộc Trung Quốc, "tháp sáng" trên sân khấu thế giới của Thế vận hội mùa đông Bắc Kinh 2022 và Paralympic mùa đông.

Cuốn sách của hai tác giả: 滕磊,王时伟 (2022), “*保护与发展—文化遗产学术论丛, 第1辑*”, 出版社 科学出版社, 北京. (Đặng Lôi, Vương Thế Vi (2022), *Bảo tồn và phát triển - Thảo luận học thuật về di sản văn hóa, tập 1*) [200], là tập hợp của hơn 30 bài báo học thuật, bao gồm các khái niệm, lý thuyết và phương pháp bảo vệ DTLS - VH, quản lý và phục hồi di sản. Các bài viết học thuật này cung cấp tài liệu tham khảo cho đa số độc giả, đặc biệt là các chuyên gia, học giả và những người đam mê lĩnh vực bảo vệ và phát huy DTLS - VH.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước liên quan đến bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

1.1.2.1. Một số công trình nghiên cứu trên phạm vi cả nước liên quan đến đề tài luận án

Nhóm các công trình sách: Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, cùng với quá trình đặt trọng tâm vào đổi mới về kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được quan tâm, nghiên cứu.

Cuốn sách của tác giả Hoàng Vinh (1997), *“Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc”* [190]. Dựa trên các quan niệm về DSVH cả ở phạm vi quốc tế và trong nước, tác giả đã xây dựng một hệ thống lý luận toàn diện về DSVH và bước đầu áp dụng vào việc nghiên cứu thực tiễn DSVH tại Việt Nam. Nội dung cuốn sách tập trung làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến DSVH, bao gồm vai trò và chức năng. Đồng thời, tác giả đã phân tích chi tiết các chính sách bảo tồn và phát triển DSVH dân tộc qua từng nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Từ những phân tích, đánh giá thực trạng DSVH, tác giả đã đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của DSVH một cách hiệu quả.

Cuốn sách của tác giả Trần Quốc Vượng (2000), *“Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm”* [191]. Cuốn sách dày gần 1000 trang bao gồm các công trình đã công bố của tác giả do Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật lựa chọn đưa vào Tủ sách Văn hóa học, nhằm cung cấp những kiến thức, tư liệu và kinh nghiệm để xây dựng ngành Văn hóa học còn đang trong giai đoạn ban đầu ở Việt Nam. Những công trình nghiên cứu được bố cục theo 6 chủ đề chính từ khái niệm - công cụ; không/thời gian văn hóa, con người văn hóa đến các thành tố văn hóa... Mỗi trang viết là kết quả của quá trình tìm tòi suy ngẫm và nghiệm sinh lâu dài, hiện đại về tư liệu, xử lý tài tình mối quan hệ biện chứng giữa Phá bỏ - Bảo tồn - Sáng tạo. Tác giả viết: “Quanh việc kế thừa tinh hoa truyền thống một cách hữu thức, đã có vô số chuyện cần phải bàn cãi rồi. Thế nào là kế thừa? Thế nào là tinh hoa truyền thống? Mặt nào của đời sống văn hóa dân tộc cần bảo tồn nguyên vẹn?... Mặt nào của đời sống văn hóa dân tộc thì bảo tồn từng phần, xóa bỏ một phần đồng thời phát triển ở một phần khác?” [191, tr.30]. Tất

cả các bài viết dù được tiếp cận theo góc độ nào, từ chung đến riêng hay ngược lại từ riêng đến chung đều quán triệt quan điểm toàn diện trong nghiên cứu văn hóa để cố gắng đạt tới nhận thức khoa học, khái quát và khách quan đến mức có thể. Trong mỗi chủ đề, thông qua việc diễn giải vấn đề cụ thể, tác giả sử dụng những hệ khái niệm được hiểu là những khái niệm công cụ, khái niệm chìa khoá dẫn dắt người đọc trên con đường khám phá chân lý khách quan và khái quát của lịch sử, văn hoá dân tộc.

Cuốn sách của tác giả Hoàng Đạo Kính (2002), *“Di sản văn hóa, bảo tồn và trùng tu”* [63], là tập tiểu luận chuyên bàn về công việc bảo tồn và trùng tu di tích. Với kiến thức khoa học vững chắc, chuyên sâu được đào tạo bài bản, bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú đã trải qua, tác giả đã “thổi hồn” vào những bài nghiên cứu tưởng chừng như khô khan, trở nên sống động và hấp dẫn người đọc đến thú vị. Bởi theo tác giả, “Di tích phải được ứng xử bằng văn hóa”; đó là cái nhìn nhân văn, nhất quán, và tư tưởng chủ đạo xuyên suốt nội dung cuốn sách. Công trình là kết quả tổng kết kinh nghiệm qua nhiều năm làm công tác bảo tồn, trùng tu các DSVH của GS Hoàng Đạo Kính.

Cuốn sách của tác giả Phan Ngọc (2002), *“Bản sắc văn hóa Việt Nam”* [72]. Nội dung tác phẩm thể hiện những giá trị bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong quá trình hình thành và phát triển, cung cấp cho độc giả những khái niệm cơ bản của văn hóa học với những cách tiếp cận riêng của tác giả trong nghiên cứu văn hóa, tập trung khảo sát một số vấn đề cụ thể trong văn hóa Việt Nam như: Bản sắc văn hóa Việt Nam trong giao lưu văn hóa; đạo Nho Việt Nam - một sự khúc xạ, trí thức Việt Nam xưa với văn hóa... Tác giả cũng đề xuất giải pháp để bảo vệ văn hóa Việt Nam trong quá trình giao lưu hội nhập. Cuốn sách góp phần xây dựng một ngành khoa học đang trên đà hình thành là Văn hóa học, nhằm cung cấp một số khái niệm để nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam.

Cuốn sách của tác giả Phạm Mai Hùng (2003), *“Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc”* [57] đã phân tích vai trò của hệ thống các bảo tàng Việt Nam trong việc bảo tồn DSVH dân tộc; công tác bảo tồn các DSVH dân tộc; công tác bảo tồn DTLS - VH cũng như các tác phẩm và hiện vật lịch sử Việt Nam; đề xuất một số giải pháp xã hội hóa các hoạt động bảo tồn bảo tàng.

Cuốn sách của tác giả Phan Ngọc (2005), *“Một thức nhận về văn hóa Việt Nam”* [73]. Đây là một cuốn sách hay có giá trị trong việc “thức nhận” về văn hóa Việt Nam. Tác giả Phan Ngọc giới thiệu một cách dễ hiểu về văn hóa Việt, phân tích các vấn đề văn hóa ở mặt quan hệ, lý giải tại sao có những cách giải quyết khác nhau trong các nền văn hóa khác nhau ở các vấn đề có tính toàn nhân loại. Tác giả viết: “Nhưng bản lĩnh văn hóa dân tộc đã kịp thời sửa chữa được nhiều nhược điểm sẵn có của một học văn khoa cử bắt chước Trung Hoa. Bản lĩnh này nằm trong bốn yếu tố đặc biệt của văn hóa Việt Nam đã nói đến ở trên là “Tổ quốc độc lập, gia đình hòa thuận, thân phận được đảm bảo và diện mạo được tôn trọng” trong một xã hội không phải xây dựng trên sự đối lập giữa triều đình và dân chúng như ở Trung Hoa, hay trên sự đối lập giữa đô thị và nông thôn theo chế độ phong kiến như ở Châu Âu trước cách mạng tư sản hay ở Nhật Bản trước vận động Duy Tân” [73, tr.410-411]. Đây là tác phẩm vừa có giá trị lịch sử vừa có giá trị văn hóa, giúp người đọc có cái nhìn bao quát, thấu hiểu đường lối của Đảng, tư tưởng Bác Hồ trong lịch sử - hiện tại, từ đó đổi mới, nâng cao văn hóa ở từng cá nhân phù hợp với hoàn cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH là vấn đề cấp thiết trong toàn xã hội. Đây cũng là một nội dung trọng tâm trong quá trình ĐCSVN lãnh đạo xây dựng và phát triển đất nước, chủ trương bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH được đặc biệt coi trọng.

Cuốn sách của tác giả Phạm Đức Duy (2008), *“Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa”* [38], trên cơ sở kết quả đề tài khoa học cấp Bộ B.06-16 của Viện Văn hóa và Phát triển thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Nội dung cuốn sách tập trung nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc, bản chất, chức năng, vai trò của văn hóa, đi sâu tìm hiểu quan điểm của các nhà kinh điển mác-xít về xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, về một số lĩnh vực cơ bản như văn hóa trong lãnh đạo chính trị; vấn đề xây dựng con người, đạo đức và lối sống; vấn đề phát triển giáo dục - đào tạo, xây dựng đội ngũ trí thức; phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật; báo chí; vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo,... góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Cuốn sách do tác giả Ngô Đức Thịnh chủ biên (2010), “*Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*” [115]. Nội dung cuốn sách gồm hai phần. Phần thứ nhất: Lý thuyết nghiên cứu các giá trị và hệ giá trị tổng quát văn hóa truyền thống Việt Nam; Phần thứ hai: Giá trị văn hóa truyền thống trong một số lĩnh vực đời sống. Nội dung cuốn sách đề cập đến việc tiếp thu và xây dựng một hệ thống các lý thuyết về văn hóa và hệ giá trị văn hóa, coi đó như là công cụ phương pháp luận để nhận thức hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Theo các tác giả, đây là vấn đề phức tạp, còn có nhiều ý kiến khác nhau, do vậy, ngoài những quan điểm chính thống, các tác giả còn cung cấp thêm các quan điểm khác để bạn đọc tham khảo. Bên cạnh đó, cuốn sách đề cập đến hệ giá trị tổng quát truyền thống Việt Nam, phân tích các giá trị văn hóa thể hiện trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống dân tộc, như thích ứng, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đời sống vật chất thỏa mãn nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, trong cách thức tổ chức và ứng xử xã hội, trong sáng tạo văn học - nghệ thuật, trong đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng, trong giáo dục đào tạo, trong giao lưu văn hóa, trong đấu tranh chống ngoại xâm... Các tác giả đã kế thừa kết quả nghiên cứu của người đi trước, đồng thời nghiên cứu nó trong bối cảnh khu vực và toàn cầu hiện nay.

Cuốn sách của hai tác giả Thùy Linh và Việt Trinh (2011), “*Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam*” [66]. Nội dung cuốn sách gồm ba phần: phần thứ nhất: DTLS - VH Việt Nam, phần thứ hai: DSVH Việt Nam, phần thứ ba: Danh lam thắng cảnh Việt Nam. Thông qua đó giới thiệu về giá trị địa danh văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh đất nước Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm tinh thần của những người Việt Nam và những người bạn nước ngoài có mong muốn hiểu biết về Việt Nam.

Cuốn sách do tác giả Nguyễn Đình Thanh chủ biên (2011), “*Di sản văn hóa bảo tồn và phát triển - chuyên đề kiến trúc*” [113] là công trình nghiên cứu của một số giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu ở Việt Nam. Nội dung cuốn sách nhằm giới thiệu một số di sản kiến trúc cũng như hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các di sản này, về việc tiếp cận một số kinh nghiệm bảo tồn di sản kiến trúc của một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở đó, các công trình kiến trúc có những bản sắc riêng biệt: có tính dân tộc và tính địa phương phong phú,

phong cách giản dị, bố cục cân xứng, hài hòa, có sự kết hợp chặt chẽ với cảnh quan thiên nhiên, giàu tính dân gian... Các công trình này đã góp phần tạo ra sự đa dạng của di sản nước nhà. Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di sản ở Việt Nam ngày càng được xã hội quan tâm. Bên cạnh những DSVH phi vật thể và các di sản vật thể khác, kiến trúc và các di tích được chú trọng đầu tư trùng tu, bảo tồn. Tuy nhiên, thực tế công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản này còn nhiều vấn đề bất cập cần có những biện pháp khả thi và kế hoạch lâu dài.

Cuốn sách của tác giả Hoàng Đạo Kính (2012), *“Văn hóa kiến trúc”* [64], đây là cuốn sách thứ ba, sau *“Di sản văn hóa, bảo tồn và trùng tu”* và *“Ngõ phố người đời”*. Công trình này bao gồm 107 bài viết tập hợp từ năm 1997 đến nay, bàn luận về các khía cạnh khác nhau của đô thị, chia thành 4 phần chính: Bảo tồn DSVH; Văn hóa kiến trúc; Đô thị phát triển tiếp nối; Nơi chốn - thời buổi - con người. Cuốn sách cung cấp rất nhiều nguyên tắc và lý thuyết kiến trúc, hiện trạng và các vấn đề lý luận, ứng xử và phát hiện trong bảo tồn di sản kiến trúc, chứa đựng những kiến thức phổ quát từ xã hội học, đô thị học cho đến kiến trúc học. Hơn nữa, các quan điểm của tác giả được coi là góp phần xây dựng nền tảng ban đầu cho ngành đô thị học.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Thịnh (2013), *“Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn”* [116], đã tiếp cận các vấn đề về bảo tồn và phát huy DSVH Việt Nam một cách khá đầy đủ, trên các phương diện bảo tồn và phát huy DSVH, chức năng của DSVH, phân loại DSVH, quản lý DSVH và tư liệu hóa DSVH. Theo tác giả: “Quản lý di sản văn hóa là sự tác động bằng chính sách, pháp luật và tổ chức nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của các sở hữu khác nhau để phát huy các di sản ấy phục vụ giáo dục và nghiên cứu của công chúng. Gắn chặt với công tác giáo dục tư tưởng và vận động, tuyên truyền” [116, tr.202]. Nội dung cuốn sách giúp người đọc thấy được vai trò của DSVH Việt Nam trong việc gắn kết cộng đồng dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa, đồng thời là một bộ phận của DSVH nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Danh Tiên (2013), *“Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới”* [127] đã trình bày một cách hệ thống

quá trình ĐCSVN lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới. Từ năm 1986 đến giữa năm 1996, khi đất nước bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, các chủ trương, chính sách về văn hóa đã được hình thành nhằm định hướng phát triển một nền văn hóa dân tộc, hiện đại và nhân văn. Giai đoạn từ giữa năm 1996 đến năm 2001 đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, đồng thời phát triển văn hóa như một nguồn lực nội sinh quan trọng. Bước sang thập kỷ đầu thế kỷ XXI, tư duy phát triển văn hóa tiếp tục được hoàn thiện và đổi mới, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển KT - XH. Trên cơ sở phân tích quá trình lãnh đạo của Đảng qua từng giai đoạn, chỉ ra những thành tựu nổi bật, đồng thời thấy được những hạn chế và rút ra một số kinh nghiệm quý báu nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và phát triển văn hóa. Cuốn sách cung cấp cho người đọc cái nhìn khá đầy đủ, chi tiết về đường lối, chủ trương của Đảng trong lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH dân tộc.

Cuốn sách của hai tác giả Phan Hồng Giang - Bùi Hoài Sơn (2013), *“Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế”* [49] đã đề cập đến nhiều lĩnh vực cụ thể của hoạt động quản lý văn hóa ở nước ta hiện nay, trong đó có quản lý DSVH. Ở lĩnh vực này, các tác giả đưa ra thực trạng quản lý DTLS - VH, bảo tàng và DSVH phi vật thể. Nội dung cuốn sách giới thiệu những quan điểm chung về quản lý văn hóa trong bối cảnh công cuộc đổi mới đang được đẩy mạnh toàn diện ở nước ta và hội nhập quốc tế, giới thiệu kinh nghiệm quản lý văn hóa của một số quốc gia trên thế giới, đánh giá thực trạng quản lý văn hóa ở Việt Nam từ khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ năm 1986 đến nay. Từ đó đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý văn hóa trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Thịnh (2014), *“Bảo tàng hóa di tích”* [117]. Tác giả luận giải về hình thức bảo tàng hóa trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH nói chung. Về định nghĩa bảo tàng di tích, tác giả viết: “Trên cơ sở di tích lịch sử - văn hóa được kiến lập bảo tàng, tiến hành các công tác chuyên môn của bảo tàng là nghiên cứu, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền giáo dục tại di tích văn hóa ấy, gọi là bảo tàng di tích” [117, tr.6]. Cuốn sách được

biên soạn nhằm góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH, đồng thời góp phần đẩy mạnh hoạt động nghiệp vụ của các bảo tàng. Tác giả cố gắng vận dụng những lý thuyết cơ bản của bảo tàng học và thực hành hoạt động chuyên môn tại các di tích.

Cuốn sách của tác giả Đào Duy Anh (2014), *“Việt Nam văn hóa sử cương”* [1]. Trên cơ sở quan điểm: “Ta muốn trở nên một nước cường thịnh, vừa về vật chất, vừa về tinh thần thì phải giữ văn hóa cũ (di sản) làm thể (gốc, nền tảng), mà lấy văn hóa mới làm dụng, nghĩa là phải khéo điều hòa tinh túy của văn hóa phương Đông với những điều sở trường về khoa học kỹ thuật của văn hóa phương Tây”. Việt Nam văn hoá sử cương là một trong những công trình quan trọng nhất của tác giả Đào Duy Anh. Trên quan niệm súc tích “văn hóa là sinh hoạt”, tác giả Đào Duy Anh đã bao quát tất cả các mảng sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt chính trị - xã hội, và sinh hoạt trí thức, do đó đã tóm tắt, phác họa và minh định được ở chừng mực nào đó lược sử văn hóa của người Việt như một dân tộc, một văn hóa. Nhưng còn hơn thế, ông chỉ ra cả những biến đổi của văn hóa Việt Nam ở thời đoạn Âu hóa, với sự rạn vỡ, hoặc biến đổi của những giá trị cũ và sự lên ngôi của những giá trị mới. Cuốn sách đã được đánh giá là bộ sử toàn diện đầu tiên và có hệ thống nhất về văn hóa Việt Nam từ sơ khởi đến năm 1938, được coi là kim chỉ nam cho nhiều công trình nghiên cứu văn hóa trong suốt gần một thế kỷ qua.

Cuốn sách của tác giả Trương Quốc Bình (2014), *“Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam”* [29] tuyên tập và giới thiệu các bài viết của tác giả về bảo vệ và phát huy các giá trị DSVH Việt Nam: Bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH vật thể và phi vật thể; những kiến giải về vai trò của các bộ sưu tập hiện vật trong quá trình chuẩn bị xây dựng và tổ chức hoạt động của các bảo tàng ở Việt Nam; sắc thái văn hóa của các địa phương trong phát triển du lịch cùng những kỷ niệm về những con người, địa danh mà tác giả đã từng tiếp xúc và đi qua.

Cuốn sách của tác giả Phan Huy Lê (2014), *“Di sản văn hóa dưới góc nhìn lịch sử”* [65]. Cuốn sách không phải là một công trình nghiên cứu về DSVH Việt Nam mà là một số vấn đề về DSVH dân tộc được nghiên cứu và nhìn nhận dưới góc nhìn lịch sử. Lịch sử và văn hóa là nền tảng tồn tại và phát

triển của mọi quốc gia - dân tộc. Có thể nói, có lịch sử và văn hóa là có tất cả, có cơ sở để vượt qua mọi gian nguy, thử thách, để tiếp tục hồi sinh và phát triển. Mật lịch sử và văn hóa chẳng khác gì người mù - điếc, chệnh choạng bước đi trong một không gian mù mịt. Trong cuốn sách này, tác giả không nghiên cứu toàn bộ DSVH dân tộc mà chỉ đi vào một số trung tâm, một số vùng miền cùng từng bộ phận riêng lẻ, trên mỗi lĩnh vực tác giả cũng không tập trung nghiên cứu DSVH mà đưa ra những góc nhìn lịch sử liên quan đến di sản về tiến trình lịch sử, về cơ sở kinh tế, xã hội góp phần nhận thức sự hình thành, phát triển, đặc điểm và giá trị của DSVH.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Thị Hiền (2017), *“Quản lý nhà nước và vai trò cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể”* [52]. Cuốn sách chọn nghiên cứu về công tác quản lý thông qua 5 di sản tiêu biểu, từ đó làm nổi bật sự đa dạng trong các mô hình quản lý đang được áp dụng tại Việt Nam, đồng thời chỉ ra những vấn đề còn tồn tại trong các hình thức quản lý này. Trên cơ sở lý luận kết hợp với việc phân tích thực tiễn, tác giả đã đúc kết những bài học quan trọng trong quản lý DTLS - VH vật thể và phi vật thể. Tác phẩm không chỉ mang tính ứng dụng thực tiễn mà còn cung cấp nền tảng lý luận vững chắc và đưa ra các giải pháp thiết thực để thúc đẩy sự phối hợp hài hòa giữa vai trò quản lý nhà nước và sự tham gia của cộng đồng. Qua đó, cuốn sách góp phần xây dựng cơ chế, chính sách hiệu quả nhằm nâng cao công tác quản lý, bảo vệ và phát huy DSVH phi vật thể tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Bùi Bạch Đằng (2019) trong cuốn sách *“Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ đổi mới (1998 - 2018)”* [47], đã làm rõ quan điểm và sự chỉ đạo của Đảng về phát huy bản sắc văn hóa dân tộc từ năm 1998 đến năm 2014, được thể hiện qua các quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể. Những định hướng này tập trung vào việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong nhiều lĩnh vực. Đảng đã đưa ra các chỉ đạo chiến lược nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa thông qua các nội dung trọng tâm: đẩy mạnh truyền thống yêu nước gắn với mục tiêu độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội; củng cố và phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn mới; nâng cao các giá trị

đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam và triển khai hiệu quả việc bảo tồn, đồng thời phát huy ý nghĩa của các DSVH. Nghiên cứu cũng chỉ ra những thành tựu đạt được cùng với các hạn chế tồn tại, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng nhằm tiếp tục cải thiện vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH của dân tộc.

Cuốn sách của Nhóm Trí Thức Việt (2019), *“Các di tích lịch sử - văn hóa tín ngưỡng nổi tiếng ở Việt Nam”* [189] giới thiệu một số di tích tiêu biểu như khu di tích Đền Hùng, khu di tích danh thắng Yên Tử, khu di tích danh thắng Tây Thiên, Đình Triều Khúc, khu di tích Cổ Loa, chùa Trấn Quốc - danh thắng bậc nhất kinh kỳ,... Ngoài là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng cho nhân dân, những di tích này còn là những DSVH, những công trình nghệ thuật có giá trị được sáng tạo nên bởi sự thông minh, bàn tay khéo léo của nhân dân lao động. Đa số các di tích còn tồn tại cho tới ngày nay đều là những di tích, danh thắng nổi tiếng, những công trình có giá trị phục vụ cho việc tham quan, nghiên cứu, học tập của đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước.

Cuốn sách của tác giả Dương Phong (2023), *“Di sản thế giới ở Việt Nam”* [77], đã giới thiệu về các di sản thế giới ở Việt Nam, cung cấp cho bạn đọc thông tin về những giá trị to lớn mà các di sản đang lưu giữ. Tính đến năm 2012, Việt Nam đã được UNESCO công nhận 17 di sản thế giới, trong đó có 02 di sản thiên nhiên, 05 DSVH, 07 DSVH phi vật thể và 03 di sản tư liệu. Ngoài ra, Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn cũng đã được Hội đồng tư vấn Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu (GGN) công nhận. Các di sản này không chỉ là minh chứng cho một đất nước Việt Nam tươi đẹp, đa dạng về phong cảnh thiên nhiên; phong phú về bản sắc văn hóa dân tộc; có bề dày lịch sử mà còn là những điểm đến thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế đến tham quan mỗi năm. Qua đó góp phần hình thành ý thức, trách nhiệm trong việc gìn giữ, bảo vệ và phát huy những giá trị của các di sản tới đông đảo cộng đồng trong xã hội để những giá trị đó ngày càng được phổ biến và nhân lên mãi.

Nhóm các công trình bài đăng Tạp chí: Cùng với những công trình nghiên cứu, những cuốn sách đã nêu trên, còn có một số lượng khá lớn các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành như Tạp chí Di sản văn hóa, Văn hóa

Nghệ thuật, Văn hóa học, Nghiên cứu văn hóa, Tạp chí Lịch sử Đảng... có nội dung bàn về các DTLS - VH. Các bài viết này cơ bản đề cập đến vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị DTLS - VH gắn với phát triển kinh tế, nhất là trong thời kỳ mở cửa hội nhập.

Bài viết của tác giả Lưu Trần Tiêu (2002), “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam” [129]. Khi đề cập đến vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di tích, tác giả cho rằng, hoạt động bảo tồn di tích thể hiện ở 3 mặt cụ thể là: Bảo vệ di tích về mặt pháp lý và khoa học, bảo vệ di tích về mặt vật chất kỹ thuật, cuối cùng là sử dụng di tích phục vụ nhu cầu của xã hội. Cụ thể, trong công tác quản lý tập trung vào ba vấn đề là: công nhận di tích, quản lý cổ vật và phân cấp quản lý di tích. Theo tác giả, có làm tốt ba vấn đề này mới bảo vệ những giá trị cốt lõi của các DTLS - VH, nhất là trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa như hiện nay, đồng thời phát huy giá trị của các DTLS - VH trong phát triển KT - XH, góp phần mang lại sự phồn vinh cho đất nước.

Trong bài viết "Tầm nhìn tương lai đối với di sản văn hóa và hệ thống bảo vệ di tích ở nước ta" của tác giả Nguyễn Quốc Hùng [59]. Tác giả đã tập trung phân tích những tác động mà quá trình CNH, HĐH gây ra đối với hệ thống DSVH nói chung và DTLS - VH nói riêng. Tác giả đã đưa ra một lộ trình ba bước nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của DSVH trong bối cảnh CNH, HĐH hiện nay. Cụ thể: Bước thứ nhất cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến và đưa Luật Di sản văn hóa đi vào cuộc sống, bước thứ hai là xây dựng tổng thể quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, ưu tiên cải thiện điều kiện của di sản thông qua việc bảo quản, tu bổ, phục hồi, và bước thứ ba là tổ chức tôn tạo, cải thiện môi trường cảnh quan của di sản. Theo nhận định của tác giả, việc bảo vệ và gìn giữ di sản trong tương lai không chỉ dừng lại ở sự phối hợp giữa các cấp chính quyền, ngành chức năng và địa phương trong phạm vi quốc gia, mà còn đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ trên quy mô toàn cầu. Mục tiêu chung được đặt ra là bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, qua đó không chỉ góp phần thúc đẩy sự phát triển KT - XH mà còn giữ gìn các giá trị ấy cho thế hệ mai sau.

Trong thời kỳ đất nước đang phát triển về mọi mặt, có sự hội nhập quốc tế thì DSVH cũng được coi là một trong những nguồn lực tham gia vào

sự phát triển chung. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tác động tích cực tới nền kinh tế, đời sống xã hội thì quá trình hội nhập và phát triển cũng tạo ra những tác động tiêu cực, những hạn chế nhất định, nhất là đối với các DSVH, trong đó có các DTLS - VH. Bài viết của tác giả Hà Văn Tấn (2005), “Bảo vệ di tích lịch sử văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *In trong cuốn Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*” [112] đã nhận định rằng các DTLS - VH hiện nay đang dần bị hủy hoại, có những di tích thậm chí bị mất tích trên bản đồ đất nước. Ông phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng di tích bị hủy hoại trong đó có việc bảo tồn các di tích chưa được quan tâm đúng mức, có những bia đá bị phơi sương gió, có những cơ quan nhà nước lấn chiếm di tích, có nhiều di tích bị đào bới để tìm vàng hay tìm đồ cổ, ngoài ra còn có mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển, quá trình đô thị hóa dồn dập với yêu cầu bảo vệ nguyên trạng di tích. Bài viết của Giáo sư Hà Văn Tấn đã đánh giá đúng thực trạng các DTLS - VH, đánh giá nguyên nhân các di tích bị hủy hoại và đặt ra vấn đề bảo vệ các di tích trong bối cảnh đô thị hóa, hội nhập mở cửa hiện nay.

Bài viết của tác giả Đặng Văn Bài (2006), “Tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử và văn hóa là hoạt động có tính đặc thù chuyên ngành” [3]. Công tác tu bổ di tích phải đảm bảo giữ lại tối đa những yếu tố nguyên gốc của di tích, trên cơ sở khoa học đáng tin cậy khôi phục lại một cách chính xác những yếu tố đã bị mất mát, thiếu hụt trong quá trình tồn tại của di tích, trả lại cho di tích hình dáng vốn có của nó, làm cho di tích có độ bền vững về mặt kết cấu để tồn tại lâu dài. Bài viết cũng đưa ra các nguyên tắc trong tu bổ, tôn tạo di tích, vai trò quản lý của nhà nước đối với quá trình xây dựng, thực thi các dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, đề xuất các bước quản lý xây dựng dự án quản lý, bảo tồn di tích. Theo tác giả, công tác quản lý việc xây dựng và thi công các dự án tu bổ tôn tạo di tích là một hoạt động có tính chất chuyên ngành có nhiều đặc điểm khác biệt so với việc quản lý dự án xây dựng các công trình mới, do đó tất yếu phải có cơ chế quản lý mang tính chuyên biệt trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật Di sản văn hóa và Luật Xây dựng.

Bài viết của tác giả Nguyễn Thế Hùng (2007), “Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước” [58] đã trình bày

hệ thống các DTLS - VH và danh lam thắng cảnh có giá trị của đất nước. Chỉ ra tình hình bảo tồn và phát huy các giá trị DTLS - VH và danh lam thắng cảnh đó, nhấn mạnh mối quan hệ giữa di tích và phát triển du lịch, khẳng định nguồn tài nguyên di tích cũng có thể bị cạn kiệt như tài nguyên dầu mỏ, than đá... nếu chỉ tập trung khai thác mà không bảo tồn. Bảo tồn và khai thác luôn là hai mặt của một vấn đề, nếu chỉ bảo tồn mà không chú ý tới khai thác sẽ gây lãng phí tài nguyên, hạn chế việc phát huy giá trị; nếu chỉ khai thác mà không bảo tồn thì còn nguy hiểm hơn nữa, điều đó sẽ gây hủy hoại di tích, hủy hoại môi trường và những hậu quả to lớn khác cho toàn xã hội. Bài viết đã đưa ra một số quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Bài viết của tác giả Nguyễn Quốc Hùng (2007), “Mấy vấn đề về giá trị nổi bật toàn cầu của di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới” [60]. Bài viết xoay quanh vấn đề các tiêu chí xác định giá trị nổi bật toàn cầu của các DSVH và thiên nhiên thế giới theo Công ước năm 1972 (Công ước của UNESCO về bảo vệ DSVH và thiên nhiên thế giới), đề cập đến các tiêu chí hướng dẫn hoạt động thực hiện Công ước, việc xác định được giá trị toàn cầu của các di sản thế giới là một công việc không dễ dàng cho cả các nước thành viên và các tổ chức tư vấn của UNESCO, Ủy ban Di sản thế giới. Do đó, cần nghiên cứu kỹ lưỡng những văn bản hướng dẫn của Trung tâm Di sản thế giới để đề xuất chính xác các di sản và xây dựng hồ sơ theo đúng quy chuẩn của UNESCO.

Bài viết của tác giả Nguyễn Quốc Hùng (2013), “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên trong quá trình hội nhập và phát triển” [61]. Nội dung bài viết đề cập đến công tác quản lý nhà nước về DSVH và thiên nhiên trong quá trình hội nhập, phát triển. Khẳng định hội nhập và phát triển đã tạo điều kiện cho DSVH và thiên nhiên của nước ta tăng thêm vị thế và có sức lan tỏa mạnh mẽ, chúng ta có thêm nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH và thiên nhiên của đất nước ngang tầm khu vực và thế giới. Ngược lại, DSVH và thiên nhiên đã góp phần ngày càng tích cực vào sự phát triển và hội nhập đất nước. Tuy nhiên, hội nhập và phát triển cũng đặt ra những thách thức cho sự tồn tại bền vững của DSVH và thiên nhiên của đất nước. Điều này đòi hỏi sự chung tay góp sức của toàn xã hội từ các

cơ quan quản lý nhà nước đến cộng đồng và từng người dân cùng với sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế.

Bài viết của tác giả Nguyễn Huy Phòng (2017), “Những thách thức trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta hiện nay” [78]. Bài viết đã giới thiệu về một số di sản thế giới ở Việt Nam, bên cạnh đó, Việt Nam còn có hàng nghìn DTLS - VH cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt, cấp tỉnh và các lễ hội văn hóa truyền thống được tổ chức hàng năm. Sự phong phú, đa dạng của hệ thống DSVH, DTLS - VH là một lợi thế quan trọng để phát triển đất nước. Tuy nhiên, đó không phải là những tài sản bất biến mà qua thời gian và những tác động của cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan có thể gây ảnh hưởng xấu đến di tích. Do đó, cần nhận diện những nguy cơ, thách thức đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DSVH. Tác giả đã chỉ ra một số thách thức trong bảo tồn, phát huy DSVH như sự xuống cấp của các DSVH vật thể, không gian, cảnh quan kiến trúc bị xâm hại, công tác quản lý còn bất cập... từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị để bảo tồn và phát huy thế mạnh của nguồn lực nội sinh quan trọng này trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết của tác giả Bùi Thị Kim Chi (2021), “Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát huy giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam” [30]. Trên cơ sở khẳng định công nghiệp văn hóa là sử dụng năng lực sáng tạo của các chủ thể dựa trên nguồn vốn văn hóa để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ văn hóa của người dân. Bài viết đã góp phần làm rõ quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp văn hóa, trong đó nhấn mạnh coi văn hóa như một sức mạnh mềm của dân tộc Việt Nam, gắn phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau. Tác giả khẳng định phát triển ngành công nghiệp văn hóa góp phần phát huy giá trị văn hóa dân tộc, nâng cao ý thức khôi phục, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam; khuyến khích người dân biểu hiện, thực hành các giá trị văn hóa dân tộc và công nghiệp văn hóa góp phần mở rộng quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam.

Bài viết của tác giả Vũ Thị Phương Hậu (2022), “Quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam trong 35 năm đổi mới (1986 - 2021)”

[51]. Tác giả đã làm rõ quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp phát triển bền vững đất nước, đồng thời phân tích những định hướng lớn của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội XIII (2021). Trong quá trình lãnh đạo, đặc biệt từ công cuộc đổi mới, Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển quốc gia, từ đó ban hành nhiều chủ trương, quan điểm và định hướng chỉ đạo nhằm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Qua các kỳ Đại hội và Hội nghị Trung ương, lĩnh vực văn hóa nói chung, cùng với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa nói riêng, luôn được xác định là nhiệm vụ trọng yếu, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

Bài viết của tác giả Đoàn Thanh Thủy (2024), “Chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam từ năm 1943 đến nay” [118] đã góp phần làm rõ những điểm chính, chủ đạo và xuyên suốt trong chủ trương của Đảng về văn hóa từ năm 1943 đến nay nhằm tiếp tục phát huy vai trò của văn hóa trong thời kỳ mới. Tác giả nhấn mạnh một số nội dung chủ đạo: Thứ nhất, chủ trương của Đảng luôn khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của văn hóa trong bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước; Thứ hai, nội dung giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc luôn được nhấn mạnh trong các chủ trương của Đảng về văn hóa; Thứ ba, phát huy sức mạnh “nội sinh” của văn hóa là mục tiêu quan trọng được đề ra trong các chủ trương của Đảng. Có thể thấy, chủ trương của Đảng về văn hóa vừa mang tính kế thừa, vừa có sự phát triển, đáp ứng yêu cầu lịch sử, góp phần khẳng định vai trò của văn hóa như nền tảng, động lực và mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

Một số công trình luận án Tiến sĩ: Di sản văn hóa nói chung, DTLS - VH nói riêng luôn là lĩnh vực nghiên cứu nhận được sự quan tâm sâu sắc của các nghiên cứu sinh, đã có nhiều luận án chuyên sâu được thực hiện trong những năm gần đây.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế học, Viện Kinh tế học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia của tác giả Từ Mạnh Lương (2003), “Một số chính sách và giải pháp kinh tế - xã hội chủ yếu nhằm bảo tồn, tôn tạo và nâng cao hiệu quả khai thác các di tích lịch sử - văn hóa của dân tộc giai đoạn phát triển

mới của đất nước” [68]. Dưới góc độ kinh tế học, tác giả đã đưa ra khái niệm mới về di tích, theo đó: “Di tích là một không gian vật chất cụ thể, khách quan, nó không những kết tinh giá trị lao động do con người trong lịch sử sáng tạo ra mà còn chứa đựng những giá trị điển hình về lịch sử, văn hóa, khoa học”. Vận dụng, nghiên cứu vào luận án, phân loại di tích theo hình thức quản lý và điều kiện khai thác. Từ đặc điểm của hệ thống di tích ở Việt Nam, tác giả khẳng định vai trò của di tích trong phát triển kinh tế xã hội, vai trò của các chính sách giải pháp KT - XH trong bảo tồn, tôn tạo và khai thác giá trị các di tích. Qua thực tiễn nghiên cứu, tác giả đưa ra một số chính sách và giải pháp KT - XH chủ yếu để nâng cao hiệu quả bảo tồn, tôn tạo và khai thác giá trị các di tích của dân tộc trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Bộ quốc Phòng của tác giả Bùi Bạch Đằng (2017), “Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát huy bản sắc văn hóa dân tộc từ năm 1998 đến năm 2014” [46]. Tác giả đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc. Trên cơ sở đó, luận án phân tích yêu cầu khách quan, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng trong việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời đánh giá thực tiễn lãnh đạo, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, từ đó bước đầu rút ra một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho việc tiếp tục xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn với mục tiêu phát triển con người toàn diện trong thời kỳ mới.

Luận án Tiến sĩ Quản lý công - Học viện Hành chính Quốc gia của tác giả Quách Mạnh Dũng (2018), “Quản lý nhà nước về di tích quốc gia đặc biệt vùng Đồng bằng sông Hồng” [37]. Tác giả đã tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước đối với các di tích cấp quốc gia đặc biệt tại vùng Đồng bằng sông Hồng. Khảo sát hệ thống tổ chức quản lý, chỉ ra những bất cập về cơ chế phối hợp giữa các cấp, từ Trung ương đến địa phương, cùng các thách thức trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các giải pháp như: Hoàn thiện quy hoạch tổng thể; Tăng cường đầu tư hạ tầng; Nâng cao năng lực cán bộ quản lý; Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích nhằm nâng cao hiệu quả trong

quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích quốc gia đặc biệt vùng Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế Quốc tế, trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội của tác giả Nguyễn Phúc Lưu (2020), “Phát triển du lịch di sản văn hóa theo hướng bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý đối với Việt Nam”, [69]. Luận án nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch di sản văn hóa theo hướng bền vững, thông qua khảo sát thực tiễn tại một số quốc gia châu Á như Nhật Bản, Ấn Độ, Malaysia, Hàn Quốc, nghiên cứu chính sách phát triển, thực trạng du lịch DSVH, đánh giá những tác động của du lịch di sản văn hóa đối với sự phát triển KT - XH của các nước. Trên cơ sở đó, tác giả rút ra những kinh nghiệm quốc tế có giá trị tham khảo cho Việt Nam, đồng thời phân tích thực trạng hoạt động du lịch di sản theo hướng bền vững ở trong nước. Luận án đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả phát triển du lịch di sản bền vững, với trọng tâm là cơ chế quản lý nhà nước, vai trò của doanh nghiệp du lịch và sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương.

Luận án Tiến sĩ Quản lý văn hóa, Đại học Văn hóa Hà Nội của tác giả Nguyễn Viết Cường (2021), “Quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam theo công ước di sản thế giới”, [36]. Tác giả nghiên cứu công tác quản lý di sản Thế giới tại Việt Nam trong khuôn khổ thực hiện Công ước Di sản Thế giới của UNESCO. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quản lý di sản Thế giới hiện nay, luận án làm rõ những vấn đề tồn tại, đồng thời khảo sát định hướng chiến lược của UNESCO và của Việt Nam trong lĩnh vực này. Luận án cũng tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm quản lý di sản Thế giới của một số quốc gia tiêu biểu, từ đó rút ra những bài học có giá trị tham khảo cho bối cảnh Việt Nam. Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di sản Thế giới ở Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa.

Luận án Tiến sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia của tác giả Triệu Thị Ngọc (2022), “Quản lý nhà nước về di sản văn hóa vật thể của thế giới tại Việt Nam” [74]. Dưới góc độ quản lý nhà nước, tác giả đã đi sâu nghiên cứu về DSVH vật thể thế giới, quản lý nhà nước về DSVH và quản lý nhà nước về

DSVH vật thể thể giới; nội dung, vai trò, các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về DSVH vật thể thể giới cùng những bài học kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới. Luận án khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với DSVH vật thể thể giới tại Việt Nam, làm rõ những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đó. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, định hướng của Nhà nước và ngành văn hóa, luận án đề xuất tám giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về DSVH vật thể thể giới tại Việt Nam, đó là: Xây dựng chiến lược theo hướng phát triển liên kết chuỗi DSVH vật thể thể giới, quy hoạch, kế hoạch tại địa phương và vùng; Cụ thể hóa và triển khai kịp thời hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về DSVH vật thể thể giới; Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về DSVH vật thể thể giới theo hướng tinh gọn và thống nhất; Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức theo hướng chuẩn hóa và chuyên môn hóa; Tăng mức đầu tư từ ngân sách, khuyến khích xã hội hóa huy động nguồn lực, phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính; Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về DSVH vật thể thể giới tại Việt Nam; Đổi mới nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực DSVH vật thể thể giới; Hoàn thiện phân cấp và cụ thể hóa quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về DSVH vật thể thể giới tại Việt Nam. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Luận án Tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh của tác giả Đỗ Thị Thanh Hương (2022), “Pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam” [62]. Luận án đã đóng góp quan trọng vào việc làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị của DSVH phi vật thể. Nghiên cứu đưa ra những đề xuất điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cải thiện công tác bảo tồn và phát huy các giá trị này. Những đóng góp của luận án không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong quản lý nhà nước mà còn tăng cường ý thức trách nhiệm của cộng đồng và từng cá nhân trong việc bảo vệ cũng như thúc đẩy sự phát triển ổn định và bền vững của DSVH phi vật thể.

1.1.2.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở các địa phương

Cuốn sách của Sở Văn hóa thông tin - Bảo tàng tỉnh Quảng Trị (2004), *“Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Trị”* [86]. Cuốn sách được thực hiện với mục đích cung cấp một cái nhìn tổng quan về các cụm di tích, đi kèm với việc giới thiệu chi tiết nội dung và ý nghĩa gắn liền với từng di tích cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Thông qua đó, góp phần làm sáng tỏ thêm những khía cạnh quan trọng của lịch sử, đóng vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống, nâng cao nhận thức văn hóa và lịch sử cho mỗi cá nhân trong cộng đồng. Đồng thời, đây còn là một bước đi nền móng giúp khơi gợi sự tham gia chủ động của người dân trong việc bảo vệ và gìn giữ các giá trị quý báu thuộc về DTLS - VH. Trên cơ sở những thông tin cung cấp trong cuốn sách, các hoạt động liên quan đến quy hoạch, đầu tư và tôn tạo các di tích sẽ được định hướng tốt hơn nhằm khai thác tiềm năng sẵn có và phát huy giá trị bền vững của các DTLS - VH trong đời sống xã hội.

Cuốn sách của các tác giả Phạm Hữu Mỹ - Nguyễn Văn Đường (2006), *“100 câu hỏi đáp về di tích lịch sử - văn hóa ở thành phố Hồ Chí Minh”* [70] đã tổng hợp 100 câu hỏi và câu trả lời liên quan đến DTLS - VH, và DTLS - VH ở thành phố Hồ Chí Minh, được hình thành qua nhiều giai đoạn khai phá, xây dựng và đấu tranh của các thế hệ cư dân trên vùng đất này. Cuốn sách không chỉ tái hiện giá trị của những di sản cần được gìn giữ, mà còn nhấn mạnh sự quan trọng của việc phát huy những giá trị ấy nhằm góp phần vào sự phát triển hài hòa và bền vững của thành phố, không chỉ trong hiện tại mà còn hướng đến tương lai. Để trả lời cho câu hỏi: Tại sao phải bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH? Tác giả viết: “Việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa có mối liên hệ hữu cơ với nhau. Phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa là tiền đề và mục đích của việc bảo tồn, bảo tồn di tích tốt sẽ góp phần tạo điều kiện cho di tích phát huy những giá trị vốn có của nó trên nhiều phương diện, và giá trị của di tích được phát huy sẽ mang lại những ý nghĩa và hiệu quả thiết thực về mặt văn hóa - xã hội - kinh tế và khoa học” [70, tr.20].

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Chí Bền (2010), *“Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội”* [12] thuộc nhánh

của Chương trình Khoa học cấp Nhà nước KX.09 đã trình bày. Công trình phân tích khá rõ những vấn đề về lý luận, thực tiễn cùng những kinh nghiệm bảo tồn, phát huy giá trị của DSVH vật thể Thăng Long - Hà Nội, tiếp thu những quan điểm mới về quản lý di sản của nhiều nước trên thế giới để có thể áp dụng vào thực tiễn ở nước ta. Công trình đã làm rõ giá trị của DSVH vật thể Thăng Long-Hà Nội từ góc tiếp cận DSVH, bao hàm cả vật thể lẫn phi vật thể trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, những nguy cơ, thách thức của công cuộc bảo tồn DSVH trong bối cảnh đô thị hoá ở thủ đô; vai trò của chủ thể văn hoá trong công cuộc bảo tồn DSVH Thăng Long - Hà Nội. Đề xuất các nhóm khuyến nghị để bảo tồn và phát huy giá trị của các DSVH vật thể của thủ đô. Dưới góc độ quản lý thì đây chính là những đề xuất cho công tác quản lý DTLS-VH của Thủ đô Hà Nội hiện nay, đồng thời là một nguồn thông tin quan trọng cho các địa phương trong cả nước tham khảo.

Tác giả Nguyễn Danh Tiên (2014), với bài viết "Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế" [128], đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, nêu rõ bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Hà Nội cần chú ý đến việc nâng cao vai trò lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy đảng và của từng đảng viên đối với sự nghiệp phát triển văn hóa Thủ đô, cũng như trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của Hà Nội. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về văn hóa, đồng thời không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và quản lý văn hóa. Chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH, tín ngưỡng của Thủ đô đi đôi với không ngừng tiếp biến văn hóa toàn nhân loại. Tăng cường xã hội hóa các hoạt động văn hóa và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật và xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa đáp ứng yêu cầu.

Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội của tác giả Trần Đức Nguyên (2015), "Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa" [76]. Luận án đã làm rõ tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, cơ sở lý thuyết của đề tài, những đặc điểm tình hình về hệ thống DTLS - VH ở Bắc Ninh, thực trạng hoạt động quản lý DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu làm rõ tác động công nghiệp hóa, đô thị hóa tới các di tích cũng như hoạt động quản lý di

tích, tìm ra những thành công cũng như những hạn chế trong công tác quản lý di tích ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và đưa ra các quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các DTLS - VH ở Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay.

Luận án Tiến sĩ Văn hóa học của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà (2016), “Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam” [50] đã phân tích những tác động của phát triển kinh tế du lịch tới hệ thống các DSVH ở Hội An, mối quan hệ giữa quản lý DSVH với du lịch và tác động của du lịch đối với đô thị cổ Hội An. Kết quả nghiên cứu của Luận án cho thấy sự hiện diện của mối quan hệ năng động giữa quản lý di sản và phát triển du lịch ở phố cổ Hội An, là cơ sở gợi ý cho việc xây dựng một mô hình quản lý phù hợp hơn và hiệu quả hơn, giảm thiểu tối đa các khả năng có thể ngăn cản đạt được sự hợp tác thực sự giữa hai ngành.

Luận án Tiến sĩ Văn hóa học của tác giả Đào Ngọc Anh (2016), “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa người H’ mông thông qua du lịch cộng đồng ở bản Sín Chải, huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai” [2]. Tác giả đã phân tích mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người dựa vào phát triển du lịch cộng đồng, thực trạng của bản Sín Chải trong bối cảnh du lịch cộng đồng của Sa Pa, rút ra kinh nghiệm và đề xuất các lý luận, kiến nghị gắn bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH người H’ Mông thông qua du lịch cộng đồng.

Bài viết của tác giả Dương Hoàng Lộc (2016), “Di tích khảo cổ Cát Tiên với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng hiện nay” [67]. Di tích Cát Tiên được xem như một đô thị tôn giáo trên vùng đất phương Nam, tập hợp nhiều kiến trúc tôn giáo trên một không gian rộng lớn, giá trị lịch sử và văn hóa của di tích này là góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu những nền văn hóa cổ ở Nam Bộ. Tác giả đưa ra những luận giải về mối quan hệ giữa di tích Cát Tiên với sự phát triển KT - XH của Lâm Đồng, nhấn mạnh di tích khảo cổ Cát Tiên là một DSVH độc đáo, rất cần được bảo vệ và phát huy giá trị để phát triển KT - XH của địa phương, trong đó có ngành Du lịch. Qua đó đề xuất một số giải pháp để di tích khảo cổ Cát Tiên trở thành điểm đến du lịch nổi tiếng của Lâm Đồng.

Bài viết của các tác giả Nguyễn Thức - Kim Dung (2017), “Xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích qua trường hợp đền Diên Cờ xứ

Nghệ” [119]. Công trình đã làm rõ quá trình xã hội hóa phục dựng di tích đền Diên Cờ, Nghệ An và hình ảnh ngôi đền sau khi được tu bổ, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm về xã hội hóa trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Từ những quy định của pháp luật về DSVH có thể nhận thấy xã hội hóa trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị DSVH là một trong những hoạt động hợp pháp được nhà nước khuyến khích, vốn xã hội hóa là một trong ba nguồn tài chính cơ bản để đầu tư cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị DSVH trong đó có DTLS - VH.

Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của tác giả Trần Thị Kim Ninh (2018), “Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014” [75]. Luận án đã làm rõ quá trình Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH trên địa bàn thành phố từ năm 1998 đến năm 2014. Từ đó bước đầu rút ra những nhận xét, kinh nghiệm qua thực tiễn lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản của Đảng bộ thành phố. Là nguồn tư liệu quan trọng cả về lý luận và thực tiễn để Đảng bộ thành phố tiếp tục lãnh đạo công tác này, đồng thời luận án có thể dùng làm tài liệu trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương, là tài liệu tham khảo cho các đề tài nghiên cứu có liên quan.

Luận án Tiến sĩ lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng của tác giả Hoàng Văn Vân (2018), với đề tài: “Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng từ năm 1996 đến năm 2015” [188] đã phân tích các yếu tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng của Đảng bộ tỉnh Nghệ An như điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước đối với bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng. Luận án tập trung làm rõ thực trạng các di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh và chủ trương của Đảng bộ tỉnh trong lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng, đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và một số bài học kinh nghiệm.

Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh của tác giả Trần Bá Tăng (2020), “Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014” [111]. Luận án

nghiên cứu, trình bày có hệ thống khoa học chủ trương và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Hà Nội về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH từ năm 1998 đến năm 2014, đưa ra những nhận xét đánh giá có cơ sở khoa học về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trên cả hai bình diện ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế, đồng thời đúc kết những kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị DSVH từ năm 1998 đến năm 2014 của đảng bộ thành phố Hà Nội.

Bài viết của tác giả Nguyễn Minh Quang (2023), “Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử (1996 - 2015)” [79] đã khẳng định các DSVH, di tích lịch sử là tài sản vô giá và nguồn lực quan trọng trong xây dựng và phát triển địa phương. Trên cơ sở đó, Đảng bộ, Chính quyền tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để kịp thời chỉ đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh phục vụ cho mục tiêu xây dựng và phát triển KT - XH, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ.

Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội của tác giả Nguyễn Minh Quang (2025), “Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2015” [80]. Luận án tập trung nghiên cứu quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 1996 - 2015, trình bày có hệ thống chủ trương và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Tác giả đã làm rõ những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân. Qua đó, khẳng định vai trò lãnh đạo, sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Đảng bộ tỉnh đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH; đồng thời bước đầu đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo, có thể vận dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH của Đồng Nai và những địa phương có đặc điểm tương đồng trong giai đoạn tiếp theo.

Những công trình nghiên cứu về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH ở các địa phương trên cả nước đã đề cập đến thực trạng bảo tồn, những kết quả, hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị DTLS - VH nói

chung, sự lãnh đạo của các Đảng bộ địa phương nói riêng. Đồng thời, một số công trình đã nêu giải pháp, kinh nghiệm nhằm phát huy hiệu quả trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị DTLS - VH trong thời gian tiếp theo. Đó cũng là luận cứ để nghiên cứu sinh đối chiếu, so sánh tìm ra điểm tương đồng và nét đặc thù trong quá trình cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về bảo tồn, phát huy các giá trị DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình.

1.1.2.3. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở Ninh Bình.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, Ninh Bình đã có nhiều đổi thay về mọi mặt, song trên mảnh đất “địa linh” ấy hiện vẫn lưu lại nhiều di sản quý báu của dân tộc, nhiều DTLS - VH có giá trị to lớn cả về vật chất và tinh thần. Cùng với đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình là một vấn đề được nhiều cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học quan tâm.

Tác giả Lã Đăng Bật, một nhà nghiên cứu đã có rất nhiều đóng góp trong nghiên cứu về DTLS - VH Ninh Bình với một số công trình như: “*Cố đô Hoa Lư - Lịch sử và danh thắng*” [7]; “*Kinh đô Hoa Lư xưa và nay*” [8], “*Đất và Người Ninh Bình*” [9], “*7 Di tích - Danh thắng Ninh Bình nổi tiếng*” [10], “*Nước Đại Cồ Việt xưa và Cố đô Hoa Lư nay*” [11]. Trong các công trình này, tác giả đã giới thiệu về không gian, thời gian của Cố đô Hoa Lư và giới thiệu về vị trí, kiến trúc cũng như giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích, danh thắng nổi tiếng của Ninh Bình, vừa có tính hệ thống, vừa có những phát hiện mới từ các nguồn tư liệu tin cậy và kết quả quan sát trực tiếp của tác giả. Tác giả đã dày công sưu tầm, xem xét, suy kết làm nổi bật vai trò, giá trị lịch sử, văn hoá của mỗi triều đại từ đời vua Đinh Tiên Hoàng (968 - 979) đến Lê Long Đĩnh (1005 - 1009). Các tác phẩm đã góp phần giúp người đọc hiểu thêm về lịch sử dân tộc, hiểu biết đầy đủ, sâu sắc hơn về một vùng đất lịch sử văn hiến gắn liền với những nhân vật lịch sử đã có công lao trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Cuốn sách của tác giả Đặng Công Nga (2002), “*Kinh đô Hoa Lư thời Đinh - Tiền Lê*” [71]. Kinh đô Hoa Lư là một công trình kiến trúc độc đáo, thể hiện một quá trình vừa duy trì, phát triển kiến trúc cổ truyền, vừa tiếp thu những tinh hoa kỹ thuật mới, từ đó tạo nên một phong cách riêng của Việt Nam ở thế

kỷ X. Cuốn sách nghiên cứu toàn diện, công bố và hệ thống hóa các DTLS - VH của hai triều đại Đinh - Tiền Lê, khẳng định vị trí của hai triều Đinh - Tiền Lê trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trò (2004) với công trình “*Cố đô Hoa Lư*” [151] đã giới thiệu về Cố đô Hoa Lư từ những ngày đầu khi Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp và thu phục 12 sứ quân đến khi xây dựng Kinh đô đầu tiên của chế độ quân chủ tập quyền ở Việt Nam, về các công trình kiến trúc, các DTLS - VH, những dấu ấn đậm nét của Kinh đô nghìn năm văn hiến. Từ khi nhà Lý dời đô về Đại La - Thăng Long (thủ đô Hà Nội), Hoa Lư tuy không còn là Kinh đô đất nước nhưng vẫn đảm nhiệm vai trò như một trung tâm văn hóa, mang giá trị tinh thần, kiến trúc của dân tộc. Bắt đầu từ thời nhà Lý, cố đô Hoa Lư trở thành phủ, sang thời Trần là Lộ (sau đổi thành Trấn) và phủ Trường Yên thời Lê Sơ, một trong những vùng đất quan trọng của Thanh Hoa ngoại trấn. Sang thời nhà Nguyễn, Hoa Lư trở về là phủ Trường Yên.

Tiếp đó, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trò (2007), ra mắt cuốn sách “*Di tích lịch sử văn hóa về hai triều Đinh - Tiền Lê ở Ninh Bình*” [152]. Cuốn sách nghiên cứu các DTLS - VH liên quan đến hai triều đại phong kiến tập quyền đầu tiên của Việt Nam trên mảnh đất Cố đô. Những dấu tích lịch sử - văn hóa của hai triều đại rất phong phú và đa dạng, bao gồm hệ thống kiến trúc đền thờ, chùa, tường thành, hoàng thành, hang động và một số công trình khác được tác giả đề cập đến trong cuốn sách.

Cuốn sách của hai tác giả Lê Văn Thao và Trương Đình Tường (2011), “*Đền vua Đinh vua Lê - Những giá trị đặc sắc về lịch sử văn hóa*” [114]. Cuốn sách giới thiệu về kiến trúc và quy hoạch khu đền thờ vua Đinh, vua Lê với nhiều di vật có giá trị về lịch sử và nghệ thuật. Đó là những cổ vật bằng đất nung từ thế kỷ X - XI, cổ vật bằng gỗ từ thế kỷ XVII, cổ vật đá từ thế kỷ XVII - XIX cũng như tượng các vị vua từ thế kỷ XIX.

Công trình của hai tác giả Đỗ Danh Gia và Hoàng Linh (2011), “*Địa danh ở tỉnh Ninh Bình*” [48] đã đề cập một cách tương đối rộng rãi, từ các làng, xã, tổng, huyện, phủ cho đến núi sông... các địa danh là di tích lịch sử như các đền, đình, chùa, nhà thờ tôn giáo, các di tích khảo cổ học... Ở mỗi địa danh, các tác giả tập trung nghiên cứu, giới thiệu những giá trị, ý nghĩa lịch sử văn

hóa, truyền thống xưa và nay, từ đó người đọc có thể hiểu rõ hơn về các địa danh nói riêng, về mảnh đất Ninh Bình nói chung.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Văn Trò (2015), *“Ninh Bình theo dòng lịch sử - văn hóa”* [153] đã giới thiệu về các di tích lịch sử ở Ninh, khảo sát, miêu tả không gian từ kiến trúc đến các chi tiết trang trí, các hình thức lễ hội, giúp người đọc nhận diện được gương mặt văn hóa - lịch sử của non nước Ninh Bình, vùng đất địa linh nhân kiệt.

Kỷ yếu Hội thảo của Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình (2022), *“Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Cố đô Hoa Lư”* - Kỷ yếu Hội thảo Khoa học [109], đã đánh giá vai trò, vị trí, đặc điểm, quy mô của kinh đô Hoa Lư trong lịch sử, đánh giá quá trình quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư từ trước đến nay, từ đó đề xuất các phương hướng, giải pháp để bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị di sản Hoa Lư trong thời gian tới, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Ninh Bình.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Mạnh Cường (2022), *“Di tích và danh thắng Ninh Bình” tập 1* [35], bước đầu giới thiệu đến độc giả 15 di tích và danh thắng tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, góp phần cung cấp thông tin cơ bản về văn hóa để giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, đồng thời là nguồn tư liệu quảng bá cho du khách khi đến với Ninh Bình.

Cuốn sách của Tỉnh ủy Ninh Bình (2023), *“Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, tập 3”* [150] tái hiện chặng đường từ năm 2001 đến năm 2020, là quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh công cuộc đổi mới và tiến hành hội nhập quốc tế, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... xây dựng Đảng trong 20 năm đầu thế kỷ XXI, trong đó có nhiều thành tựu về phát triển KT - XH, nổi bật là du lịch dịch vụ gắn với phát triển bền vững. Cuốn sách là tài liệu quan trọng phục vụ công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, góp phần nâng cao lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh, đồng thời bồi đắp tinh thần cách mạng, tình yêu quê hương đất nước cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Cuốn sách của tác giả Trương Đình Tường (2024), *“Địa chí văn hóa dân*

gian Ninh Bình” [154] giúp người đọc nắm bắt được những nét đặc sắc của mảnh đất Ninh Bình giàu truyền thống cách mạng với những DTLS - VH độc đáo, phản ánh đời sống văn hóa, xã hội và con người Ninh Bình. Cùng với quốc sử, sách địa chí là phương tiện hữu hiệu trong việc giáo dục tình yêu xứ sở, giúp người đọc nắm bắt được những bản sắc của một vùng đất. Đối với nhà nghiên cứu, đó là công cụ không thể thiếu khi nghiên cứu về các địa phương, cả trên phương diện tự nhiên và xã hội. Với nhà quản lý, địa chí thực sự là cẩm nang bổ ích trong việc quản lý, điều hành ở địa phương trên các mặt công tác. Cuốn sách về cơ bản phục vụ rộng rãi mọi đối tượng muốn nghiên cứu, tìm hiểu về mảnh đất cố đô Hoa Lư - Ninh Bình.

Các công trình nghiên cứu trên, mặc dù khác nhau về mức độ và góc tiếp cận, nhưng nhìn chung đã phản ánh một cách tương đối toàn diện diện mạo văn hóa cũng như các DTLS - VH của vùng đất Ninh Bình. Thông qua nhiều phương pháp tiếp cận đa dạng như lịch sử, văn hóa học, chính trị học, khảo cổ học..., các nghiên cứu đã làm nổi bật những giá trị, truyền thống văn hóa đặc sắc cùng các DSVH vật thể và phi vật thể tại địa phương. Đồng thời, đã phân tích và đánh giá sâu sắc những khía cạnh khác nhau liên quan đến thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH của tỉnh.

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố

- Về nội dung

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã đề cập tới vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo tồn, phát huy các giá trị DSVH, các DTLS - VH trên cả phương diện lý luận cũng như các hoạt động thực tiễn ở trong và ngoài nước. Một số công trình nghiên cứu, làm rõ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị di tích, vai trò của các DSVH trong đó có các DTLS - VH trong phát triển kinh tế thời kỳ hiện nay.

Thứ hai, một số công trình đã đi sâu phân tích tác động của quá trình đô thị hóa, sự phát triển của kinh tế thị trường và sự giao lưu hội nhập quốc tế, bên cạnh việc thúc đẩy sự phát triển còn làm thay đổi những giá trị văn hóa truyền

thống của dân tộc, thậm chí gây ra những tác động tiêu cực, dẫn đến tình trạng các di tích bị hủy hoại. Từ đó đặt ra yêu cầu cần thiết phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH nói chung, DTLS - VH nói riêng trong phát triển văn hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá gắn với phát triển KT - XH, là mục tiêu, là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước.

Thứ ba, thông qua việc giới thiệu các DTLS - VH và danh lam thắng cảnh, các công trình nghiên cứu ở trong nước đã dựng lên một bức tranh sinh động về một đất nước Việt Nam với rất nhiều DTLS - VH và danh lam thắng cảnh vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị thẩm mỹ, góp phần làm nên một Việt Nam giàu truyền thống, tươi đẹp, là điểm đến thu hút đông đảo các du khách trong và ngoài nước. Một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH gắn với phát triển du lịch bền vững, chú trọng đưa các giá trị DTLS - VH trở thành nguồn lực phát triển kinh tế thời kỳ mở cửa, hội nhập.

Thứ tư, một số công trình nghiên cứu dưới góc độ khoa học Lịch sử Đảng với nội dung về Đảng bộ địa phương (Thái Nguyên, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh) lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Các công trình đã trình bày một cách hệ thống chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ địa phương về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH; qua đó rút ra một số kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực này. Đây là cơ sở để nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa và vận dụng trong quá trình thực hiện đề tài luận án của mình.

Thứ năm, các công trình trực tiếp nghiên cứu về DSVH nói chung, DTLS - VH ở Ninh Bình nói riêng đã làm rõ những nét đặc sắc về truyền thống văn hóa của Ninh Bình và khối lượng đồ sộ các DTLS - VH, đồng thời đã tiếp cận, phân tích những khía cạnh khác nhau về quá trình bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

- Về tư liệu

Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận DTLS - VH từ nhiều góc độ, từ khái quát hệ thống các DTLS - VH, khẳng định vị trí, vai trò của DTLS - VH trong giáo dục truyền thống và phát triển KT - XH, tiếp cận ở góc độ lãnh đạo

của Đảng và quản lý Nhà nước trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị. Nhiều tài liệu phản ánh vai trò lãnh đạo của Đảng bộ địa phương một cách cụ thể, góp phần làm rõ tính đặc thù vùng miền. Các công trình nghiên cứu ở trong nước trên đây đã sưu tầm, tập hợp nguồn tư liệu phong phú, quý giá trong lĩnh vực nghiên cứu công tác bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH trên phạm vi cả nước nói chung, ở Ninh Bình nói riêng. Các văn bản pháp lý, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, DTLS - VH. Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến Ninh Bình được các tác giả sử dụng các nguồn tài liệu lưu trữ tại địa phương kết hợp với các tài liệu về DTLS - VH nói chung, cùng với quá trình điền dã thực tế, trực tiếp nghiên cứu về các di tích trên địa bàn tỉnh, mang đến bức tranh tổng thể về các DTLS - VH trong quá trình phát sinh, tồn tại và phát triển.

- Về phương pháp

Các tác giả nghiên cứu sử dụng đa dạng, kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp logic, lịch sử, thống kê, điền dã... Các phương pháp nghiên cứu phong phú, tiếp cận từ nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, đưa ra các quan điểm nghiên cứu về vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS - VH.

Các công trình nghiên cứu trên đây là nguồn tư liệu vô cùng quý báu để nghiên cứu sinh có thể tham khảo, học hỏi và kế thừa cả về nội dung và phương pháp nghiên cứu, phục vụ cho quá trình học tập cũng như hoàn thiện đề tài của nghiên cứu sinh.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã đề cập đến vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Kết quả nghiên cứu của những công trình trên đã gợi mở những vấn đề mới có nhiều ý nghĩa, giá trị để tác giả luận án tham khảo, kế thừa nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020. Trên thực tế, đây vẫn là một “khoảng trống” nhất định mà luận án sẽ tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu.

Từ những vấn đề chưa được nghiên cứu giải quyết thấu đáo dưới góc độ khoa học Lịch sử Đảng. Đề tài luận án “*Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 2005 đến năm 2020*” tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

Thứ nhất, phân tích những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH và thực trạng công tác này ở tỉnh Ninh Bình trước năm 2005.

Thứ hai, làm rõ các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và chủ trương Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020.

Thứ ba, trình bày có hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh từ năm 2005 đến năm 2020.

Thứ tư, từ thực tiễn lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh từ năm 2005 đến năm 2020, đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo, vận dụng vào nâng cao hiệu quả bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH ở tỉnh Ninh Bình nói riêng và các địa phương có đặc điểm tương đồng trên cả nước nói chung trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước về vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và các tầng lớp nhân dân, gắn với sự nghiệp chung về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH không chỉ nhằm lưu giữ truyền thống và tái hiện quá khứ, mà còn góp phần phát triển kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, qua đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và ý thức cộng đồng trong việc gìn giữ di sản. Các công trình nghiên cứu phong phú về nội dung và được thể hiện dưới nhiều hình thức từ các sách tham khảo, đề tài khoa học các cấp, luận án tiến sĩ cho đến các báo cáo khoa học tham gia hội thảo, các bài báo được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành. Các tác giả đã làm rõ vị thế và ý nghĩa chiến lược của DSVH, DTLS - VH trong tiến trình bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Di tích lịch sử - văn hóa không chỉ là minh chứng vật chất cho quá trình hình thành và phát triển của dân tộc, mà còn là nguồn lực tinh thần quan trọng góp phần định hình bản sắc văn hóa Việt Nam. Việc khai thác và phát huy giá trị của các di tích trong bối cảnh hiện đại được xem là một yếu tố thiết yếu trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững về văn hóa - xã hội. Nhiều công trình nghiên cứu đã tập trung vào bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH, trong đó có nhiều nghiên cứu về tỉnh Ninh Bình - vùng đất Cố đô giàu tiềm năng DTLS - VH.

Những công trình có liên quan đến đề tài, chính là những tư liệu, tài liệu quý giúp nghiên cứu sinh tiếp cận về nội dung, phương pháp và ý tưởng trong quá trình nghiên cứu, thực hiện luận án tiến sĩ của mình. Cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Ninh Bình dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng. Trên cơ sở đó, đề tài luận án đi sâu nghiên cứu, góp phần làm rõ hơn quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo

và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020, góp phần tổng kết quá trình hiện thực hóa một chủ trương quan trọng của Đảng ở một địa phương có hệ thống DTLS - VH đa dạng, phong phú và đặc sắc. Từ đó tiếp tục khắc phục những hạn chế, phát huy những thành quả đã đạt được trong công tác này góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới toàn diện.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH VỀ BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010

2.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

2.1.1. Tình hình quốc tế và trong nước

Tình hình quốc tế: Bước vào thế kỷ XXI, thế giới chứng kiến những chuyển biến sâu rộng với sự trỗi dậy mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức và tiến bộ vượt bậc của khoa học - công nghệ, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất toàn cầu. Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập quốc tế trở thành xu thế tất yếu, mở ra cơ hội hợp tác đa lĩnh vực nhưng cũng đặt ra không ít thách thức về cạnh tranh và chênh lệch phát triển. Sự lớn mạnh của các tập đoàn đa quốc gia góp phần tái định hình cấu trúc kinh tế toàn cầu, song đồng thời làm gia tăng khoảng cách giữa các quốc gia, và dễ làm mai một bản sắc văn hóa của từng quốc gia trong thời kỳ hội nhập. Đối với bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, một số quốc gia như Pháp, Ý, Nhật Bản và Anh đang triển khai các mô hình bảo tồn di sản theo hướng hiện đại, toàn diện và thích ứng. Nổi bật là xu hướng xã hội hóa hoạt động bảo tồn, đặc biệt tại châu Âu, nơi nhà nước chuyển từ vai trò quản lý trực tiếp sang mô hình đa chủ thể, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ, nhằm nâng cao hiệu quả và tính linh hoạt trong bảo vệ di sản. Đồng thời, Nhật Bản và Anh tiên phong trong việc tích hợp công nghệ số như số hóa tư liệu, bảo tàng ảo vào công tác lưu giữ và phổ biến DSVH, giúp mở rộng khả năng tiếp cận, nhất là đối với thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh giáo dục cộng đồng và truyền thông sáng tạo về di sản đang được chú trọng nhằm nâng cao nhận thức xã hội và khơi gợi tinh thần gìn giữ giá trị văn hóa trong đời sống đương đại. Những chuyển biến này phản ánh xu thế bảo tồn gắn với phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần chọn lọc và vận dụng phù hợp với đặc thù văn hóa - xã hội, đảm bảo vừa giữ gìn bản sắc dân tộc đồng thời bắt kịp xu thế thế giới trong thời kỳ hội nhập.

Bên cạnh xu hướng hợp tác, hòa bình và phát triển, thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn như xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên. Trong bối cảnh đó, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là Đông Nam Á, tuy phục hồi và phát triển năng động sau khủng hoảng, vẫn đối mặt với các nguy cơ mất ổn định từ cạnh tranh chiến lược và mâu thuẫn địa chính trị.

Những biến động trên tạo ra ảnh hưởng sâu sắc đến việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Môi trường hòa bình và sự phát triển kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đầu tư bảo tồn, trong khi thành tựu công nghệ - đặc biệt là công nghệ thông tin và sinh học - mở ra khả năng mới cho việc nghiên cứu, lưu giữ và quảng bá di sản hiệu quả. Đồng thời, kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu nâng cao vai trò tri thức con người, khai thác hợp lý các giá trị văn hóa, đồng thời bảo vệ sở hữu trí tuệ và bản sắc dân tộc. Trước những thách thức toàn cầu hóa, mỗi quốc gia cần củng cố năng lực nội tại, phát huy truyền thống văn hóa đặc trưng, nhằm bảo tồn di sản như một biểu tượng của bản sắc và sức sống trường tồn trước biến động của thời đại.

Ở trong nước: Cùng với những thắng lợi to lớn đạt được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu vượt bậc và mang tính chất lịch sử trong suốt 20 năm đổi mới đã tạo nên một vị thế và tiềm lực ngày càng vững mạnh cho đất nước. Môi trường hòa bình ổn định, sự hợp tác cùng phát triển trên phạm vi quốc tế, và những xu hướng tích cực đang diễn ra trên toàn cầu đã mở ra nhiều cơ hội thuận lợi để đất nước tận dụng tối đa nguồn lực trong nước và tranh thủ sự hỗ trợ từ quốc tế. Đây chính là nền tảng quan trọng để phục vụ hiệu quả cho công cuộc CNH, HĐH đất nước. Với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều thành quả to lớn với những bước tiến dài đáng tự hào. Trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức ổn định và khả quan, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như phát triển nền kinh tế thị trường tiếp tục được thúc đẩy, đặc biệt, kinh tế du lịch của Việt Nam đang từng bước khẳng định được vị thế của mình trong cơ cấu kinh tế, do đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, DTLS - VH càng có vai trò quan trọng, trở thành tiềm lực to lớn cho sự phát triển. Cùng với những thành tựu kinh tế, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần, phản ánh một xã hội ngày càng khởi sắc. Hệ thống chính trị không ngừng được củng

cố, đảm bảo tính vững mạnh và đoàn kết trong toàn dân tộc. Chính trị xã hội luôn giữ được sự ổn định, trong khi quốc phòng và an ninh quốc gia ngày càng được thắt chặt và tăng cường ở mọi cấp độ. Trên trường quốc tế, vị thế của Việt Nam không ngừng được nâng cao nhờ vào những thành tựu đối ngoại và nội tại, qua đó góp phần làm giàu thêm sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức đan xen và phức tạp. Nguy cơ tụt hậu về kinh tế, suy thoái chính trị - tư tưởng - đạo đức, tình trạng tham nhũng, quan liêu và lãng phí của một bộ phận cán bộ, vẫn còn tồn tại. Các thế lực thù địch gia tăng hoạt động chống phá bằng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, lợi dụng tôn giáo và các hạn chế trong quản lý xã hội để gây mất ổn định. Cùng với đó, thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu gây tổn hại đến sản xuất, đời sống và DSVH, đặt ra yêu cầu cấp thiết về phát triển bền vững và bảo tồn giá trị truyền thống trong bối cảnh mới.

Tình hình thế giới, trong nước đã tác động không nhỏ tới quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đưa ra các chủ trương phát triển tỉnh nói chung, phát triển văn hóa - xã hội, trong đó có bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLs - VH nói riêng, đứng trước thời cơ lớn để phát triển, đồng thời đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình tiếp tục đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp để vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội, khẳng định vị thế của một tỉnh đồng bằng có bề dày lịch sử - văn hóa lâu đời, đưa Ninh Bình ngày càng phát triển, không ngừng đẩy mạnh CNH, HĐH trên nền tảng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa lịch sử và thực trạng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở Ninh Bình trước năm 2005

2.1.2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Ninh Bình là tỉnh nằm ở cực Nam của vùng đồng bằng Bắc Bộ, là điểm chuyển tiếp giữa khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Phía Đông Bắc giáp các tỉnh Hà Nam và Nam Định, ranh giới tự nhiên là sông Đáy; phía Tây Bắc giáp tỉnh Hòa Bình; phía Tây Nam tiếp giáp Thanh Hóa với dãy núi Tam Điệp làm ranh giới; phía Đông Nam giáp Vịnh Bắc Bộ với đường bờ biển dài khoảng 15 km.

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh đạt gần 1.400 km², được chia thành ba vùng địa hình đặc trưng: vùng đồi núi phía Tây và Bắc với rừng nguyên sinh Cúc Phương, nơi tồn tại hệ sinh thái phong phú và là địa bàn sinh sống của cư dân tiền sử; vùng đồng bằng và ven biển phía Đông và Đông Nam, hình thành từ quá trình bồi tụ phù sa sông Hồng, mỗi năm lấn biển từ 80 đến 100 mét; vùng núi đá vôi phân bố xen kẽ, tạo nên hệ thống hang động phong phú - nơi hội tụ nhiều danh thắng nổi tiếng như Tam Cốc - Bích Động, Địch Lộng, động Người Xưa,...

Về mặt tài nguyên văn hóa - lịch sử, Ninh Bình sở hữu hệ thống di tích phong phú và tiêu biểu như Cố đô Hoa Lư, Hành cung Vũ Lâm, phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu, núi Non Nước,... phản ánh chiều sâu lịch sử và truyền thống văn hóa đặc sắc của vùng đất.

Ninh Bình có vị trí chiến lược về phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa, là cầu nối giữa lưu vực sông Hồng và lưu vực sông Mã, đồng thời thuộc vùng ảnh hưởng trực tiếp của tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Địa hình đa dạng, bao gồm rừng, núi đá, đồi đất, đồng bằng và biển, kết hợp với vị trí địa lý chuyển tiếp Bắc - Nam đã tạo nên đặc trưng khí hậu vừa mang tính chất nhiệt đới gió mùa, vừa mang đặc điểm riêng của tiểu vùng khí hậu địa phương - yếu tố thuận lợi cho phát triển đa ngành, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch sinh thái.

Về kinh tế: Từ một tỉnh thuần nông, kinh tế chậm phát triển, Ninh Bình đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ nhờ định hướng đúng đắn của Đảng bộ tỉnh. Tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, xanh và bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư hạ tầng, thu hút các dự án lớn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng toàn diện. Kinh tế Ninh Bình liên tục tăng trưởng khá, vượt kế hoạch đề ra, quy mô nền kinh tế được mở rộng: “Tốc độ tăng trưởng GDP (2001 - 2005) đạt bình quân: 20,5%/năm (mục tiêu 8%/năm)... Cơ cấu kinh tế (theo GDP) tính đến năm 2005: nông lâm nghiệp và thủy sản 30.9%; công nghiệp - xây dựng 35.7%; dịch vụ 33,4%;... GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5.3 triệu đồng, gấp 2.1 lần so với năm 2000” [135, tr.23-24].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, ngành công nghiệp Ninh Bình ngày càng khởi sắc, có bước phát triển mạnh mẽ, đạt tốc độ tăng trưởng cao. Đầu tư

cho công nghiệp được quan tâm với hàng loạt các dự án lớn, có chất lượng tập trung vào các ngành, lĩnh vực có ưu thế của tỉnh, tạo thế vững chắc cho công nghiệp Ninh Bình phát triển, tạo nguồn thu bền vững cho địa phương.

Du lịch tiếp tục phát triển năng động, từng bước khẳng định vị trí, thương hiệu trong nước, quốc tế và dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Kết cấu hạ tầng du lịch, công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS - VH, thiên nhiên được quan tâm đầu tư. Ninh Bình có điều kiện phát triển đa dạng các loại hình du lịch: Sinh thái - nghỉ dưỡng, văn hóa - lịch sử - tâm linh, du lịch mạo hiểm, thể thao.

Ninh Bình có lợi thế phát triển ngành nông nghiệp đa dạng nhiều thành phần. Đảng bộ tỉnh chủ trương thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách về tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp tỉnh phát triển mạnh mẽ. Các vùng chuyên canh nông nghiệp chính của tỉnh: Vùng nông trường Đồng Giao chuyên trồng cây công nghiệp như cây dứa, vùng Kim Sơn trồng cây cói làm chiếu, hàng mỹ nghệ, nuôi tôm sú, hải sản, vùng Ninh Phúc, Ninh Sơn trồng hoa và rau sạch... Sản xuất nông nghiệp được tập trung phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng và giá trị. Cơ cấu trong nội bộ ngành kinh tế nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng thủy sản, dịch vụ. Hệ thống hạ tầng (đê điều, thủy lợi, trạm bơm) được củng cố, tăng cường.

Về điều kiện xã hội: Ninh Bình là một trong những cái nôi của cư dân tiền sử ở Việt Nam. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều di tích có dấu vết của người tiền sử ở Hang Dơi (Nho Quan), Hang Thúi Thó (Gia Viễn), Tràng An... Những phát hiện về đồ gốm cổ, bếp lửa, xương động vật, vỏ ốc, vỏ sò... là một trong những bằng chứng giúp các nhà khoa học đi đến kết luận, người tiền sử đã sinh sống ở Tràng An (tỉnh Ninh Bình). Quần thể danh thắng Tràng An hiện còn lưu giữ trên 30 di tích khảo cổ tiền sử, phân bố đa dạng theo độ cao, cung cấp tư liệu quý giá về quá trình tiến hóa và thích ứng môi trường của con người thời tiền sử.

Ninh Bình có 3 dân tộc sinh sống là Kinh, Mường và Hoa, trong đó người Kinh chiếm đa số. Dân số năm 2005 là hơn 893.500 người, với cộng đồng Công giáo đông đảo tập trung tại huyện Kim Sơn. Các tôn giáo, dân tộc sinh sống

hòa thuận, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Ninh Bình là tỉnh có số lượng dân công giáo lớn, tập trung chủ yếu ở huyện Kim Sơn (chiếm gần 70% tổng số giáo dân trong tỉnh). Đồng bào lương giáo sống hòa thuận, tương thân tương ái và rất hiếu khách. Nhân dân Ninh Bình trước đây sống chủ yếu bằng nghề nông, ngoài trồng lúa, còn trồng nhiều loại cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, cây lấy gỗ... Nhiều nghề thủ công mỹ nghệ nổi tiếng như dệt chiếu cói Kim Sơn, Yên Khánh; khai thác đá, chạm khắc đá mỹ nghệ ở Ninh Vân; thêu ren ở Ninh Hải... Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, cùng với quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước đã hun đúc cho người dân Ninh Bình truyền thống yêu quê hương đất nước, tinh thần đoàn kết và lòng nhân ái, ý chí kiên cường, bất khuất trong sự nghiệp đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ và xây dựng đất nước. Trong suốt tiến trình phát triển của đất nước nói chung, của Ninh Bình nói riêng, truyền thống đó được phát huy từ đời này qua đời khác và càng được phát huy hơn cả từ khi có ĐCSVN lãnh đạo.

Về truyền thống văn hóa, lịch sử: Nằm ở cực Nam của châu thổ sông Hồng, Ninh Bình là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử vẻ vang và bản sắc văn hóa độc đáo. Trải qua hàng triệu năm vận động, kiến tạo của địa chất, tự nhiên cùng với sự phát triển của lịch sử, Ninh Bình trở thành vùng đất “địa linh - nhân kiệt”, nơi diễn ra và chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc mà dấu tích còn để lại là các DTLS - VH, lễ hội, công trình kiến trúc... Ninh Bình sở hữu khối DSVH đồ sộ, phong phú, từ những di sản gắn với tôn giáo, tín ngưỡng đến các loại hình nghệ thuật hát chèo, hát xẩm, các lễ hội văn hóa đặc sắc cùng với các nghề thủ công truyền thống, các phong tục tập quán tốt đẹp... Sự kết hợp giữa DSVH vật thể và phi vật thể đã tạo nên những bản sắc ít nơi nào có được của vùng đất này.

Ninh Bình là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, gắn liền với nhiều dấu mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc. Vào thế kỷ X, Đinh Bộ Lĩnh đã khởi nghĩa đánh dẹp và thu phục 12 sứ quân, thống nhất đất nước, lập nên Nhà nước Đại Cồ Việt - Nhà nước Quân chủ trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, đặt Kinh đô tại Hoa Lư. Trong các thế kỷ tiếp theo, Ninh Bình tiếp tục là vùng đất chiến lược gắn với các triều đại Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần, góp phần quan trọng trong công cuộc giữ nước và định đô.

Đầu năm 1930, ĐCSVN ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Từ đây, phong trào cách mạng của cả nước có sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Ninh Bình đã dốc sức mình, cùng với nhân dân cả nước kiên cường đấu tranh cách mạng, góp phần vào thắng lợi của cách mạng tháng Tám, chiến thắng hai kẻ thù xâm lược là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đem lại hòa bình, thống nhất nước nhà.

Sau khi hòa bình lập lại, ngày 27/12/1975, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa V ra Nghị quyết hợp nhất tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh. Ngày 26/12/1991, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết tách tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình. Ngày 01/4/1992, tỉnh Ninh Bình chính thức hoạt động theo đơn vị hành chính mới, gồm 5 huyện: Hoàng Long, Gia Viễn, Hoa Lư, Tam Điệp, Kim Sơn và hai thị xã: Ninh Bình, Tam Điệp. Tháng 11 năm 1993, huyện Hoàng Long được đổi tên thành huyện Nho Quan. Tháng 7 năm 1994, huyện Yên Khánh được thành lập lại, đổi tên huyện Tam Điệp thành huyện Yên Mô như trước đây. Ngày 07/2/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2007/NĐ-CP thành lập thành phố Ninh Bình trực thuộc tỉnh.

Trong suốt tiến trình lịch sử, đặc biệt từ khi tái lập tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình đã phát huy truyền thống đoàn kết, vượt qua khó khăn, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Niềm tự hào về lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng và những đóng góp của các thế hệ đi trước đã trở thành nền tảng tinh thần vững chắc cho quá trình phát triển địa phương. Những giá trị văn hóa truyền thống được bồi đắp qua nhiều thế hệ đã tạo nên bản sắc riêng của vùng đất Cố đô. Thành tựu phát triển KT - XH thời gian qua đã khẳng định vai trò lãnh đạo, bản lĩnh chính trị của Đảng bộ tỉnh trong việc vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng, phù hợp với thực tiễn địa phương. Những kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo và phát triển tiếp tục là động lực quan trọng để Ninh Bình vững bước trên con đường CNH, HĐH và hội nhập.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa lịch sử và con người nơi đây đã góp phần tạo nên một hệ thống các DTLS - VH đa dạng, phong phú gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của mảnh đất Cố đô.

Tạo nên những nét đặc sắc, độc đáo riêng biệt, đặc trưng của quê hương Ninh Bình, là nền tảng vững chắc, động lực to lớn tác động đến sự phát triển chung của tỉnh trong thời kỳ đổi mới, đồng thời là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đưa ra những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh có vai trò quyết định trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu KT - XH, đồng thời đảm bảo tốt nhất quá trình bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH.

2.1.2.2. Thực trạng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Ninh Bình trước năm 2005

Khái quát hệ thống di tích lịch sử - văn hóa ở Ninh Bình đến năm 2005

Tính đến năm 2005: “Toàn tỉnh có 78 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 47 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Hoàn thành tổng kiểm kê lập hồ sơ di tích của toàn tỉnh (gồm 794 di tích, danh thắng)” [88, tr.2] Con số này phản ánh tiềm năng lớn của Ninh Bình trong lĩnh vực văn hóa - lịch sử, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH.

Một trong những DTLS - VH tiêu biểu của Ninh Bình là khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư (xã Trường Yên, huyện Hoa Lư) - Kinh đô đầu tiên của chế độ phong kiến tập quyền Việt Nam - hiện là di tích quốc gia đặc biệt, rộng khoảng 400 ha với 47 công trình lịch sử và văn hóa. Nổi bật là quần thể Tam Cốc - Bích Động, thu hút du khách với hệ thống hang động kỳ thú, tuyến du thuyền sông nước và các di tích như chùa Bích Động, đền Thái Vi, động Thiên Hà.

Thành phố Ninh Bình sở hữu nhiều di tích đặc sắc như đền Nguyễn Công Trứ, đền Thái Vi, cửa Thần Phù và khu danh thắng núi Non Nước - nơi hội tụ các công trình tiêu biểu: đền Trương Hán Siêu, chùa Non Nước cùng dãy núi đá vôi tạo nên không gian văn hóa - lịch sử hài hòa.

Các di tích lịch sử như khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu là tổ hợp các địa danh gắn liền với triều Tây Sơn và thời kỳ kháng chiến, gồm Vườn Hồ, Đồi Giềng, Đồi Sơn, cầu Rịa (xã Quỳnh Lưu), Dốc Giang, Thung Lóng (xã Phú Long), Khu Trũng, Đồng Báng (xã Sơn Lai), đền Sầy (xã Sơn Thành). Thông thường các di tích thường có phạm vi rộng, địa hình chủ yếu là đồi núi.

Ninh Bình còn nổi tiếng với nhiều DTLS - VH tâm linh như: chùa Lỗi Sơn nằm trong khu vực chiến khu Quỳnh Lưu, nơi từng ghi dấu nhiều sự kiện

lịch sử cách mạng quan trọng, việc thờ các vị thần và nhân vật lịch sử trong không gian Phật giáo không chỉ thể hiện sự hòa quyện giữa tín ngưỡng dân gian và tôn giáo mà còn khẳng định vai trò của ngôi chùa như một trung tâm văn hóa tâm linh, gắn bó sâu sắc với đời sống cộng đồng. Núi chùa Bái Đính nổi tiếng - trung tâm Phật giáo lớn của Việt Nam hiện đại, chùa Bích Động (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư) - từng được mệnh danh “Nam Thiên Đệ Nhị Động” - và chùa Địch Lộng (Gia Thanh, Gia Viễn) - với tên gọi khác là “chùa Hang” - đều là những công trình kiến trúc tôn giáo cổ tiêu biểu. Bên cạnh đó, khu nhà cổ Cố Viên Lầu lưu giữ nhiều ngôi nhà truyền thống Bắc Bộ, góp phần làm phong phú bức tranh văn hóa Ninh Bình.

Đền Vua Đinh Tiên Hoàng (Gia Phương, Gia Viễn) - xây dựng theo phong cách truyền thống "tiền nhất, hậu đình" - là nơi tưởng nhớ vị hoàng đế đầu tiên của Việt Nam thống nhất thế kỷ X. Dù quy mô không lớn, đền mang giá trị lịch sử sâu sắc, gắn với tuổi thơ và sự nghiệp vĩ đại của Đinh Bộ Lĩnh.

Nhà thờ đá Phát Diệm (thị trấn Phát Diệm, Kim Sơn), rộng 22 ha, được xây dựng từ năm 1875 đến 1898, là kiệt tác kiến trúc kết hợp hài hòa giữa yếu tố Công giáo và phong cách đình chùa Việt Nam, nổi bật với kỹ thuật xử lý đá và gỗ tinh xảo cuối thế kỷ XIX.

Ninh Bình còn nổi bật với các di chỉ khảo cổ học như Tràng An, Hòa Bình, Bắc Sơn, Đa Bút, Đông Sơn, Núi Ba (Tam Điệp), Hang Bói (quần thể Tràng An) và núi Hang Sáo (Quang Sơn - Tam Điệp) là các điểm khảo cổ quan trọng, ghi nhận sự tồn tại và phát triển của cộng đồng cổ xưa từ 10.000 - 5.000 năm trước, thuộc hai nền văn hóa Hòa Bình và Đa Bút.

Với hệ thống DTLS - VH phong phú và đa dạng, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại Ninh Bình trước năm 2005 đặt ra những yêu cầu cấp thiết: Trong bối cảnh nhiều di tích có niên đại lâu đời, phân bố tại địa hình phức tạp, nguy cơ xuống cấp do tác động của môi trường và con người, đòi hỏi phải có biện pháp phù hợp nhằm bảo vệ kiến trúc và không gian văn hóa. Công tác bảo tồn cần đảm bảo giữ gìn tính nguyên gốc của di tích, đồng thời ngăn chặn các hành vi xâm hại, lấn chiếm và sử dụng sai mục đích. Việc khoanh vùng bảo vệ, áp dụng kỹ thuật trùng tu phù hợp và nâng cao năng lực quản lý tại chỗ là những yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn này. Cùng với đó, việc xây dựng hồ sơ

khoa học để phục vụ công tác xếp hạng di tích cần được triển khai bài bản, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và có hệ thống, tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hóa (2001). Xếp hạng di tích không chỉ nhằm bảo vệ giá trị văn hóa - lịch sử, mà còn tạo tiền đề cho việc phát huy di sản gắn với phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch văn hóa - sinh thái. Việc xác lập vị thế pháp lý cho di tích thông qua xếp hạng là bước khởi đầu để thu hút đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù và nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị di sản. Với hệ thống DTLS - VH đa dạng, đặc sắc, là điểm đến hấp dẫn khách du lịch, do đó, bên cạnh việc bảo tồn, tôn tạo các di tích, Đảng bộ tỉnh cần chú trọng phát huy giá trị các DTLS - VH gắn với phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch. Việc khai thác giá trị di tích phải hướng tới mô hình phát triển bền vững, trong đó DTLS - VH trở thành động lực thúc đẩy kinh tế địa phương, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn văn hóa.

Thực trạng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Ninh Bình trước năm 2005

Nhận thấy rõ tiềm năng, giá trị của các DTLS - VH trong phát triển KT - XH của tỉnh, ngay sau khi tái lập, BTV Tỉnh ủy đã ra Thông báo số 25/TB-TU ngày 09/12/1992 về phát triển kinh tế du lịch. Thông báo nêu rõ muốn đưa du lịch phát triển, một trong những nhiệm vụ then chốt cần làm là: “Phải có kế hoạch giữ gìn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, danh lam thắng cảnh, xây dựng các điểm và các cụm du lịch, hình thành các tuyến du lịch để thu hút khách đến thăm” [130, tr.3]. Để thu hút khách du khách, đòi hỏi phải giữ gìn, tu bổ, tôn tạo di tích, bảo đảm giao thông đi lại thuận tiện. Việc tu bổ, tôn tạo phải đảm bảo tính chất lịch sử và khoa học, không được làm mất hoặc phá vỡ cảnh quan tự nhiên, dấu ấn lịch sử của các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Đại hội đại biểu Đảng bộ Ninh Bình lần thứ XIII (1996) nhấn mạnh nhiệm vụ: Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục, truyền thống, sắc thái văn hóa địa phương. Bảo vệ tôn tạo, phát huy tác dụng của các DTLS - VH. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh đặt nền móng cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, đồng thời khẳng định vai trò của văn hóa như một thành tố cấu thành bản sắc địa phương và động lực phát triển bền vững.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 Khóa VIII, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Ninh Bình đã ban hành Chương trình hành động số 07-Ctr/TU ngày 23/9/1998 thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Chương trình hành động đã chỉ ra những mặt mạnh và cả những yếu kém cần quan tâm giải quyết. Một trong những yếu kém là: “Tiềm năng du lịch, văn hóa của tỉnh ta rất phong phú nhưng chưa kết hợp tốt giữa du lịch với văn hóa để giáo dục, phát huy truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng, khai thác các di tích lịch sử cách mạng, danh lam thắng cảnh, thu hút khách du lịch” [131, tr.3]. Để giải quyết vấn đề này, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Chú trọng về quản lý, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ văn hóa với du lịch - du lịch với văn hóa” [131, tr.6]. Cần tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hóa, thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm tăng theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng các thiết chế văn hóa.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (01/2001) đã đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế xã hội, trong đó nhấn mạnh: “Tập trung khai thác tiềm năng thế mạnh phong phú từ cảnh quan thiên nhiên, về di tích lịch sử, kiến trúc” [132, tr.52], từng bước quy hoạch, khai thác hợp lý, phát huy giá trị của các di tích trong công cuộc phát triển KT - XH. Đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tiếp tục tôn tạo, bảo tồn Cố đô Hoa Lư chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long và các di tích lịch sử, góp phần giáo dục, phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước” [132, tr.63].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn đạt nhiều kết quả tích cực:

Thứ nhất: Về công tác điều tra, xếp hạng di tích, thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa và Thể thao) đã tích cực triển khai công tác điều tra, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích cấp quốc gia. Trước năm 1992, toàn tỉnh có 14 di tích được công nhận cấp quốc gia. Giai đoạn từ 1992 đến 2005, nhiều di tích tiêu biểu đã được xếp hạng cấp quốc gia, như: Đền thờ vua Lê Đại Hành (1990); Khu di tích động

Hoa Lư (1996); Khu di tích chùa Bái Đính (1997); Phòng tuyến Tam Điệp và Chiến khu Quỳnh Lưu (1998).

Báo cáo số 86-BC/TU ngày 28/10/2003 của Tỉnh ủy Ninh Bình đánh giá, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; hoạt động văn hóa diễn ra sôi nổi, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa; công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH đạt nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

Qua kiểm kê, đến nay toàn tỉnh có 874 di tích và danh thắng, trong đó đã có 76 di tích và danh thắng được công nhận cấp quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư được xếp hạng là di tích đặc biệt quan trọng của quốc gia. Trong giai đoạn 1998-2003 đã hoàn thành nghiên cứu, khảo sát và xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị Trung ương xếp hạng được 22 di tích cấp quốc gia. Ngành Văn hóa Thông tin đã phối hợp với các cấp, các ngành hoàn thành dự án Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị quần thể khu di tích Cố đô Hoa Lư [133, tr.8].

Thứ hai: Công tác quản lý, trùng tu sửa chữa bảo quản di tích cũng được sự quan tâm của Đảng bộ tỉnh cũng như của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan. Thông qua công tác điều tra, nắm thực trạng các di tích để có kế hoạch tu bổ hàng năm. Những DSVH vật thể, phi vật thể ở Ninh Bình từng bước được bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị trong đời sống xã hội. Hoạt động này đã góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, truyền thống lịch sử và truyền thống cách mạng. Bắt đầu từ năm 1994, Nhà nước có Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống xuống cấp di tích, Chương trình này gồm kinh phí đầu tư theo các dự án, tu bổ, tôn tạo và hỗ trợ các di tích bị xuống cấp theo kế hoạch kinh phí cân đối hàng năm. Đồng thời với kinh phí của Bộ Văn hóa Thông tin, tỉnh Ninh Bình cũng đã dành một phần kinh phí cho tu bổ di tích và kinh phí trích ngân sách ngành Văn hóa thông tin, kinh phí từ nguồn xã hội hóa. Tình hình đầu tư tu bổ di tích theo Chương trình Mục tiêu quốc gia của Bộ Văn hóa Thông tin và các nguồn đầu tư của địa phương từ năm 2000 đến năm 2005 như sau: “Kinh phí từ nguồn Bộ Văn hóa Thông tin cấp: 29.050.000.000 đồng;

Kinh phí UBND tỉnh đầu tư nguồn xây dựng cơ bản cho di tích là 8.127.150.000 đồng; Kinh phí nhân dân đóng góp cho tu bổ, tôn tạo di tích là 11.000.000.000 đồng” [88, tr.8].

Trước khi Luật Di sản văn hóa được ban hành, công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, đặc biệt đối với các di tích đã xếp hạng, còn thiếu rõ ràng, dẫn đến tình trạng buông lỏng quản lý, nhiều di tích xuống cấp mà không được trùng tu, tôn tạo kịp thời. Sự ra đời của Luật Di sản văn hóa năm 2001 đã quy định cụ thể trách nhiệm quản lý cho từng cấp chính quyền, các bộ, ngành Trung ương và cơ quan chuyên môn địa phương. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở xác định vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, góp phần bảo tồn hiệu quả các DTLS - VH, danh lam thắng cảnh và lễ hội truyền thống.

Thứ ba: Công tác bảo tàng bước đầu được chú trọng. Bảo tàng tỉnh Ninh Bình tiếp tục được củng cố. Công tác bảo tàng tập trung vào hai nội dung chính là trưng bày, giới thiệu, sưu tầm, bổ sung tư liệu, hiện vật phục vụ trưng bày và nghiên cứu khoa học nhằm giới thiệu về lịch sử, truyền thống của Ninh Bình với khách tham quan và nhân dân trong tỉnh. Đồng thời tiến hành nghiên cứu, khai quật khảo cổ học tại một số địa phương thuộc huyện Yên Mô, thị xã Tam Điệp, khu Cổ đô Hoa Lư và đã làm sáng tỏ một số vấn đề lịch sử của mảnh đất Ninh Bình.

Thứ tư: Việc phát huy giá trị các di tích qua kinh tế du lịch đạt nhiều kết quả quan trọng: Nhờ những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình, ngày 22/3/2004, Chính phủ có Văn bản số 365/CP-KTTH, đồng ý để Ninh Bình xây dựng Khu du lịch Tràng An thuộc Quần thể di tích - danh thắng Cổ đô Hoa Lư. Đặc biệt, ngày 26/7/2004, BTV Tỉnh ủy ban hành thông báo số 504-TB/TU về dự án xây dựng Khu du lịch Tràng An; khẳng định Khu DTLS - VH Cổ đô Hoa Lư và Quần thể hang động Tràng An là một trong những danh lam, thắng cảnh nếu được đầu tư xây dựng sẽ trở thành một khu du lịch tầm cỡ quốc gia, quốc tế; tập trung phát triển khu du lịch này nhằm đem lại lợi ích cho nền kinh tế của tỉnh, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế hướng tới phục vụ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; làm sáng tỏ và phong phú thêm giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và hệ sinh thái, tạo tiền đề tiến tới đề nghị UNESCO công

nhận là DSVH và thiên nhiên thể giới. Các dự án du lịch trọng điểm như Khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư; Khu du lịch sinh thái Tràng An; Khu du lịch tâm linh chùa Bái Đính; Tam Cốc - Bích Động; hồ Đồng Chương, hồ Yên Thắng; Khu du lịch sinh thái Vân Long... được tập trung chỉ đạo xây dựng và thu hút các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư và khai thác. Lượng khách du lịch đến Ninh Bình ngày một tăng, hệ thống DTLS - VH đặc sắc của Ninh Bình trở thành điểm hấp dẫn du khách, du lịch dần trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho hàng chục nghìn người lao động, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần làm thay đổi hình ảnh Ninh Bình trong nhận thức của bạn bè trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH vẫn còn một số hạn chế sau:

Thứ nhất, về lãnh đạo phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương và các Ban quản lý di tích đối với vai trò cũng như trách nhiệm trong công tác quản lý vẫn còn hạn chế. Điều này dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong chỉ đạo, kém hiệu quả trong việc phối hợp và trạng thái thụ động khi xử lý các vấn đề liên quan. Việc phân công trách nhiệm quản lý giữa các cấp, các ngành chưa được xác định rõ ràng, gây ra nhiều khó khăn trong quá trình triển khai các dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý di tích chủ yếu đảm nhiệm công việc kiêm nhiệm và chưa qua đào tạo bài bản về chuyên môn, dẫn đến trình độ nghiệp vụ cũng như hiệu quả trong tham mưu và quản lý còn hạn chế.

Thứ hai, công tác tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, việc điều tra, xếp hạng di tích chưa được tiến hành tổng thể, đồng bộ: Việc điều tra, kiểm kê và phân loại DTLS - VH vẫn chưa được triển khai một cách toàn diện và có hệ thống, dẫn đến tình trạng nhiều di tích chưa được nhận diện đầy đủ cũng như chưa được bảo vệ theo đúng quy định pháp luật. Công tác trùng tu và tôn tạo các di tích trên địa bàn tỉnh chưa nhận được sự quan tâm thích đáng, với nguồn lực kinh phí đầu tư còn hạn chế và việc huy động xã hội hóa chưa đạt hiệu quả mong đợi. Hoạt động khảo cổ và sưu tầm các hiện vật có giá trị lịch sử vẫn chưa được chú trọng, dẫn đến tình

trạng một số di tích bị xâm hại, xuống cấp mà các biện pháp khắc phục còn mang tính chất tạm thời. Công tác quản lý các di vật, cổ vật tại di tích vẫn chưa đảm bảo chặt chẽ; một số trường hợp đã ghi nhận hành vi tự ý thay đổi, mua bán các hiện vật liên quan tại khu vực di tích. Sự xâm hại và xuống cấp của di tích phản ánh rõ những bất cập trong công tác quản lý và bảo tồn, đòi hỏi các giải pháp mang tính toàn diện hơn để giải quyết vấn đề này.

Thứ ba, công tác phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng: Việc khai thác tiềm năng du lịch liên quan đến các DTLS - VH vẫn còn nhiều hạn chế, trong khi công tác tuyên truyền và quảng bá chưa được thực hiện một cách rộng rãi cả trong nước lẫn quốc tế. Du lịch chưa tạo mối liên hệ chặt chẽ với việc bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH, dẫn đến hiệu quả kinh tế còn thấp, và công tác quản lý đầu tư phát triển du lịch vẫn tồn tại nhiều điểm bất cập. Bên cạnh đó, các hoạt động nhằm phát huy giá trị DTLS - VH thông qua hệ thống bảo tàng và việc giáo dục văn hóa trong các trường học vẫn chưa được chú trọng đúng mức.

Thực trạng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trước năm 2005 là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đúc rút ra những kinh nghiệm, từ đó hoạch định những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp trong lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH giai đoạn tiếp theo.

2.1.3. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006), sau khi tổng kết 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội đã xác định phương hướng và nhiệm vụ phát triển giai đoạn 2006 - 2010, bên cạnh các mục tiêu trọng tâm về KT - XH, việc phát triển văn hóa nói chung, đặc biệt là công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, được đặt ở vị trí quan trọng. Đảng đã xác định mục tiêu xây dựng một nền văn hóa Việt Nam hiện đại, mang đậm bản sắc dân tộc, phù hợp với yêu cầu phát triển con người và xã hội trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đồng thời, chủ trương của Đảng cũng nhấn mạnh việc khuyến khích huy động mọi nguồn lực xã hội và khai thác tối đa khả năng sáng tạo của nhân dân nhằm đầu tư cho các công trình

và thiết chế văn hóa, tổ chức các hoạt động mang tính văn hóa; thúc đẩy sự tham gia tích cực của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và đoàn thể vào các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, cũng như trong việc quản lý và bảo vệ các di tích và DSVH. Đảng chủ trương: “Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử và di tích văn hóa” [45, tr.39]. Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4/2006) của Đảng nhấn mạnh chủ trương:

Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hóa nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hóa, văn nghệ dân gian, kết hợp hài hòa việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch” [45, tr.119].

Quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH nói chung, DTLS - VH hóa nói riêng thể hiện trên các mặt sau:

Thứ nhất, khẳng định di tích lịch sử - văn hóa có vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức sâu sắc vai trò của các DSVH nói chung, DTLS - VH nói riêng trong tiến trình lịch sử dân tộc. Không chỉ là bức tranh sinh động tái hiện quá khứ, mà còn góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế đất nước. Các DTLS - VH cần được tôn trọng và bảo vệ, gìn giữ và phát huy, đây chính là nguồn tài nguyên quý giá trong phát triển kinh tế du lịch. Việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích vừa có ý nghĩa trong việc giáo dục truyền thống, phục vụ cho nghiên cứu khoa học, vừa đáp ứng nhu cầu thăm quan, nhu cầu thẩm mỹ và văn hóa của người dân. Do đó, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH cũng là phát huy nguồn nội lực của đất nước trong phát triển KT - XH.

Thứ hai, trong chủ trương của Đảng luôn coi trọng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Di tích lịch sử - văn hóa là tài sản chung của cộng đồng, là biểu tượng bản sắc và tinh thần dân tộc, có vai trò kết nối cộng đồng trong việc bảo vệ các

giá trị truyền thống trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Với sự phong phú về loại hình và giá trị lịch sử - văn hóa - khoa học - thẩm mỹ, DTLS - VH là một tiềm lực to lớn phục vụ phát triển đất nước. Trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa và DTLS - VH, việc bảo tồn luôn đi đôi với phát huy, nhằm khẳng định vai trò của văn hóa như một động lực quan trọng trong quá trình phát triển. Các DSVH, DTLS - VH, nhờ sự đa dạng và giàu giá trị, cần được khai thác hiệu quả để đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển KT - XH.

Thứ ba, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa là nhiệm vụ trọng tâm của toàn xã hội

Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH không chỉ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước mà còn là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, các cơ quan, đoàn thể, đảng bộ, chính quyền địa phương và đặc biệt là ngành văn hóa. Trong định hướng phát triển Ngành, lĩnh vực được thông qua tại Đại hội X (4/2006) của Đảng nhấn mạnh: “Huy động các nguồn lực và sức sáng tạo trong xã hội để đầu tư xây dựng các công trình và thiết chế văn hóa, tổ chức các hoạt động văn hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đoàn thể tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật, quản lý và bảo vệ di tích, di sản văn hóa” [45, tr.194].

Những quan điểm, chủ trương của Đảng đã chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trong thời kỳ mới, từ đó định hướng cho các Đảng bộ địa phương trên cả nước trong công tác lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH phù hợp với thực tiễn địa phương.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành động lực phát triển đất nước. Ngày 31/7/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 125/2007/QĐ-TTg: Quyết định Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006 - 2010. Với mục tiêu:

Ngăn chặn nguy cơ xuống cấp các di tích và sự huỷ hoại văn hoá phi vật thể. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích, thắng cảnh và vốn văn hoá phi vật thể để trở thành những sản phẩm văn hoá

có giá trị, phục vụ công tác giáo dục truyền thống lịch sử và truyền thống văn hiến, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hoá của toàn xã hội nói chung và nhu cầu phát triển du lịch nói riêng [121, tr.1].

Trong giai đoạn 2006 - 2010, Chương trình đề ra mục tiêu cụ thể: “Đầu tư tu bổ, tôn tạo 70% di tích lịch sử và cách mạng, 80% di tích kiến trúc nghệ thuật, danh thắng được công nhận di tích cấp quốc gia; hỗ trợ chống xuống cấp khoảng 1200 di tích khác được công nhận di tích quốc gia” [121, tr.2].

Ngày 6/5/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 581/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020” nhằm cụ thể hóa và thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Chiến lược xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cùng các giải pháp trọng tâm, làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch triển khai trên toàn quốc, hướng tới từng bước xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xác định phạm vi văn hóa bao gồm 5 lĩnh vực chính, trong đó có lĩnh vực DSVH. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong Chiến lược là bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, xem đây là nền tảng quan trọng trong việc phát triển bền vững văn hóa quốc gia; Cần triển khai đồng bộ các hoạt động điều tra, nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn nhằm khai thác hiệu quả giá trị của các DTLS - VH và DSVH phi vật thể. Đặc biệt, chú trọng bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc, văn hóa dân gian đặc trưng của từng địa phương, từng vùng văn hóa và từng cộng đồng dân tộc; nghề thủ công truyền thống; các lễ hội tiêu biểu cũng như kho tàng Hán Nôm. Việc bảo tồn cần được lồng ghép hài hòa với phát triển kinh tế và du lịch theo hướng bền vững, nhằm tạo ra giá trị kép về văn hóa và kinh tế. Đồng thời, cần thực hiện việc xếp hạng và hỗ trợ bảo tồn đối với những công trình kiến trúc tôn giáo tiêu biểu có giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc đã được công nhận.

Chiến lược nêu rõ: “Đầu tư đồng bộ bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu trở thành những di sản có chất lượng cao về khoa học, bảo tồn môi trường văn hóa, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế du lịch” [122, tr.26]. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 do Chính phủ ban hành đã khẳng định rõ vai trò thiết yếu của DSVH, đặc biệt là các DTLS -

VH, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Bên cạnh đó, Chiến lược cũng đề ra yêu cầu cụ thể về việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản, đồng thời gắn kết chặt chẽ các hoạt động này với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - đặc biệt là lĩnh vực du lịch.

Liên quan đến việc xử lý các hành vi vi phạm trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị của di tích, Nghị định số 75/NĐ-CP của Chính Phủ Ban hành ngày 12/7/2010, đã đưa ra các quy định chi tiết về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa. Nghị định này xác định rõ các hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực văn hóa đồng thời quy định cụ thể các hình thức và mức độ xử phạt, thẩm quyền xử lý vi phạm, thủ tục thực hiện xử phạt cũng như các biện pháp nhằm khắc phục hậu quả sau vi phạm. Tại điều 35, Vi phạm các quy định về khai quật khảo cổ, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, mục 2: “Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Thăm dò, khai quật khảo cổ học không có giấy phép; đào bới, trục vớt trái phép tại các địa điểm khảo cổ; Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá mà không có văn bản đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” [33, tr.35]. Đây được xem là nền tảng pháp lý quan trọng nhằm giải quyết các hành vi vi phạm liên quan đến việc bảo tồn, phát huy những giá trị đặc sắc của DSVH nói chung và DTLS - VH nói riêng.

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết về công tác bảo vệ và phát huy giá trị DSVH phi vật thể, DTLS - VH và danh lam thắng cảnh; quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tổ chức và hoạt động của các bảo tàng; đồng thời quy định về chế độ khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện, giao nộp các loại hiện vật nêu trên. Nghị định số 98 bao gồm 7 chương, 36 điều. Nội dung bảo vệ và phát huy giá trị di tích được thể hiện trong chương 3 (từ điều 11 đến điều 17). Điều 11, phân loại di tích gồm có 04 loại: di tích lịch sử; di tích kiến trúc nghệ thuật; di tích khảo cổ; danh lam thắng cảnh. Điều 12 và 13 quy định kiểm kê, lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích. Điều 14, 15 thể hiện các nguyên tắc xác định phạm vi và cấm mốc giới các khu bảo vệ, thẩm quyền thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình có khả năng ảnh hưởng xấu di tích.

Các văn bản quy phạm pháp luật được đề cập trên đây thể hiện sự quan

tâm của Nhà nước trong việc không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và triển khai các chính sách nhằm bảo tồn, gìn giữ cũng như phát huy một cách hiệu quả giá trị của DTLS - VH nói riêng, thể hiện tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ và truyền lại cho thế hệ mai sau những giá trị văn hóa và lịch sử quý báu của dân tộc.

2.2. Chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX (12/2005) đã đánh giá ưu điểm, hạn chế và đưa ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển các lĩnh vực, đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định:

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của địa phương; trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; triển khai thực hiện quyết định 82-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư. Giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể [135, tr.74].

Đảng bộ tỉnh đặc biệt chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo hệ thống các DTLS - VH, đồng thời đẩy mạnh việc phát huy giá trị của các di tích này trong phát triển kinh tế, nhất là kinh tế du lịch. Tỉnh tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, sửa chữa và nâng cấp các di tích danh thắng nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch. Trong đó, việc xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH Cố đô Hoa Lư được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh đó, tỉnh đẩy mạnh kêu gọi đầu tư, tập trung xây dựng các khu du lịch trọng điểm như Tam Cốc - Bích Động và Tràng An trở thành những điểm nhấn nổi bật trong bản đồ du lịch của địa phương.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thảo luận và ban hành Chương trình công tác toàn khóa ngày 15/3/2006. Nhận thức rõ vai trò của các DTLS - VH hóa đối với phát triển kinh tế du lịch, Hội nghị đã ra quyết nghị: “Tập trung hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, khu du lịch sinh thái

Vân Long, khu du lịch Tràng An gắn liền với bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của Cố đô Hoa Lư. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, gắn với khai thác có hiệu quả [136, tr.3].

Trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, cần chú trọng việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu của từng địa phương. Các hoạt động trùng tu, tôn tạo DTLS - VH cần được thực hiện đồng bộ với việc khai thác và phát huy giá trị văn hóa dân gian gắn liền với các di tích, đặc biệt trong các dịp lễ hội truyền thống. Song song với đó là việc sưu tầm, lưu giữ và bảo tồn có hệ thống các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đặc sắc. Cần hoàn thành việc xây dựng tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế trước năm 2008. Đồng thời, tiến hành nghiên cứu, xem xét tổ chức lễ hội truyền thống tại khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu (huyện Nho Quan) với quy mô và thời gian phù hợp nhằm tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa của khu vực.

Ngày 12/9/2006, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã ban hành Chương trình hành động số 04-CTr/TU: Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Về công tác văn hóa, chú trọng: “Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu văn hóa tâm linh chùa Bái Đính. Đồng thời tiếp tục triển khai tôn tạo khu di tích Cố đô Hoa Lư, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, Vân Long, Vân Trình...” [137, tr.3].

Việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH và phát triển du lịch có mối quan hệ biện chứng, gắn bó mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau. Bảo vệ, trùng tu, quảng bá các DTLS - VH để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan thúc đẩy ngành kinh tế du lịch phát triển. Ngược lại, trong các chủ trương, chính sách phát triển du lịch không thể thiếu nội dung bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Ngày 13/7/2009, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, nhấn mạnh gắn kết phát triển kinh tế du lịch với bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Nghị quyết đề ra các nhóm nhiệm vụ, giải pháp như: Xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết du lịch; Đầu tư hạ tầng và sản phẩm du lịch; Huy động các nguồn lực tài chính; Tăng cường quản lý nhà nước; Phát triển thị trường, quảng bá, xúc tiến du lịch; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

Giáo dục cộng đồng về phát triển du lịch. Các nhóm giải pháp này đồng thời thúc đẩy công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLS-VH, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành du lịch và kinh tế tỉnh Ninh Bình.

Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được thể hiện trên các nội dung:

Về phương hướng: Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH là một nội dung quan trọng trong công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Công tác bảo tồn được triển khai theo hướng liên ngành, huy động sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, với ngành văn hóa giữ vai trò trung tâm. Bảo tồn di sản không tách rời mà gắn kết trực tiếp với chiến lược phát triển KT - XH và mục tiêu phát triển bền vững của địa phương.

Về mục tiêu: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nhằm bảo vệ tài sản văn hóa dân tộc, giáo dục truyền thống và lịch sử cách mạng cho cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt thông qua hoạt động du lịch văn hóa. Việc bảo tồn di tích được tích hợp vào các chương trình phát triển KT - XH và chính sách giảm nghèo, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Về nhiệm vụ: Đảng bộ đặt ra các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: Quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương liên quan đến phát triển văn hóa dân tộc; tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về ý nghĩa của bảo tồn DTLS - VH; lập kế hoạch bảo vệ, tôn tạo di tích trọng điểm, đặc biệt là các di tích đã được xếp hạng; tổ chức thực hiện tu bổ và khai thác giá trị DTLS - VH một cách hiệu quả, khoa học và đồng bộ.

Về giải pháp: Để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên, Đảng bộ đề ra giải pháp phối hợp liên ngành trong công tác bảo tồn; xây dựng kế hoạch bảo tồn bài bản, gắn với thực tiễn phát triển địa phương; tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng dân cư, đặc biệt thông qua hệ thống giáo dục; và đẩy mạnh việc kết nối giữa bảo tồn di tích với phát triển du lịch, từ đó hình thành các sản phẩm văn hóa - du lịch đặc thù, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế và góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo.

Trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình kịp thời ban hành chủ trương bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị DTLS - VH phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước và thực tiễn địa phương, góp phần bảo vệ di sản và phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững.

2.2.2. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

2.2.2.1. Chỉ đạo công tác kiện toàn cơ chế tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ

Cơ cấu tổ chức quản lý DTLS - VH ở Việt Nam có từ sau 1945, nhưng sự thống nhất và chuyên nghiệp từ trung ương đến địa phương được xác lập rõ ràng và đầy đủ hơn kể từ năm 1990, đặc biệt là sau khi có Luật Di sản văn hóa năm 2001. Mỗi cấp quản lý đều có những chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2001, UBND tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước về DSVH ở địa phương theo phân cấp của Chính phủ. UBND tỉnh giao cho Sở Văn hóa – Thông tin tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về các hoạt động văn hóa nói chung, bảo tồn và phát huy giá trị DSVH nói riêng.

Ngày 15/5/2000, Sở Văn hóa - Thông tin ban hành Quyết định số 137/QĐ-VHTT thành lập Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Ninh Bình, trực thuộc Sở Văn hóa - Thông tin, trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý Khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư (thành lập năm 1997) và tiếp nhận nhiệm vụ quản lý di tích, danh thắng từ Bảo tàng tỉnh.

Ban có chức năng tham mưu Giám đốc Sở trong công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo di tích, nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, phát huy giá trị di tích, đặc biệt trực tiếp quản lý khu di tích Cố đô Hoa Lư. Từ năm 2000 đến năm 2007, Ban thực hiện hai nhiệm vụ chính: (1) công tác chuyên môn về di tích (điều tra, lập hồ sơ xếp hạng, tu bổ, nghiên cứu khoa học); (2) khai thác, giới thiệu và phát huy giá trị khu di tích Cố đô Hoa Lư. Các hoạt động đạt hiệu quả cao trong bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, Sở Văn hóa - Thông tin đã đề xuất UBND tỉnh tổ chức lại bộ máy, giải thể Ban Quản lý Di tích và Danh thắng,

đồng thời thành lập hai đơn vị mới: Phòng Quản lý Di sản và Ban Quản lý Di tích Cổ đô Hoa Lư.

Thực hiện Luật của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 và Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT về việc Ban hành quy chế quản lý, tu bổ và phục hồi DTLS - VH, danh lam thắng cảnh; quán triệt chủ trương của Đảng bộ về kiện toàn bộ máy quản lý, bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH được xác định tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX: “Tăng cường quản lý Nhà nước về văn hóa” [135, tr.73], UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 335/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình. Quy định vị trí và chức năng của Sở văn hóa - Thông tin là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về DSVH, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, báo chí, xuất bản..., thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật. Sở Văn hóa - Thông tin chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hóa - Thông tin; trình UBND tỉnh quy chế, giải pháp huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị DSVH tại địa phương, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định thành lập Bảo tàng tỉnh, Ban Quản lý di tích, xếp hạng và hủy bỏ xếp hạng bảo tàng, di tích theo thẩm quyền; phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cấp tỉnh, di tích cấp quốc gia. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc lập hồ sơ xếp loại DTLS - VH và danh lam thắng cảnh thuộc địa bàn tỉnh. Chịu trách nhiệm thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường của di tích.

Xét đề nghị của Sở Văn hóa - Thông tin, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 143/UBND-VP7 ngày 22/5/2007 về việc sắp xếp lại mô hình quản lý di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh. Quyết định:

Thành lập thêm Phòng Quản lý Di sản thuộc Sở Văn hóa - Thông tin, để thực hiện nhiệm vụ quản lý di tích và danh thắng trên địa bàn toàn tỉnh. Chuyển đổi Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Ninh Bình thành Ban Quản lý di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư (chỉ làm nhiệm vụ quản lý khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư); sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư cho phù hợp với nhiệm vụ mới; kiện toàn lại bộ máy [166, tr.1].

Thực hiện Công văn của UBND tỉnh, ngày 13/8/2007, Sở Văn hóa - Thông tin Ninh Bình đã xây dựng Đề án số 489/ĐA-SVHTT tổ chức sắp xếp lại mô hình quản lý di tích và danh thắng tỉnh Ninh Bình. Theo đó, quyết định thành lập thêm Phòng Quản lý Di sản thuộc Sở Văn hóa - Thông tin và chuyển đổi Ban Quản lý di tích và Danh thắng Ninh Bình thành Ban Quản lý di tích Cố đô Hoa Lư. Phòng Quản lý Di sản có chức năng tham mưu giúp giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy DSVH dân tộc trên địa bàn tỉnh theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý Di sản bao gồm: 01 trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng và 05 công chức đảm nhận theo dõi, thực hiện nhiệm vụ ở các nội dung công tác: Quản lý di tích 02 người, quản lý di sản phi vật thể 02 người, quản lý hoạt động bảo tàng 01 người.

Ban Quản lý di tích Cố đô Hoa Lư là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Văn hóa - Thông tin, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Ban quản lý di tích Cố đô Hoa Lư có chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về DTLs - VH, tổ chức các hoạt động nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị của khu DTLs - VH cố đô Hoa Lư (thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư) theo quy định của Nhà nước và của Tỉnh.

Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý di tích Cố đô Hoa Lư bao gồm: Lãnh đạo Ban với 01 Trưởng ban và không quá 02 Phó trưởng ban. Các bộ phận trực thuộc ban là: Bộ phận Hành chính - quản trị, bộ phận Bán vé, bộ phận Nghiệp vụ - Thuyết minh. Tổng số viên chức, lao động là 19 người (bao gồm 05 viên chức, 14 lao động) [90, tr.5].

Tại các huyện, xã có di tích được xếp hạng, Ban bảo vệ di tích được thành lập với sự tham gia của đại diện chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Hội Người cao tuổi và người trông nom di tích (như nhà sư, thủ từ) nhằm thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Việc phân cấp quản lý theo Luật Di sản văn hóa tạo điều kiện cho địa phương chủ động quản lý toàn diện di tích. Sở Văn hóa - Thông tin hỗ trợ UBND tỉnh trong công tác lập hồ sơ xếp hạng, chỉ đạo bảo vệ, khai thác và xử lý vi phạm. UBND cấp huyện chỉ đạo cấp xã tổ chức lực lượng bảo vệ, huy động nguồn lực tu bổ, phối hợp với ngành văn hóa trong khai thác di tích. Đồng thời, địa phương chịu trách nhiệm phòng ngừa vi phạm, bảo đảm an ninh, vệ sinh, và tạo điều kiện cho hoạt động lễ hội, tham quan, tín ngưỡng hợp pháp tại di tích.

Năm 2008, trong xu thế chung của cả nước là sáp nhập các sở ban ngành để tinh gọn bộ máy biên chế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thành lập theo quyết định số 422/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ngày 03/3/2008 trên cơ sở hợp nhất Sở Du lịch, Sở Thể dục Thể thao và Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình bao gồm các phòng chuyên môn như phòng Nghiệp vụ văn hóa, phòng Nghiệp vụ du lịch, phòng Di sản, phòng Nghiệp vụ Thể dục thể thao, phòng Gia đình và nếp sống văn hóa. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở bao gồm Trung tâm Xúc tiến du lịch, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Nhà hát chèo, Trung tâm Thể dục thể thao, Trung tâm Văn hóa tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng. Việc sáp nhập này tạo những điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý du lịch đối với các di tích vốn nằm trong quản lý của sở Văn hóa - Thông tin trước kia. Theo đó, những hoạt động như xếp hạng di tích, bảo tồn di tích, hoạt động của bảo tàng bên cạnh chức năng bảo tồn và phát huy giá trị DSVH còn đảm nhiệm vai trò phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

Ngày 24/7/2008, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 1405/2008/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, theo đó:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục thể thao, du lịch và

quảng cáo ở địa phương, các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Sở và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật [170, tr.1].

Về nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong lĩnh vực DSVH cơ bản giống với nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa - Thông tin theo Quyết định số 335/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 của UBND tỉnh, bổ sung nhiệm vụ: “Quản lý, hướng dẫn tổ chức các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, lễ hội truyền thống, tín ngưỡng gắn với di tích, nhân vật lịch sử tại địa phương” [170, tr.3].

Về đội ngũ cán bộ công nhân viên chức của Sở: “Tổng số cán bộ công chức của Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 64 người. Trong đó: Cán bộ công chức trong biên chế: 56 người, cán bộ hợp đồng trong quỹ lương: 01 người, cán bộ hợp đồng theo nghị định 68: 07 người. Cán bộ trên Đại học: 6 người, cán bộ Đại học: 43 người, cán bộ Trung học: 06 người. Tổng số đơn vị do Sở quản lý: 10 đơn vị, tổng số cán bộ 368 người” [92, tr.1].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Ninh Bình đã kịp thời ban hành các quyết định, công văn, chỉ đạo kiện toàn cơ chế tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với các di tích nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH đạt hiệu quả cao, tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

2.2.2.2. Chỉ đạo công tác điều tra, xếp hạng các di tích lịch sử - văn hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ

Về điều tra, xếp hạng di tích: Việc xếp hạng di tích nhằm tôn vinh, ghi nhận giá trị lịch sử - văn hóa, đồng thời bảo vệ và phát huy giá trị DTLS - VH, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giai đoạn 2005 - 2010, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự chỉ đạo chuyên môn của Sở Văn hóa - Thông tin (đến năm 2008 là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công tác kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích được triển khai khá đồng bộ. Ban Quản lý di tích Cố đô Hoa Lư, Phòng Quản lý Di sản cùng UBND các huyện,

thành phố đã phối hợp trong việc lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét duyệt công nhận di tích cấp quốc gia. Hoạt động này tuân thủ Luật Di sản văn hóa năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về: “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiêu biểu của địa phương, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa” [135, tr.74], UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa - Thông tin triển khai việc xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Kiểm kê di tích nhằm phát hiện, thu thập các tư liệu để xác định giá trị của di tích từ đó lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích.

Sở Văn hóa - Thông tin chỉ đạo Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Ninh Bình phối hợp với các địa phương tiến hành kiểm kê di tích trên địa bàn tất cả các huyện, thị xã, thành phố theo quan điểm nhất quán, tổ chức thường xuyên. Qua khảo sát, nhiều di tích được phát hiện, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng.

Ngày 29/12/2005, UBND tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 2953/QĐ-UBND về việc công nhận di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Ninh Bình. Theo đó: “Công nhận 17 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh và nghiêm cấm mọi hoạt động xây dựng, khai thác trong những khu vực bảo vệ của di tích đã được khoanh vùng. Trường hợp đặc biệt sử dụng đất đai ở di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh phải được phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” [158, tr.1]. Năm 2006, Ban Quản lý di tích và Danh thắng cùng với các địa phương tiến hành khảo sát lập hồ sơ khoa học 21 di tích đề nghị UBND tỉnh quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với các ngành chức năng liên quan trên địa bàn tỉnh để trình Tổ chức UNESCO Việt Nam và Bộ Văn hóa - Thông tin xin chủ trương tiến hành các thủ tục lập hồ sơ khoa học về Khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư - Tràng An, nhằm đề nghị công nhận là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Đến năm 2009, bộ hồ sơ khoa học đầy đủ về khu di tích này đã được hoàn thiện và trình Chính phủ để gửi Tổ chức UNESCO thế giới, chính thức đề nghị xét công nhận là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Trong 3 năm từ 2007 đến năm 2009, Hội đồng Khoa học xét duyệt hồ sơ di tích đã lập hồ sơ 67 di tích đề nghị UBND tỉnh xếp hạng DTLS - VH cấp tỉnh. Lập hồ sơ khoa học khu Du lịch sinh thái Tràng An

đề nghị Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công nhận là di tích danh thắng cấp quốc gia, hoàn thành 03 hồ sơ di tích trong khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu đề nghị Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch xem xét xếp hạng di tích cấp quốc gia. Đến năm 2010, trong tỉnh đã có 78 di tích cấp quốc gia, 139 di tích cấp tỉnh. Khu di tích Cố đô Hoa Lư đang được tăng cường đầu tư tu bổ, tôn tạo. Tất cả các di tích được xếp hạng đã được Sở Tài nguyên - Môi trường cấp giấy quyền sử dụng đất. Các di tích được khoanh vùng bảo vệ và cắm mốc giới. 100% các điểm thuộc chiến khu cách mạng Quỳnh Lưu đã được cắm mốc biển báo di tích bằng chất liệu đá. Việc xếp hạng di tích đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng: Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các quy hoạch ngành, nhất là quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị, tập trung chỉ đạo xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ ở các DTLS - VH gắn với khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Ngày 10/8/2004, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành quyết định số 1875/QĐ-UB về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch Tràng An, mục tiêu quy hoạch: Thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư tỉnh Ninh Bình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 82/QĐ-TTg về việc xây dựng khu du lịch Tràng An thành khu du lịch tổng hợp: Lịch sử - văn hóa - sinh thái kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và xã hội, giữa du lịch và văn hóa, an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên. Từ năm 2005 đến năm 2009, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều Quyết định chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ ở các DTLS - VH gắn với địa điểm du lịch nổi tiếng trên địa bàn tỉnh.

Về xây dựng hạ tầng giao thông, điện, nước và bảo vệ cảnh quan môi trường: UBND ban hành Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 18/11/2005, về việc phê duyệt tổng thể khu du lịch Tràng An, chỉ đạo quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ gồm 11 tuyến đường chính và các tuyến đường nhánh, các quèn đi bộ qua núi. Tổng chiều dài 39.44 Km. Hệ thống giao thông đường thủy tiến hành nạo vét, tẩy rửa và làm sạch 48 hang động (tổng chiều dài là 12.224m), nạo vét các thung trong đó có 12 thung lớn tạo thành 12 đảo (bán

đảo) văn hóa, sinh thái. Đồng thời quy hoạch hệ thống cấp điện, hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. “Tổng vốn đầu tư cho quy hoạch là 334.135.000 đồng” [156, tr.6]. Đối với khu di tích đặc biệt Cố đô Hoa Lư, nhằm tạo vành đai hợp lý bảo vệ khu trung tâm, ngăn chặn lấn chiếm và các hoạt động trái phép ảnh hưởng đến bảo vệ mỹ quan khu vực. UBND ban hành Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 23/01/2006 v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hệ thống giao thông đường bao, hào nước vùng khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư giai đoạn 2006 - 2015, chỉ đạo xây dựng các tuyến đường giao thông gồm: Tuyến phía Đông, phía Bắc, phía Tây Nam, ra lăng vua Lê, phía Tây Nam và tuyến trục chính trong khu lễ hội. Xây dựng hào nước bao quanh khu di tích, bến đỗ xe và bến thuyền phía Bắc. “Tổng mức đầu tư cho xây dựng hệ thống giao thông và đường bao hào nước vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư là 137.521.178.000 đồng” [159, tr.5]. Ở khu vực trung tâm tỉnh Ninh Bình, để thuận lợi cho việc giao thông giữa trung tâm tỉnh với các huyện, thị xã và các tỉnh bạn. UBND tỉnh ra Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 11/4/2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu trung tâm tỉnh Ninh Bình, chỉ đạo quy hoạch hệ thống giao thông với tổng diện tích đất quy hoạch là 369,5403 ha, với yêu cầu: “Các đường khu vực và đường liên khu trong khu trung tâm đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng và khu vực xung quanh” [160, tr.3]. Ngoài ra còn quy hoạch hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường, quy hoạch hệ thống cấp điện cho khu vực trung tâm tỉnh Ninh Bình.

Các DTLS - VH đồng thời cũng là các điểm tham quan, du lịch của tỉnh, do đó, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, chỉ đạo xây dựng hạ tầng giao thông tại các khu di tích nhằm phục vụ cho phát triển du lịch như quy hoạch giao thông khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, tuyến giao thông từ Quốc lộ 1A vào tới bến xe Đồng Gừng dài 2.6km. Tuyến giao thông đường thủy từ bến thuyền nối đến Thung Nắng, Hang Cả, Hang Bụt, Hang Múa được mở rộng dòng chảy và nạo vét lòng sông. Về hệ thống điện: Xây mới hai trạm biến thế, một trạm đặt tại khu vực bến thuyền Thạch Bích, một trạm đặt tại khu đón tiếp bến thuyền nhà Lê lối vào Hang Bụt, đảm bảo cung cấp điện tới từng điểm du lịch trong phạm vi quy hoạch và tách riêng khỏi lưới điện phục vụ dân sinh và nông nghiệp.

Năm 2007, UBND tỉnh Ban hành Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày

31/8/2007 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu núi Chùa Bái Đính. Nội dung điều chỉnh quy hoạch cả về không gian, cơ cấu sử dụng đất, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước. Mục tiêu lập quy hoạch nhằm bảo tồn, gìn giữ lâu dài các giá trị nổi bật về lịch sử, văn hóa, khoa học, địa chất, địa mạo của DTLS - VH Chùa Bái Đính; phát huy và khai thác có hiệu quả các giá trị của di tích, hình thành điểm đến du lịch hấp dẫn, tạo nguồn thu cho địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo nguồn lực để bảo tồn di tích. Đồng thời, xác định ranh giới bảo vệ, làm cơ sở quản lý và cấm mốc giới di tích; xác định các khu chức năng, khu dân cư bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan, môi trường. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và bố trí hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Hệ thống hạ tầng giao thông của Ninh Bình đến các trọng điểm DTLS - VH khá đồng bộ và phát triển. Giai đoạn 2006 - 2010, tỉnh đã chủ động nâng cấp, xây mới khoảng 100Km đường tỉnh, đường huyện. Hệ thống hạ tầng văn hóa, hạ tầng thương mại và dịch vụ, hạ tầng đô thị được đầu tư phát triển... góp phần đưa Ninh Bình trở thành thành phố du lịch gắn kết với bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở dịch vụ du lịch: Cho đến năm 2007, trên địa bàn tỉnh còn thiếu các khách sạn và nhà hàng cao cấp, mới chỉ đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách nội địa, chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ khách quốc tế. Ngày 17/12/2007, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2845/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2010, định hướng đến năm 2015 với quan điểm: “Phát triển du lịch nhanh, bền vững, gắn với việc bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc” [168, tr.1]. Về đầu tư phát triển: Giai đoạn từ 2007 đến 2010: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và các cơ sở dịch vụ du lịch đảm bảo có đủ điều kiện đón khách du lịch. Trước hết là cơ sở hạ tầng và các cơ sở dịch vụ tại thành phố Ninh Bình, Khu du lịch sinh thái Tràng An, Núi chùa Bái Đính và Khu Tam Cốc - Bích Động, hình thành được một số điểm du lịch, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí chất lượng cao. Tính đến năm 2009: “Tỉnh Ninh Bình có 108 cơ sở lưu trú du lịch với 1.681 phòng nghỉ và 2.806 giường. Tổng số vốn đầu tư là 426 tỷ đồng” [93, tr.1].

Cùng với sự phát triển của nhiều khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, lượng khách đến với Ninh Bình ngày một đông, các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh đã tập trung chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ khách thường xuyên được bảo trì, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của du khách, thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch.

2.2.2.3. Chỉ đạo huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Để xây dựng và phát triển văn hóa nói chung, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nói riêng, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, bảo tàng, kế thừa, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, bản sắc văn hóa quê hương, và huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa” [134, tr.3]. Trong giai đoạn 2005 - 2010, đối với vấn đề huy động nguồn lực trùng tu, tôn tạo các DTLS - VH tiêu biểu của địa phương, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình tập trung ưu tiên: “Triển khai thực hiện Quyết định 82-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư” [135, tr.74]. Trong điều 2 của Quyết định 82-QĐ/TTg nêu rõ: “Ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung đầu tư cho vùng bảo vệ đặc biệt, vùng đệm và các di tích có liên quan trực tiếp đến Cố đô Hoa Lư; có các biện pháp huy động sự đóng góp sức người, sức của của nhân dân trong việc giữ gìn, bảo vệ, đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích” [31, tr.3].

Việc huy động nguồn vốn cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được thực hiện theo Luật Di sản văn hóa 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Theo đó: “Nguồn tài chính để bảo vệ và phát huy giá trị DSVH bao gồm: 1. Ngân sách nhà nước; 2. Các khoản thu từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa; 3. Tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài” [32, tr.37]. Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020. Quyết định chỉ rõ cần tăng cường các nguồn lực để tu bổ và tôn tạo di tích: “Nguồn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho các di tích lịch sử, di tích cách mạng và kháng chiến, các di tích khảo cổ học” [5, tr.10].

Trên cơ sở quy định nguồn kinh phí đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo di tích, cùng với sự quan tâm của Bộ Văn hóa Thông tin, sự quan tâm đầu tư kinh phí của nhà nước đối với các di tích được xếp hạng đã tạo niềm tin cho đông đảo nhân dân tích cực tham gia vào chương trình xã hội hóa tôn tạo di tích, nâng cao nhận thức của cộng đồng về trách nhiệm đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị DTLS - VH.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh dành kinh phí cho tu bổ, tôn tạo các DTLS - VH xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh và đưa vào kế hoạch hàng năm, ngoài nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, huy động nguồn ngân sách của địa phương đã động viên được các cấp chính quyền cơ sở và đông đảo nhân dân huy động thêm kinh phí của xã, thôn cùng chăm lo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

Ngày 11/10/2005, UBND tỉnh đã Ban hành Quyết định số 2212/QĐ-UBND về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Bảo tồn, tôn tạo khu DTLS - VH đền Thung Lá, xã Gia Hưng, Huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Theo đó: “Tổng mức đầu tư: 11.266.121.000 đồng. Trong đó: Chi phí xây lắp: 8.821.375.000 đồng; kiến thiết cơ bản khác: 835.553.000 đồng; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng: 585.000.000 đồng; dự phòng: 1.024.193.000 đồng. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình Mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác” [155, tr.2].

Nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trong tỉnh nói riêng và quốc gia nói chung, tạo điều kiện nghiên cứu lịch sử và phục vụ du khách tham quan, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 24/11/2005 về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các cổng phía Bắc, phía Đông, phía Nam vào khu trung tâm vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư. Địa điểm xây dựng thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư với: “Tổng mức đầu tư: 14.653.318.000 đồng. Trong đó chi phí xây lắp: 11.373.318 đồng; kiến thiết cơ bản khác: 1.330.000.000 đồng; bồi thường giải phóng mặt bằng: 750.000.000 đồng; dự phòng: 1.200.000.000. Nguồn vốn: Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác” [157, tr.2].

Để điều tra, thám sát và khai quật các di tích, di vật có liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển của kinh đô Hoa Lư nói riêng, lịch sử triều Đinh -

Tiền Lê nói chung với mục đích nghiên cứu, phục chế các hiện vật trưng bày bảo tàng nhằm góp phần giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa, dân tộc và phục vụ cho các nhà nghiên cứu, du lịch. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 24/4/2006 về việc phê duyệt dự án đầu tư nghiên cứu và khai quật khảo cổ học khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư giai đoạn 2006 - 2015: “Tổng mức đầu tư 31.807.000.000 đồng nguồn vốn của Chương trình Chính phủ” [162, tr.2].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh, Sở Văn hóa - Thông tin đã tiến hành triển khai các dự án bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 17/11/2006 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn. Sở Văn hóa - Thông tin ban hành Quyết định số 333/QĐ-SVHTT ngày 13/6/2007 về việc phê duyệt thiết kế, kỹ thuật tổng dự toán dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng Đế, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn. Theo đó, chấp thuận theo hồ sơ tư vấn thiết kế và báo cáo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán của Sở Xây dựng và Báo cáo kết quả thẩm tra của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trí Thành:

Tổng dự toán: 15.053.577.423 đồng. Trong đó: chi phí xây lắp: 12.137.574.634 đồng; chi phí quản lý dự án và chi phí khác: 1.474.331.890 đồng; chi phí dự phòng: 1.441.670.890 đồng. Nguồn vốn: Ngân sách cấp theo chương trình mục tiêu quốc gia về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; nguồn vốn đối ứng tỉnh Ninh Bình và các nguồn vốn hợp pháp khác [89, tr.6].

Nhận thức rõ Cố đô Hoa Lư là khu DTLS - VH quan trọng của quốc gia, cần được bảo tồn, tôn tạo nhằm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, giáo dục, tham quan và phát triển du lịch bền vững, ngày 08/6/2009, UBND tỉnh Ninh Bình Ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư. Công tác tu bổ, tôn tạo các di tích đã đạt được những kết quả nhất định. Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Bình, Sở Văn hóa - Thông

tin đã tiến hành trùng tu nhiều di tích thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu văn hóa phục vụ cho khách tham quan du lịch ở các địa phương trong tỉnh, tiêu biểu là các di tích như: Hệ thống biển báo khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu, di tích chùa Phúc Nhạc, di tích đền Thái Vi, di tích chùa Bích Động, di tích chùa Đầu Long... Các di tích được tôn tạo vừa đảm bảo các yếu tố gốc của di tích, vừa phát huy những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

Trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2010, thông qua chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, Nhà nước đã đầu tư cho tu bổ, tôn tạo di tích là: 58.039.000.000 đồng, trong đó: Vốn sự nghiệp: 8.039.000.000 đồng; vốn xây dựng cơ bản: 50.000.000.000 đồng. Ngân sách địa phương đối ứng của tỉnh: 15.800.000.000 đồng. Ngoài nguồn kinh phí do Chính phủ đầu tư chống xuống cấp di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ cùng nguồn vốn hàng năm của tỉnh Ninh Bình còn có nguồn vốn từ nhân dân tham gia hoạt động xã hội hóa bảo vệ di tích [95, tr.2-3].

Trong những năm 2005 - 2010, phong trào “xã hội hóa” các mặt hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích đã được các tầng lớp xã hội tham gia hưởng ứng: “Nhiều di tích nhận được sự đóng góp, công đức của nhân dân, có nơi kinh phí do nhân dân, các nhà hảo tâm đóng góp lên đến hàng tỷ đồng, tiêu biểu như tu sửa chùa Non Nước nhân dân công đức 2 tỷ đồng, tu sửa chùa Hạ (Bích Động) nhân dân công đức 1.5 tỷ đồng, tu bổ chùa Đầu Long gần 1 tỷ đồng” [88, tr.9].

Hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích tại Ninh Bình đã được triển khai hiệu quả, đúng quy định Luật Di sản văn hóa, góp phần bảo tồn nguyên trạng di tích, ngăn chặn tình trạng xuống cấp và mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Việc lồng ghép tu bổ với các chương trình phát triển hạ tầng, như làm đường vào di tích, đã tạo nên sản phẩm văn hóa - du lịch hoàn chỉnh, thu hút du khách, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng nguồn thu từ di tích. Đồng thời, công tác tu bổ gắn với thiết chế tôn giáo góp phần thực hiện hiệu quả chính sách văn hóa, tôn giáo và tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của UBND tỉnh và sự triển khai kịp thời của Sở Văn hóa - Thông tin (từ năm 2008 là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), nhiều dự án tu bổ đã được thực hiện, bước đầu phát huy giá trị di tích,

đáp ứng nhu cầu tham quan, tín ngưỡng của cộng đồng. Tiêu biểu như: Khu Cổ đô Hoa Lư, đền Thánh Nguyễn, đền Nguyễn Công Trứ, chùa Bích Động... Các công trình được trùng tu bằng ngân sách nhà nước kết hợp xã hội hóa, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống di tích trên địa bàn.

2.2.2.4. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống gắn với di tích lịch sử - văn hóa

Công tác tuyên truyền được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH, cần triển khai thường xuyên, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (2005) tiếp tục nhấn mạnh vai trò của công tác thông tin - tuyên truyền trong phát triển văn hóa, đặc biệt là bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, chủ trương: “Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quản lý chặt chẽ các hoạt động xuất bản, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của địa phương... Nâng cao chất lượng và tăng số lượng phát hành báo Ninh Bình... Đổi mới việc xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình địa phương” [135, tr.74].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 16/8/2006 nhằm triển khai Thông báo số 192-TB/TU của BTV Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU (Khóa XIV) về phát triển du lịch đến năm 2010. Kế hoạch nhấn mạnh đẩy mạnh tuyên truyền công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH gắn với phát triển du lịch, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, ấn phẩm đa ngữ (đặc biệt là tiếng Anh và tiếng Trung), phim tư liệu và mạng Internet. UBND tỉnh cũng chú trọng phát triển hệ thống thông tin cơ sở đến tận thôn, xóm, góp phần nâng cao dân trí và truyền đạt kịp thời các chủ trương, chính sách. Trong giai đoạn 2005 - 2010, hệ thống phát thanh - truyền thanh từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư đồng bộ. Trong lĩnh vực văn hóa, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa - Thông tin tăng cường tuyên truyền chủ trương bảo tồn di tích thông qua Hội thảo khoa học và truyền thông đại chúng, góp phần lan tỏa nhận thức đến đông đảo cộng đồng dân cư.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông qua Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 28/11/2008 Kế hoạch tổ chức kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, chỉ đạo

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì: “Tổ chức Hội thảo xác định di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư và Khu du lịch sinh thái Tràng An làm cơ sở khoa học để xem xét khả năng lập hồ sơ trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới” [171, tr.10]. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các ngành chức năng ở tỉnh trình tổ chức UNESCO Việt Nam và Bộ Văn hóa Thông tin xin lập các thủ tục, hồ sơ về khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư - Tràng An đề nghị công nhận là DSVH thiên nhiên thế giới. Các kênh thông tin như trang web, tạp chí, bản tin, fanpage của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Báo Ninh Bình đã thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh liên quan đến phát triển văn hóa và bảo tồn di tích. DTLS - VH là nguồn tài nguyên du lịch quan trọng của tỉnh, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch không chỉ góp phần giới thiệu các di tích, mà còn lan tỏa giá trị truyền thống văn hóa và tiềm năng du lịch của địa phương. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ thuyết minh viên, biên soạn các ấn phẩm giới thiệu di tích, xây dựng chương trình hoạt động tại các lễ hội truyền thống, nhất là Lễ hội Cố đô Hoa Lư, nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và thu hút du khách trong và ngoài nước.

Năm 2008, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình và Hội Di sản Văn hóa Việt Nam tổ chức Hội thảo “Giá trị Di sản văn hóa Cố đô Hoa Lư và Khu du lịch sinh thái Tràng An”. Hội thảo đánh giá toàn diện giá trị lịch sử, di tích, cảnh quan thiên nhiên (thẩm mỹ, địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học), tiềm năng du lịch và khả năng lập hồ sơ Di sản thế giới cho khu vực này. Bên cạnh giá trị khoa học, hội thảo còn có tác dụng tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Đến năm 2009, hồ sơ đề nghị công nhận Khu Cố đô Hoa Lư - Tràng An là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đã được hoàn thiện và trình Chính phủ.

Công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông được triển khai chặt chẽ, định hướng rõ ràng, tập trung vào nhiệm vụ chính trị và phát triển văn hóa - xã hội của tỉnh. Hình thức tuyên truyền đa dạng, chất lượng nội dung ngày càng nâng cao, kịp thời phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đồng thời góp phần ngăn chặn thông tin sai lệch. Tuyên

truyền vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn hóa, nâng cao trách nhiệm cộng đồng trong bảo tồn di tích, phòng ngừa hành vi xâm hại và nhận thức rõ vai trò của di tích đối với phát triển KT - XH và nâng cao đời sống nhân dân.

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình coi trọng việc tổ chức các hoạt động văn hóa và lễ hội tại các khu di tích, chủ trương: “Khai thác, phát huy những giá trị văn hóa dân gian tại các di tích trong các dịp lễ hội truyền thống, sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể” [136, tr.7]. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh Ninh Bình đã Ban hành Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 8/3/2006 về việc thành lập Ban Tổ chức Lễ hội truyền thống Cố đô Hoa Lư năm 2006. Theo đó, Ban tổ chức Lễ hội truyền thống Cố đô Hoa Lư đã xây dựng Kế hoạch số 112/KH-BTCLH ngày 13/3/2006 về việc tổ chức lễ hội Cố đô Hoa Lư năm 2006.

Lễ hội truyền thống Cố đô Hoa Lư - lễ hội lớn nhất tỉnh Ninh Bình - được tổ chức hằng năm với quy mô trang trọng, đậm đà bản sắc dân tộc. Lễ hội gồm hai phần: Phần lễ với các nghi thức truyền thống như lễ rước nước, dâng hương, rước kiệu, mộc dục, hoa đăng... trong đó lễ rước nước mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc; Phần hội gồm nhiều hoạt động văn hóa - thể thao như múa rồng, bắn cung nỏ, thi thư pháp, thi người đẹp văn hóa Hoa Lư... thu hút đông đảo người dân và du khách. Bên cạnh đó, tỉnh còn duy trì tổ chức nhiều lễ hội tiêu biểu khác như lễ hội chùa Bái Đính, đền Thái Vi, chùa Địch Lộng, lễ hội Đức Thánh Nguyễn..., đảm bảo đúng quy định, an toàn, văn minh, không để xảy ra mê tín dị đoan. Ngành Văn hóa - Thông tin thường xuyên đổi mới nội dung lễ hội nhằm phát huy giá trị DTLS - VH, giáo dục truyền thống yêu nước, “uống nước nhớ nguồn”. Việc tổ chức lễ hội tại các di tích gắn kết với quảng bá du lịch văn hóa, sinh thái, tâm linh, góp phần đáp ứng nhu cầu tâm linh và thu hút khách du lịch. Hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 28/11/2008, tổ chức chuỗi hoạt động văn hóa - thể thao, triển lãm mỹ thuật, ảnh nghệ thuật, trưng bày bảo tàng với chủ đề “Từ Hoa Lư tới Thăng Long - Hà Nội”. Các hoạt động được lồng ghép với các sự kiện lớn trong năm 2010 như kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 80 năm thành lập Đảng, 65 năm thành lập nước. Các hoạt động nhằm khơi dậy niềm tự hào dân tộc, quảng bá truyền thống lịch

sử - văn hóa vùng đất Cố đô và thành tựu phát triển KT - XH của Ninh Bình trong thời kỳ hội nhập.

Công tác giáo dục truyền thống cho học sinh - sinh viên có bước chuyển biến tích cực trong các trường học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thực hiện Kế hoạch số 7575/KHLN/BGDĐT-BVHTTDL-TUĐTN ngày 19/8/2008 Kế hoạch liên ngành triển khai phong trào thi đua “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” giai đoạn 2008-2013. Thực hiện Chỉ thị số 40/CT-BGDĐT, Kế hoạch số 3027/KH-BGDĐT ngày 22/7/2008. Sở GD&ĐT - Tỉnh Đoàn - Sở VHTT&DL đã phối hợp Ban hành Kế hoạch số 53/KHLN-SGD&ĐT-SVHTT&DL-ĐTN ngày 02/10/2008 Kế hoạch liên ngành triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các nhà trường giai đoạn 2008-2013. Theo đó:

Học sinh tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở địa phương. Mỗi trường đều nhận chăm sóc một di tích lịch sử - văn hóa hoặc di tích cách mạng ở địa phương, góp phần làm cho di tích ngày một sạch đẹp hơn, hấp dẫn hơn, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục lịch sử địa phương, tuyên truyền, giới thiệu các di tích của địa phương với bạn bè, cộng đồng dân cư với khách du lịch [83, tr.2].

Thực hiện kế hoạch liên ngành, các nhà trường tại Ninh Bình đã chủ động phối hợp với Ban Quản lý di tích tổ chức nhiều hoạt động giáo dục thiết thực gắn với bảo tồn DTLS - VH. Hàng tháng, học sinh tham gia lao động tập thể, vệ sinh môi trường và cảnh quan tại các khu di tích. Ngoài ra, các trường còn tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu thực tế tại các DTLS - VH trên địa bàn. Song song đó, Đoàn Thanh niên phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các trường học tổ chức các cuộc thi, liên hoan trò chơi dân gian mang chủ đề “uống nước nhớ nguồn”. Các chương trình như “Hành trình về nguồn”, “Hành trình theo chân danh nhân”, “Hành trình về chiến trường xưa” được triển khai thường xuyên, góp phần phát huy giá trị các DTLS - VH và phục vụ hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

2.2.2.5. Chỉ đạo phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa qua hoạt động bảo tàng và phát triển kinh tế du lịch

Phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa gắn với hoạt động của Bảo tàng Ninh Bình

Theo Điều 47 Luật di sản văn hóa năm 2001 quy định: “Bảo tàng là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập về lịch sử tự nhiên và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục, tham quan và hưởng thụ văn hóa của nhân dân” [32, tr.31]. Để kiện toàn và phát triển hệ thống bảo tàng, Thủ tướng Chính Phủ đã ra Quyết định 156/2005/QĐ-TTg ngày 23/6/2005 về Phê duyệt hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020. Theo Quyết định này, đối với Bảo tàng tỉnh, thành phố, một trong những nội dung trọng tâm trong quy hoạch là:

Tăng cường công tác sưu tầm, xây dựng các bộ sưu tập hoàn chỉnh về đặc trưng văn hóa địa phương. Mỗi bảo tàng cần xác định và giới thiệu các chủ đề trưng bày mang tính đặc thù và tiêu biểu nhằm phản ánh bức tranh đa dạng về văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bảo tàng tỉnh, thành phố phải trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới kinh tế - xã hội của địa phương [120, tr.2].

Bảo tàng Ninh Bình, trực thuộc Sở Văn hóa - Thông tin (từ năm 2008 là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), được thành lập theo Quyết định số 88-QĐ/UBND ngày 25/01/1995. Bảo tàng có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày và giới thiệu lịch sử hình thành, phát triển của tỉnh, đồng thời góp phần phát huy giá trị các DTLS - VH thông qua hệ thống tài liệu, hiện vật. Bảo tàng Ninh Bình từng bước xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn, tập trung vào các chuyên đề trưng bày chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công chúng. Đồng thời, bảo tàng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, thực hiện hiệu quả các chính sách bảo tồn, lưu giữ và trưng bày hiện vật, nhằm khai thác và phát huy giá trị DSVH của tỉnh.

Trong Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX (2005 - 2010) ngày 15/3/2006, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Sưu tầm và bảo tồn qua hệ thống bảo tàng các giá trị văn hóa vật thể” [136, tr.7].

Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 879/QĐ-SVH,TT&DL ngày 15/9/2008 Quy định chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Bảo tàng Ninh Bình. Theo đó, Bảo tàng Ninh Bình là đơn vị sự nghiệp Văn hóa thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình, có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hóa và thiên nhiên Ninh Bình phù hợp với loại hình, tính chất và nội dung của Bảo tàng tỉnh.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, từ năm 2005 đến năm 2010, Bảo tàng Ninh Bình đã sưu tầm và tiếp nhận được 2.327 các tư liệu ảnh, hiện vật có giá trị, bổ sung cho công tác trưng bày, hoàn thiện hệ thống trưng bày thường xuyên của Bảo tàng. Năm 2005, Bảo tàng tỉnh phối hợp với Trung tâm triển lãm Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam trưng bày những hiện vật của Thế kỷ X sưu tầm tại Khu di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư (Trường Yên - Hoa Lư - Ninh Bình) tại Trung tâm triển lãm Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam (Số 2 - Hoa Lư - Hà Nội). Bảo tàng Ninh Bình thuộc loại hình bảo tàng khảo cứu địa phương, là một thiết chế văn hóa khoa học, là sản phẩm du lịch và cũng là một sản phẩm văn hóa của tỉnh và của cả nước. Bảo tàng có hệ thống trưng bày trong nhà và ngoài trời với tổng diện tích trưng bày khoảng 1200m². Hàng năm, Bảo tàng tỉnh tổ chức thành công các đợt trưng bày lưu động chuyên đề: “Những phát hiện khảo cổ học tiền - sơ sử Ninh Bình; “Kinh đô Hoa Lư” tại Lễ hội truyền thống Cố đô Hoa Lư, tại Khu Cỏ Viên Lầu (Khu DTLS - VH Tam Cốc - Bích Động)... Năm 2010, tổ chức trưng bày và giới thiệu những hiện vật tiêu biểu thời Đinh - Lê - Lý - Trần, Hậu Lê, Nguyễn với chủ đề: “Từ Hoa Lư tới Thăng Long - Hà Nội”, phục vụ đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, qua đó giới thiệu đến nhân dân và du khách gần xa hiện vật và tài liệu khoa học về Kinh đô của nhà nước Đại Cồ Việt xưa, về truyền thống tốt đẹp của mảnh đất nghìn năm văn hiến, góp phần quảng bá DTLS - VH Cố đô Hoa Lư, phát huy các giá trị của di tích trong sự phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là ngành du lịch.

Để giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, đặc biệt là học sinh - sinh viên. Bảo tàng tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tiến hành tổ chức cho học sinh tham quan, học tập tại Bảo tàng, đồng thời tổ chức học tập ngoại khóa về lịch sử địa phương cho học sinh: Năm 2009, phối hợp với trường Trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng;

năm 2010 phối hợp với trường Trung học Phổ thông Trần Hưng Đạo tổ chức học tập ngoại khóa cho học sinh về lịch sử, truyền thống của địa phương, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức gìn giữ DSVH, bồi dưỡng lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, đẩy mạnh chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Bảo tàng Ninh Bình chú trọng công tác tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, thuyết minh hiện vật. Thông qua đội ngũ thuyết minh viên, Bảo tàng giới thiệu nội dung trưng bày, giá trị hiện vật và truyền thống lịch sử quê hương, qua đó thu hút đông đảo nhân dân và du khách trong, ngoài nước. Theo báo cáo, hàng năm Bảo tàng Ninh Bình đón hàng nghìn lượt khách đến tham quan, cụ thể:

Bảng 2.1. Số lượng khách đến Bảo tàng Ninh Bình giai đoạn 2005-2010

Năm	Tổng số khách	Khách trong nước	Khách quốc tế
2005	10.983	10.942	41
2006	10.253	10.199	54
2007	10.574	10.505	69
2008	9.294	9.227	67
2009	9.343	9.297	46
2010	11.841	11.796	45
Tổng	62.288	61.966	322

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010 của Bảo tàng Ninh Bình, Lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình (Tài liệu tham khảo số 13,14,15,16,17,18)

Năm 2010 số lượng khách tăng mạnh do Bảo tàng tổ chức trưng bày Chuyên đề phục vụ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Cùng với công tác đón tiếp, phục vụ khách thăm quan, Bảo tàng tỉnh còn tiến hành khảo sát các di tích liên quan đến đền Vua Đinh, Vua Lê, Vua Lý và các sự kiện văn hóa từ Thế kỷ X đến Thế kỷ XIII và tiến hành dập các văn bia tiêu biểu tại các di tích trên. Năm 2005 và 2007, Bảo tàng tỉnh phối hợp với Viện Khảo cổ học tổ chức 02 đợt khai quật di chỉ khảo cổ Mán Bạc (xã Yên Thành - Yên Mô), thu được 700 hiện vật.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Sở

Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Ninh Bình đã nỗ lực làm tốt chức năng, nhiệm vụ trong việc gìn giữ và trưng bày, giới thiệu các hiện vật gắn với các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh và quá trình hình thành, phát triển tỉnh, góp phần giáo dục truyền thống, phát huy giá trị các DTLS - VH trong sự nghiệp phát triển KT - XH.

Phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch:

Ninh Bình là mảnh đất có chiều dài lịch sử - văn hóa lâu đời, với hệ thống DTLS - VH dày đặc, phong phú giàu truyền thống, kết hợp cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp. Nhận thức rõ tiềm năng, thế mạnh của địa phương, để phát huy tối đa giá trị các DTLS - VH gắn với phát triển du lịch nhằm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Đảng bộ tỉnh đã đưa ra các giải pháp cụ thể, trong đó nhấn mạnh: “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, sửa chữa, tôn tạo các di tích, danh thắng. Xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa của Cố đô Hoa Lư. Kêu gọi đầu tư xây dựng khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, khu du lịch Tràng An thành điểm nhấn du lịch của tỉnh” [135, tr.66]. Trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, nhấn mạnh cần: “Hoàn thành phát triển mạnh du lịch, dịch vụ để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh” [137, tr.2]. Các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh đồng thời là những địa điểm du lịch nổi tiếng, hấp dẫn du khách trong và ngoài nước, Để phát huy giá trị của di tích trong phát triển kinh tế du lịch, Đảng bộ tỉnh yêu cầu: “Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu văn hóa tâm linh chùa Bái Đính, đồng thời tiếp tục triển khai tôn tạo khu di tích Cố đô Hoa Lư, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động [137, tr.3]. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2005 - 2010 chủ yếu tập trung vào đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư theo Quyết định 82-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 16/8/2006, Kế hoạch thực hiện Thông báo số 192-TB/TU của BTV Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của BTV Tỉnh ủy (Khóa XIV) về phát triển du lịch đến năm 2010. Kế hoạch nhấn mạnh: “Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư. Trong đó xác định rõ trọng

điểm tập trung đầu tư là khu du lịch Tràng An, với 4 khu chức năng chính: Khu Trung tâm; khu Du lịch hang động, khu Dịch vụ du lịch và khu Núi Chùa Bái Đính để sớm đưa vào khai thác” [163, tr.2].

Ngày 17/12/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2845/QĐ-UBND Quyết định về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2010, định hướng đến năm 2015, nêu rõ: “Để du lịch Ninh Bình phát triển nhanh, bền vững, trong quá trình đầu tư, khai thác cần quan tâm bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch, gắn với việc bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa của các di tích, danh thắng” [168, tr.5].

Nhận thấy những kết quả đạt được trong lĩnh vực du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã Ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/7/2009 về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, chỉ rõ:

Định hướng chính sản phẩm du lịch của Ninh Bình là du lịch sinh thái (tập trung vào các khu hang động như Tràng An, Tam Cốc - Bích Động...) và du lịch văn hóa tâm linh (Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, nhà thờ đá Phát Diệm, các di tích lịch sử - văn hóa thời Đinh - Tiền Lê - Lý...”[138, tr.4].

Thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TU ngày 13/7/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND nhằm cụ thể hóa mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch nhấn mạnh việc hoàn thiện các khu du lịch trọng điểm như Tràng An - chùa Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động, Cố đô Hoa Lư, đồng thời bảo tồn và phục hồi các công trình văn hóa có giá trị.

Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Văn hóa - Thông tin đã triển khai hiệu quả các hoạt động bảo tồn di tích gắn với phát triển du lịch. Việc thành lập Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2008 đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp đồng bộ giữa các lĩnh vực. Nhờ đó, du lịch Ninh Bình có bước phát triển mạnh, cơ sở hạ tầng được đầu tư, các DTLS - VH được bảo tồn, tôn tạo và tích hợp vào quy hoạch phát triển, đóng góp tích cực vào tăng trưởng KT - XH địa phương. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai đa dạng, hiệu quả, làm nổi bật giá trị lịch sử - văn hóa, tiềm năng và thế mạnh của địa

phương. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Trường Đại học Hoa Lư xây dựng hệ thống bài thuyết minh, đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thuyết minh viên tại các điểm di tích. Đây là lực lượng quan trọng góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm của du khách.

Lượng khách du lịch về với Ninh Bình ngày một tăng, hàng năm luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao, năm sau cao hơn năm trước.

Bảng 2.2. Số lượt khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2005 - 2010

Năm	Lượt khách	Tăng so với năm trước (%)	Doanh thu (Tỷ đồng)
2005	1.021.263	19.00	63,5
2006	1.186.988	16.22	63.04
2007	1.518.599	27.99	109
2008	1.900.888	25.18	162
2009	2.400.000	26.27	252
2010	3.275.000	36.46	559

Nguồn: Báo cáo số 159/BC-SVH,TT&DL ngày 20/10/2010 về việc Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình (Tài liệu tham khảo số 94)

Lượng du khách đến Ninh Bình ngày càng gia tăng, cho thấy hiệu quả từ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh đối với phát triển ngành du lịch. Đặc biệt, năm 2010 ghi nhận sự bứt phá nhờ các hoạt động kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, với nhiều sự kiện giao lưu văn hóa được tổ chức tại địa phương. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các doanh nghiệp lữ hành trong tỉnh, đồng thời lựa chọn các đơn vị có thế mạnh về du lịch văn hóa và tâm linh để liên kết quảng bá, tập trung vào hai trung tâm phân phối khách lớn ở Việt Nam là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời mở rộng kết nối ra thị trường quốc tế. Hệ thống DTLS - VH đa dạng, độc đáo đã trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút hàng nghìn lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghiên cứu, học tập. Việc phát huy giá trị DTLS - VH gắn với phát triển du lịch không chỉ tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc mà

còn trở thành động lực thúc đẩy phát triển KT - XH, tạo tác động lan tỏa đến các ngành như nông nghiệp, giao thông, xây dựng và thương mại. Mặc dù các chỉ tiêu du lịch cơ bản đã đạt và vượt kế hoạch, nhưng kết quả vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Do đó, cần tiếp tục đầu tư bảo tồn, trùng tu di tích, phát triển du lịch gắn với làng nghề và sản phẩm đặc trưng, nâng cấp, khai thác hiệu quả các khu du lịch trọng điểm như Tràng An, Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động, Cố đô Hoa Lư, đồng thời tăng cường quảng bá văn hóa gắn với hệ thống DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2005 - 2010, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Việc điều tra, xếp hạng di tích được quan tâm, tổ chức thực hiện khoa học, hiệu quả. Các dự án trùng tu tôn tạo DTLS - VH được chú trọng. Đã huy động được nguồn lực xã hội hóa tham gia tu bổ, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH. Việc phát huy giá trị các di sản nói chung, DTLS - VH nói riêng gắn với hoạt động bảo tàng và phát triển kinh tế du lịch đạt nhiều kết quả, đóng góp vào sự phát triển KT - XH, văn hóa, an ninh quốc phòng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh còn có những hạn chế cần tiếp tục khắc phục như: Tình trạng buông lỏng quản lý, đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế về số lượng và chất lượng, nguồn kinh phí dành cho công tác này chưa tương xứng với thực trạng xuống cấp của các di tích, công tác tu bổ, tôn tạo di tích chưa được kịp thời, việc phát huy giá trị DTLS - VH trong phát triển kinh tế, đặc biệt là trong phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, ở một vài nơi còn tình trạng xâm hại, xây dựng các khu nghỉ dưỡng trái phép trong vùng lõi di sản, làm sai lệch di sản. Những vấn đề còn tồn tại trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH cần được tập trung khắc phục trong thời gian tiếp theo. Việc nâng cao hiệu quả của công tác này không chỉ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn phát triển, mà còn góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển KT - XH của tỉnh Ninh Bình nói riêng và cả nước nói chung.

Tiểu kết chương 2

Ninh Bình là một địa phương giàu tiềm năng về tài nguyên văn hóa và tự nhiên, đặc biệt nổi bật với hệ thống DTLS - VH hóa đa dạng, phong phú, mang đậm dấu ấn lịch sử dân tộc. Nhận thức rõ vai trò và giá trị của DTLS - VH trong quá trình phát triển bền vững, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Ninh Bình đã có những định hướng chiến lược và chỉ đạo quyết liệt trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Đây được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, góp phần xây dựng nền tảng văn hóa vững chắc cho sự nghiệp phát triển toàn diện của địa phương. Giai đoạn 2005 - 2010 ghi nhận nhiều bước chuyển biến tích cực trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Cụ thể, hệ thống di tích đã được rà soát, quy hoạch và phân cấp quản lý một cách khoa học; năng lực tổ chức, điều hành của các cơ quan chuyên môn được củng cố; công tác điều tra, kiểm kê, xếp hạng và lập hồ sơ di tích được triển khai bài bản, đồng bộ. Những kết quả đạt được không chỉ nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị di sản, mà còn tạo nền tảng để thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ, góp phần quan trọng vào phát triển KT - XH. Nhờ vậy, Ninh Bình từng bước khẳng định vị thế là điểm sáng về bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH trong khu vực Đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích của tỉnh Ninh Bình cho đến năm 2010 vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, như cơ sở vật chất chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, việc khai thác giá trị di tích phục vụ phát triển chưa thực sự hiệu quả, và một số nơi còn lúng túng trong công tác quản lý. Những bất cập này cho thấy sự cần thiết phải đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với bối cảnh phát triển mới. Từ thực tiễn trên, có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để làm cơ sở cho việc tiếp tục xây dựng và triển khai hiệu quả các chủ trương, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu đặt ra là bảo đảm gìn giữ, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống, đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH một cách bền vững, hài hòa giữa bảo tồn và khai thác, giữa quá khứ và hiện tại.

Chương 3

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH VỀ BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

3.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

3.1.1. Tình hình quốc tế và trong nước

Trên thế giới, giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 đã chứng kiến một thập kỷ đầy biến động và thay đổi mạnh mẽ, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị của các DTLS - VH. Xu hướng toàn cầu hóa vẫn tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, thúc đẩy giao lưu và sự tiếp biến văn hóa giữa các quốc gia. Đồng thời, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, đặc biệt trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã mang lại những phương thức mới để bảo tồn di sản như số hóa tư liệu, bảo tàng ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực tế ảo trong quản lý di tích. Các xu hướng quốc tế về phát triển du lịch bền vững, bảo tồn DSVH vật thể, phi vật thể, cũng như các cam kết quốc tế trong khuôn khổ UNESCO đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao nhận thức và huy động nguồn lực đa chiều trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, làm gia tăng sự liên kết, tác động qua lại lẫn nhau giữa các quốc gia, mang lại thời cơ, động lực phát triển. Mỗi quốc gia cần chủ động tham gia vào tiến trình hội nhập với tinh thần đối thoại bình đẳng, chủ động quảng bá những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của quê hương, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nhân loại nhằm làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời góp phần vào sự phát triển bền vững của văn hóa nhân loại. Trước những cơ hội do quá trình hội nhập mang lại, Việt Nam đã phát huy mạnh mẽ những giá trị lịch sử và văn hóa truyền thống lâu đời, qua đó khẳng định vị thế và hình ảnh của một dân tộc anh hùng, giàu bản sắc, có tinh thần sáng tạo trong quá trình giao lưu và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, cùng với đó là những thách thức như xung đột sắc tộc, biến đổi khí hậu, cạnh tranh tài nguyên, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh toàn cầu và nguy cơ đồng hóa văn hóa do ảnh hưởng của các luồng văn hóa ngoại

lai. Trong bối cảnh đó, các quốc gia buộc phải xác lập chiến lược bảo tồn văn hóa mang tính chủ động, có chọn lọc, nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc và khẳng định vị thế văn hóa trên trường quốc tế.

Ở trong nước, sau 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển, kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao, chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Hội nhập quốc tế và phát triển KT - XH, tạo nên những chuyển biến sâu sắc trong nhiều lĩnh vực, trong đó có công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Chủ trương của Đảng không chỉ tập trung vào việc bảo vệ nguyên trạng các di tích, mà còn chú trọng gắn kết bảo tồn với phát triển KT - XH và giáo dục truyền thống, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để di tích trở thành nguồn lực phục vụ phát triển bền vững.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đã gây áp lực lớn lên không gian di tích, dẫn đến tình trạng xâm lấn, xuống cấp và biến dạng cảnh quan văn hóa. Bên cạnh đó, sự phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương đôi khi thiếu đồng bộ, gây ra hiện tượng chồng chéo hoặc buông lỏng trách nhiệm trong việc bảo vệ và tôn tạo di tích. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các DTLS - VH ngày càng được chú trọng khai thác phục vụ phát triển du lịch, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ thương mại hóa, làm suy giảm giá trị nguyên bản của di tích. Đặc biệt, trong những năm cuối thập niên, đại dịch COVID-19 đã làm gián đoạn các hoạt động văn hóa - du lịch, ảnh hưởng đến nguồn lực tài chính và nhân lực phục vụ công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Những yếu tố trên vừa mở ra những triển vọng mới, vừa đặt ra yêu cầu to lớn trong quá trình phát triển đất nước. Trước bối cảnh

đó, Đại hội XI của Đảng (2011) đã xác định rõ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, trong đó nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững. Đảng đề ra định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển đồng bộ với KT - XH, đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống. Đặc biệt, việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã thể hiện rõ sự quan tâm sâu sắc của Trung ương đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH nói chung, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói riêng. Chủ trương này đã có tác động sâu rộng đến quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong việc bảo tồn, tôn tạo và khai thác hiệu quả các giá trị di sản lịch sử - văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH địa phương.

Ninh Bình là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, là Cố đô nghìn năm của đất nước, nằm trên trục đường huyết mạch từ Bắc vào Nam, có vị trí chiến lược quan trọng, với nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển. Trong dòng chảy phong phú, đa dạng và giàu bản sắc của nền văn hóa Việt Nam, văn hóa Ninh Bình giữ một vị trí đặc biệt khi kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống lâu đời, mang đậm dấu ấn riêng của vùng đất Cố đô Hoa Lư. Được hình thành và bồi đắp qua hàng ngàn năm lịch sử, văn hóa Ninh Bình là sự kết tinh giữa truyền thống dân tộc, tinh thần lao động sáng tạo, cùng quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa với các vùng miền khác. Trong những năm qua, Ninh Bình đã phát huy truyền thống và sức mạnh tổng hợp của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân, chủ động khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tiễn của tỉnh, nỗ lực phấn đấu đạt kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế tăng trưởng khá: “Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm: 16,5%/năm. Cơ cấu kinh tế năm 2010: Công nghiệp - xây dựng 48,9%; dịch vụ 35,3%; nông lâm nghiệp và thủy sản 15,8%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 1080 USD, tăng 2,5 lần so với năm 2005” [139, tr.32].

Các nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển tăng nhanh, cơ sở vật chất, kỹ thuật được tăng cường, diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều đổi mới, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội, công tác giảm nghèo, xây dựng

nông thôn mới đạt kết quả tích cực, đời sống nhân dân ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng được tăng cường, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố ngày càng vững mạnh. Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế là một trong những điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và UBND tỉnh quan tâm đầu tư nguồn vốn cho bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Nhận thức rõ vai trò của văn hóa trong sự phát triển bền vững, trước yêu cầu của bối cảnh mới và nhằm khắc phục những hạn chế của giai đoạn trước, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã xác định rõ công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị DSVH nói chung, DTLS - VH nói riêng là trách nhiệm quan trọng, gắn liền với định hướng phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội của tỉnh, góp phần xây dựng quê hương Ninh Bình ngày càng phát triển trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước.

3.1.2. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Trong Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011), cùng với các định hướng phát triển kinh tế, xã hội, phát triển văn hóa được quan tâm. Đảng chủ trương:

Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, về bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng đặc biệt là thế hệ trẻ [45, tr.427].

Đại hội XI của Đảng đã thể hiện bước phát triển rõ rệt trong nhận thức và định hướng công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS - VH, nhấn mạnh sự gắn kết giữa bảo tồn DSVH với phát triển KT - XH, nhất là trong lĩnh vực du lịch. Điểm mới quan trọng là đề cao vai trò của pháp luật trong bảo vệ di sản, thể hiện ở chủ trương tăng cường tính nghiêm minh và hiệu lực của hệ thống pháp lý. Việc phát huy giá trị di tích không chỉ đặt trong phạm vi bảo tồn truyền thống mà còn được coi là động lực thúc đẩy kinh tế và phương tiện

quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới. Như vậy, Đại hội XI của Đảng đã cụ thể hóa và nâng tầm vai trò của văn hóa trong chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Đại hội XI đã thông qua Chiến lược phát triển KT - XH giai đoạn 2011 - 2020, trong đó lĩnh vực văn hóa được đặc biệt quan tâm cả trong quan điểm chỉ đạo và định hướng phát triển. Chiến lược nhấn mạnh: “Coi trọng bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân” [45, tr.482].

Ngày 05/9/2012, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 1211/QĐ-TTg Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012 - 2015. Trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, mục tiêu cụ thể của Chương trình là: “Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo tổng thể cho khoảng 300 di tích, khu di tích được công nhận di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt quan trọng; hỗ trợ chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết cho 1.200 đến 1.500 di tích quốc gia” [123, tr.2].

Một trong những nội dung trọng tâm của chương trình phát triển văn hóa là dự án “Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích”, thể hiện bước tiến rõ rệt trong công tác bảo tồn DSVH. Mục tiêu của dự án là tiếp tục đầu tư cho các di tích quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia đang tu bổ dở dang, mỗi năm tiến hành tu bổ từ 60 đến 90 di tích và hỗ trợ chống xuống cấp cho khoảng 300-400 di tích. Đồng thời, các bảo tàng địa phương được hỗ trợ mua bổ sung 10-30 hiện vật/năm để xây dựng bộ sưu tập phù hợp. Bên cạnh đó, chương trình chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên môn, cấp chứng chỉ cho cán bộ, công nhân làm công tác tu bổ di tích; hỗ trợ địa phương tập huấn cán bộ quản lý di tích, tổ chức các chuyến khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng quản lý và phát huy giá trị di sản một cách hiệu quả, bền vững.

Sau hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa, tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển, đời sống văn hóa ngày càng khởi sắc, đa dạng, phong phú, góp phần nâng cao trình độ, đời sống tinh thần cho nhân dân. Những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được gìn giữ, kế thừa và phát huy, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Cùng với quá trình hội nhập, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới ngày càng phát triển. Tuy nhiên, so với những thành tựu trên các lĩnh vực chính

trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại thì thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa thực sự tương xứng, việc bảo tồn, phát huy giá trị DSVH hiệu quả chưa cao. Để phát huy hơn nữa những giá trị của văn hóa, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, thấm sâu vào đời sống của nhân dân, là mục tiêu, động lực của sự phát triển, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế sâu rộng. Tại Hội nghị lần thứ chín BCHTW Đảng Khóa XI đã Ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/06/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết 33-NQ/TW đề ra định hướng xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong bối cảnh mới. Mục tiêu chung là:

Xây dựng và phát triển văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh [43, tr.46-47].

Để thực hiện mục tiêu, Nghị quyết đã đưa ra các nhiệm vụ cụ thể, trong đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa cần:

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Việt Nam [43, tr.54].

Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển văn hóa, cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, xây dựng đội ngũ

cán bộ văn hóa và tăng cường nguồn lực đầu tư. Nghị quyết số 33-NQ/TW kế thừa tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, đồng thời tổng kết thực tiễn, lý luận về phát triển văn hóa, con người trong giai đoạn mới. Trên cơ sở nhận diện rõ thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, Đảng đã đổi mới tư duy phù hợp với yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh hội nhập. Nghị quyết được triển khai sâu rộng, đưa văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành động lực nội sinh quan trọng cho phát triển đất nước.

Ngày 31/12/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 102/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết nhấn mạnh việc phát huy các giá trị DSVH một cách hài hòa với quá trình phát triển KT - XH; tiếp tục thực hiện đầy đủ các cam kết với UNESCO đối với các di sản đã được công nhận; bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; đồng thời đề cao vai trò của cộng đồng - chủ thể của các hoạt động văn hóa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (01/2016) đã thông qua chủ trương:

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu văn hóa dân tộc, xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế xã hội [45, tr.673].

Chủ trương này định hướng cho việc đẩy mạnh xã hội hóa đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nói chung, các DTLS - VH nói riêng. Đồng thời chú trọng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm phong phú cho văn hóa truyền thống Việt Nam. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc, hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa, phù hợp với yêu cầu mở cửa hội nhập, tăng cường giao lưu hợp tác trên các lĩnh vực, trong đó có văn hóa. Có thể thấy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống nói chung, các DSVH, trong đó có các DTLS - VH nói riêng không chỉ

là nhiệm vụ của các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến địa phương, mà là nhiệm vụ của toàn xã hội, nhằm phát huy tối đa vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh. Để phát huy hơn nữa vai trò của DSVH nói chung, DTLS - VH nói riêng trong phát triển kinh tế, nhất là các ngành dịch vụ, du lịch, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng chủ trương: “Khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh” [45, tr.785].

Thực hiện chủ trương của Đảng về gắn kết văn hóa với phát triển kinh tế, ngày 08/9/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1755/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, chú trọng: “Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ du lịch tại các địa điểm có di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, các bảo tàng...” [124, tr.9]. Việc xây dựng công nghiệp văn hóa được xem là bước tiến quan trọng trong đổi mới tư duy của Đảng và Nhà nước, thể hiện sự chuyển biến trong nhận thức về vai trò của văn hóa trong nền kinh tế thị trường. Công nghiệp văn hóa không chỉ là động lực phát triển kinh tế mà còn là ngành sản xuất các giá trị tinh thần, góp phần vào phát triển bền vững đất nước.

Ngày 16/01/2017, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về *phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, nhấn mạnh quan điểm: “Phát triển du lịch bền vững; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc” [4, tr.2]. Nghị quyết đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phát huy tiềm năng, thế mạnh và khai thác cơ hội, nguồn lực để phát triển, gắn kết phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nhằm thực hiện trách nhiệm quốc gia thành viên Công ước Di sản Thế giới và tăng cường quản lý di sản tại Việt Nam, nhiều văn bản pháp luật đã được Quốc hội, Chính phủ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành. Ngày 21/9/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. Nghị định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước đối với công tác bảo tồn di sản, đồng thời trở thành mô hình tham khảo cho các quốc gia khác. Tại các địa phương

có di sản thế giới, UBND cấp tỉnh cũng chủ động ban hành các quy chế và văn bản chỉ đạo nhằm phát huy giá trị di sản. Nghị định gồm 4 chương, 24 điều, quy định cụ thể về nguyên tắc, trách nhiệm và cơ chế quản lý di sản thế giới.

Ngày 30/6/2017, Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quyết định số 936/QĐ-TTg về Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020. Mục tiêu tổng quát là: “Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc; phát triển các công trình văn hóa hiện đại, có ý nghĩa biểu tượng quốc gia, ý nghĩa chính trị, lịch sử, truyền thống đặc sắc hướng tới mục tiêu chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [126, tr.1]. Cùng với đó, Chương trình đặt ra các mục tiêu cụ thể, ưu tiên hỗ trợ tu bổ, tôn tạo tổng thể 20 di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt và một số di tích quốc gia tiêu biểu; đồng thời nâng cấp, tu bổ khẩn cấp khoảng 400 lượt di tích cấp quốc gia.

Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLS - VH và danh lam thắng cảnh. Theo đó, quy hoạch di tích phải đáp ứng các yêu cầu như: nghiên cứu, khảo sát; đánh giá điều kiện KT - XH, môi trường; xác định giá trị đặc trưng của di tích; đề xuất phương án bảo tồn và định hướng phát triển không gian kiến trúc, cảnh quan. Nội dung quy hoạch cũng cần phân tích hiện trạng di tích, tình trạng kỹ thuật, công tác quản lý - bảo vệ, đồng thời đánh giá tác động môi trường, hạ tầng kỹ thuật và mối liên hệ với các di tích lân cận.

Như vậy, giai đoạn 2010 - 2020 chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa được thể hiện qua ba định hướng lớn:

Thứ nhất, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định đây là nhiệm vụ then chốt trong chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mà cần có sự chung tay của toàn xã hội, từ các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp đến cộng đồng dân cư. Việc xã hội hóa góp phần huy động

các nguồn lực về tài chính, kỹ thuật và con người để đầu tư hiệu quả vào việc tu bổ, tôn tạo và khai thác hợp lý giá trị di sản, đảm bảo tính bền vững trong công tác bảo tồn.

Thứ hai, tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực di sản văn hóa.

Chủ trương của Đảng nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của pháp luật trong việc điều chỉnh các hoạt động bảo tồn, tôn tạo, khai thác và quản lý di sản văn hóa. Cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nhà nước chú trọng nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan chuyên trách từ trung ương đến địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn sâu, am hiểu văn hóa và pháp luật. Đồng thời, xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình bảo tồn, hạn chế tình trạng chồng chéo, né tránh hoặc buông lỏng quản lý.

Thứ ba, khai thác hợp lý tiềm năng của các di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế - xã hội .

Đảng khẳng định giá trị của di sản không chỉ nằm ở khía cạnh lịch sử - văn hóa mà còn là nguồn lực quý báu phục vụ phát triển du lịch bền vững. Việc gắn kết bảo tồn với phát triển du lịch giúp các di tích trở thành điểm đến hấp dẫn, không chỉ phục vụ mục tiêu giáo dục truyền thống, nâng cao ý thức cộng đồng mà còn góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Tuy nhiên, quá trình khai thác phải đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững, tránh thương mại hóa, xâm hại đến tính nguyên gốc và giá trị của di tích.

3.2. Chủ trương, sự chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

3.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010 - 2015 (11/2010) xác định: “Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, khơi dậy và phát huy bản sắc văn hiến của vùng đất và con người Cố đô

Hoa Lu” [139, tr.81-82].

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010 - 2015, ngày 25/5/2011, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã ban hành Chương trình hành động số 05-Ctr/TU. Trong đó, lĩnh vực văn hóa được xác định là nhiệm vụ then chốt, với mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chủ trương: “Xây dựng cơ chế giữ gìn, khai thác, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống” [140, tr.5].

Là địa phương có hệ thống DTLS - VH phong phú, đặc sắc, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định rõ chủ trương gắn bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH với phát triển kinh tế du lịch. Tỉnh ủy Ninh Bình đã ban hành Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/7/2014 nhằm triển khai Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Chương trình tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, công tác phát triển văn hóa và con người ở tỉnh ghi nhận nhiều kết quả tích cực: Nhận thức của các cấp được nâng cao, đời sống văn hóa phong phú hơn, giá trị văn hóa truyền thống được khơi dậy, xã hội hóa hoạt động văn hóa được đẩy mạnh, góp phần hình thành hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như: đời sống văn hóa ở một số khu vực còn nghèo nàn; chênh lệch trong tiếp cận văn hóa giữa các vùng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa; công tác bảo tồn DSVH chưa thực sự hiệu quả, nguy cơ mai một các DSVH còn tồn tại.

Trước thực trạng đó, Đảng bộ tỉnh xác định mục tiêu trọng tâm là bảo tồn, tôn tạo và phát huy hiệu quả các DTLS - VH nhằm tạo nền tảng bền vững cho phát triển toàn diện, tập trung “Đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, xây dựng những chuẩn mực giá trị văn hóa mới, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc” [142, tr.3]. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa và huy động sức mạnh toàn xã hội trong công tác bảo tồn, đặc biệt đối với các di tích tiêu biểu. Hoạt động

bảo tồn được gắn kết với phát triển kinh tế - du lịch, xem đây là chiến lược phát triển bền vững, trong đó trọng điểm là Quần thể danh thắng Tràng An - Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới, biểu tượng nổi bật của Ninh Bình trên bản đồ du lịch quốc tế.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 (9/2015), đã thông qua các chủ trương về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh của tỉnh, đối với công tác văn hóa và vấn đề bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS - VH, Đảng bộ tỉnh chủ trương gắn xây dựng, phát triển văn hóa với kinh tế, chú trọng phát huy các giá trị của DTLS - VH gắn với phát triển du lịch, phát huy các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên du lịch của tỉnh. Đảng bộ tỉnh đưa ra các giải pháp nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, trong đó chú trọng: “Huy động nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa, di sản phi vật thể đối với loại hình nghệ thuật hát Xẩm, dự án trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư và các di tích lịch sử khác” [143, tr.99].

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Chương trình nhấn mạnh nhiệm vụ: “Bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng. Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững” [144, tr.8]. BTV Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 07-CTr/TU ngày 19/01/2016 - Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 -2020. Chương trình tập trung vào phát triển KT - XH , tăng cường quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Trong đó, chú trọng triển khai các biện pháp quản lý di tích, gắn bảo tồn và phát huy giá trị di sản với phát triển du lịch bền vững; tổ chức lớp bồi dưỡng pháp luật về bảo vệ di sản, tuyên truyền bảo vệ môi trường tại các điểm di tích trong khu di sản. Đồng thời, đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch bằng nhiều hình thức đa dạng trên các phương tiện truyền thông trong nước và quốc tế, nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước.

Sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (01/2016) của Đảng, Ban

Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình ban hành Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 11/7/2016 nhằm triển khai Nghị quyết Đại hội. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, quần thể danh thắng Tràng An. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, các di tích lịch sử - văn hóa” [146, tr.3]. Các di tích cách mạng trên địa bàn tỉnh được xác định không chỉ có giá trị lịch sử mà còn là phương tiện giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ. Đảng bộ tỉnh chủ trương xây dựng đề án quy hoạch, bảo tồn và tôn tạo khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu thành điểm giáo dục lịch sử và truyền thống cách mạng quan trọng. Bên cạnh đó, tỉnh cũng triển khai cơ chế, chính sách và dự án hỗ trợ phát triển lĩnh vực văn hóa, coi văn hóa là động lực cho sự phát triển KT - XH bền vững.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình được đẩy mạnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Văn hóa được xác định là nền tảng tinh thần vững chắc, là sức mạnh nội sinh và động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử, truyền thống được chú trọng. Ngày 26/6/2017, BTV Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhấn mạnh:

Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống; gắn kết bảo tồn phát huy giá trị di sản, di tích lịch sử - văn hóa, tài nguyên khoáng sản, cảnh quan thiên nhiên của tỉnh với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là du lịch, tăng cường nghiên cứu về lịch sử, truyền thống quê hương, đặc biệt là các giá trị lịch sử - văn hóa liên quan đến triều đại nhà Đinh và không gian văn hóa Hoa Lư [148, tr.5].

Quán triệt quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh và động lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình luôn chú trọng phát triển văn hóa toàn diện. Đặc biệt, công tác

bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH luôn được gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế, góp phần xây dựng Ninh Bình giàu đẹp, văn minh và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trong giai đoạn 2010 - 2020 được thể hiện trên các nội dung:

Về phương hướng: Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định phương hướng chủ đạo là bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH một cách hài hòa với phát triển KT - XH trong bối cảnh đang đẩy mạnh CNH, HĐH. Việc bảo tồn được gắn chặt với phát triển du lịch và lồng ghép vào chiến lược chung của địa phương, đặc biệt thông qua việc khai thác hiệu quả các di tích tiêu biểu như Cố đô Hoa Lư và Quần thể danh thắng Tràng An, mở rộng giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm đưa giá trị DSVH địa phương đến với cộng đồng thế giới.

Về mục tiêu: Xây dựng hệ thống DTLS - VH trở thành nguồn lực quan trọng, phục vụ đồng thời phát triển du lịch bền vững và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Thông qua công tác bảo tồn, tinh kỳ vọng phát huy truyền thống lịch sử - văn hóa, giáo dục thế hệ trẻ, và thúc đẩy tăng trưởng KT - XH gắn với bản sắc địa phương.

Về nhiệm vụ: Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên, Đảng bộ xác định những nhiệm vụ trọng tâm gồm: đẩy mạnh gắn kết bảo tồn với phát triển du lịch, đặc biệt là tại các khu di tích có giá trị nổi bật; tăng cường công tác quảng bá hình ảnh văn hóa địa phương ra bên ngoài; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư, dòng họ, gia đình và hệ thống giáo dục trong công tác bảo tồn và truyền bá di sản; tổ chức lễ hội truyền thống tại di tích nhằm làm phong phú đời sống văn hóa, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng.

Về giải pháp: Đảng bộ triển khai các giải pháp thiết thực như tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn với tinh thần “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, huy động đa dạng nguồn lực từ toàn xã hội; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào bảo tồn và phát huy giá trị di tích; phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với các DTLS - VH, bảo đảm nguyên tắc bảo tồn nguyên gốc; và đẩy mạnh truyền thông, giáo dục thế hệ trẻ thông qua các hoạt động tham quan, học tập, nghiên cứu tại các di tích.

3.2.2. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

3.2.2.1. Chỉ đạo công tác kiện toàn cơ chế tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đặt trọng tâm vào việc kiện toàn bộ máy quản lý, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ và nhân viên chuyên trách trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ XX (2010 - 2015) nêu rõ: “Phát triển mạnh mẽ văn hóa, giáo dục, không ngừng chăm lo đào tạo nguồn nhân lực” [139, tr.69].

Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển văn hóa, nghệ thuật phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Kiện toàn tổ chức, bộ máy ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch từ tỉnh đến cơ sở” [142, tr.6]. Đối với việc nâng cao trình độ cho đội ngũ phục vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DSVH, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và người lao động về nghiệp vụ quản lý, bảo vệ, khai thác bền vững giá trị Di sản, xây dựng chiến lược dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ bảo tồn Di sản và phát triển du lịch” [147, tr.3].

Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Đảng bộ tỉnh chú trọng: “Xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy và quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, đơn vị hoạt động trên lĩnh vực văn hóa” [148, tr.8].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, ngày 07/11/2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, chính trị vững vàng, nghiệp vụ tinh thông, đáp ứng yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. UBND tỉnh giao cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện: “Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015 theo thẩm quyền” [174, tr.5]. Tiếp đó, ngày 19/10/2012, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND phê

duyet kế hoạch triển khai Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh giai đoạn 2011 - 2020, nhấn mạnh vai trò của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc phối hợp tổ chức, thực hiện hiệu quả công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên như: Tập huấn về kiểm kê di tích cho cán bộ Văn hóa thông tin cơ sở của thành phố Ninh Bình và kiểm kê DSVH phi vật thể cho cán bộ các phòng Văn hóa thông tin cơ sở. Trong những năm 2010 - 2015, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tốt công tác sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy của ngành. Thực hiện đúng các quy định của Luật Công chức, viên chức về phân cấp quản lý, tổ chức bộ máy cán bộ trong việc sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách, quyền lợi cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

Đối với công tác quản lý, tổ chức bộ máy và nhân sự phục vụ công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Ngày 14/12/2015, UBND tỉnh đã ra Quyết định số 34/QĐ/2015- UBND về việc Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Quy chế này quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các DTLS - VH và danh lam thắng cảnh, bao gồm: DTLS - VH, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Quy chế đưa ra các nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Ngoài những nội dung quy định các hoạt động quản lý di tích phải tuân thủ pháp luật và thành lập Ban quản lý di tích đối với các di tích đã xếp hạng. Trong Điều 8 của Quy chế về Các tổ chức quản lý di tích nêu rõ:

Thứ nhất, đối với Di sản thế giới và di tích cấp quốc gia đặc biệt: UBND tỉnh quyết định mô hình tổ chức quản lý và quy định chức năng, nhiệm vụ.

Thứ hai, đối với các di tích đã xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh: Mỗi di tích thành lập một Ban quản lý di tích, thành phần gồm: Lãnh đạo UBND cấp xã làm trưởng ban; cán bộ công chức văn hóa và đại diện tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao trực tiếp quản lý tại di tích (nếu có) làm phó trưởng

ban. Số lượng và thành phần các thành viên khác do UBND cấp xã xem xét, quyết định dựa trên quy mô, tính chất của di tích.

Căn cứ vào Quy chế của UBND tỉnh Ninh Bình, công tác tổ chức, quản lý các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh ngày càng chặt chẽ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Mô hình quản lý có sự phân cấp rõ ràng, cụ thể:

Cấp tỉnh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về DSVH, thông qua Phòng Di sản văn hóa (05 biên chế), đồng thời thành lập Ban Quản lý dự án đối với các công trình tu bổ do Sở làm chủ đầu tư.

Cấp huyện: UBND huyện và Phòng Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm triển khai công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong phạm vi quản lý.

Cấp xã: UBND xã phối hợp xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích, quản lý hoạt động tại di tích thông qua Ban Quản lý di tích, với thành phần gồm lãnh đạo UBND xã, cán bộ văn hóa, trưởng thôn, đại diện Mặt trận Tổ quốc, hội người cao tuổi và người trông coi di tích.

Ngoài các đơn vị trực tiếp quản lý di tích, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên phối hợp với các ban ngành, đoàn thể của tỉnh trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích. Cụ thể:

Ngành Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp thực hiện chương trình: “Trường học thân thiện - học sinh tích cực”. Các trường học trong toàn tỉnh đều đăng kí tham gia chăm sóc di tích trên địa bàn.

Ngành Xây dựng: Phối hợp trong công tác quy hoạch, thẩm định các công trình tu bổ, tôn tạo.

Ngành Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp trong việc khoanh vùng bảo vệ di tích, cấp đất cho các dự án xây dựng.

Ngành Công an: Phối hợp trong công tác bảo vệ cổ vật, giải quyết các vấn đề xâm phạm di tích.

Các cơ quan truyền thông của tỉnh và Trung ương: Phối hợp trong công tác tuyên truyền, bảo vệ, phát huy giá trị di tích.

Nhằm tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là công tác quản lý DTLS - VH, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh. Từ tháng 1/2017,

Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình do ông Nguyễn Mạnh Cường làm giám đốc. Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu và giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể thao, quảng cáo và các dịch vụ công liên quan; đồng thời thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh phân công hoặc ủy quyền.

Phòng Di sản văn hóa - đơn vị chuyên môn thuộc Sở có nhiệm vụ tham mưu xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trên toàn tỉnh; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực thi các văn bản pháp luật, chính sách và kế hoạch trong lĩnh vực DSVH.

Về lĩnh vực DSVH, một trong các nhiệm vụ trọng tâm của Sở Văn hóa và Thể thao là:

Tổ chức thực hiện quy chế, giải pháp huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức kiểm kê, lập danh mục, lập hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở địa phương; tổ chức thực hiện tu sửa cấp thiết và các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thuộc địa phương quản lý sau khi được phê duyệt... [181, tr.2].

Trong công tác huy động và khai thác các nguồn lực phục vụ cho phát triển văn hóa nói chung, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nói riêng, UBND tỉnh chỉ đạo:

Chú trọng xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa các cấp. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật. Bố trí cán bộ làm công tác văn hóa trong hệ thống các cơ quan, đơn vị văn hóa từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo yêu cầu có chuyên môn về các ngành văn hóa [183, tr.7].

Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư được thành lập theo Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý Quần thể danh thắng Tràng An. Thực hiện Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, chuyển quyền quản lý Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư thuộc Ban quản lý Quần thể Danh thắng Tràng An về Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình.

Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 8/6/2017, Sở Văn hóa và Thể thao ban hành Quyết định số 346/QĐ-SVHTT về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư.

Theo Quy định, Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình, có tư cách pháp nhân, con dấu và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật. Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư có chức năng tham mưu giúp Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện quản lý và tổ chức các hoạt động nhằm bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị của khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư. Về cơ cấu tổ chức: Trung tâm có 01 Giám đốc và không quá 03 Phó giám đốc. Giám đốc Trung tâm từ năm 2017 là ông Giang Bạch Đăng (cử nhân ngành Kế toán, trình độ Lý luận chính trị: Trung cấp) phụ trách chung, làm việc theo chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm. Các phòng chuyên môn gồm có: Phòng Hành chính - Quản trị; Phòng Quản lý vé; Phòng Thuyết minh; Phòng Suu tầm - Bảo tồn. Theo khảo sát thực tế của nghiên cứu sinh, đến năm 2020, Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư có tổng số 44 cán bộ, viên chức và người lao động (trong đó: 13 Viên chức chính thức, 01 hợp đồng 68; 30 hợp đồng không xác định thời hạn)

Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sỹ: 05 người; Đại học: 30 người; Cao đẳng: 03 người; Trung cấp: 03 người; Lao động phổ thông: 03 người

Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư đã góp phần giữ gìn dấu ấn của kinh đô Hoa Lư nói riêng, dấu ấn lịch sử của vùng đất Ninh Bình nói chung, đồng thời góp phần quản lý, bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị của di tích, phục vụ quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quê hương, đất nước.

Quần thể danh thắng Tràng An là di sản hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á, trải rộng trên địa bàn của 20 xã, phường thuộc 5 huyện, thành phố của Ninh Bình, bao gồm 3 khu bảo tồn: Khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư, khu danh thắng Tràng An - Tam Cốc - Bích Động và khu rừng nguyên sinh đặc dụng Hoa Lư. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 02- NQ/TU ngày 17/8/2016 về Bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. Nghị quyết khẳng định:

Di sản là nguồn tài nguyên quý giá đối với phát triển du lịch Ninh Bình, có vai trò là hạt nhân, thúc đẩy nhiều ngành, lĩnh vực phát triển. Các giá trị nổi bật toàn cầu của di sản phải được tôn trọng, giữ gìn, bảo tồn và phát huy với các tiêu chuẩn cao nhất. Bảo vệ và phát huy hiệu quả, bền vững các giá trị di sản là trách nhiệm của các cấp, các ngành, đơn vị doanh nghiệp và của nhân dân trong tỉnh [147, tr.2].

Thực hiện Nghị quyết số 02- NQ/TU của Tỉnh Ủy Ninh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 Về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Quy chế bao gồm 6 chương, 19 điều, tập trung vào việc đưa ra những quy định về Quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Đối với việc quản lý, bảo vệ DTLS - VH, di tích khảo cổ, di sản địa chất trong vùng di sản:

Khi tổ chức, cá nhân phát hiện di tích có dấu hiệu xuống cấp hoặc bị xâm hại, phải kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương và đơn vị trực tiếp quản lý di tích. Chính quyền địa phương và đơn vị trực tiếp quản lý di tích khi nhận được tin báo phải kịp thời kiểm tra, xây dựng phương án bảo vệ, báo cáo Sở Văn hóa và Thể thao, đồng thời báo cáo Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An để thực hiện các biện pháp bảo vệ di tích theo quy định [185, tr.5].

Đối với công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, hàng năm Sở Văn hóa và Thể thao đã tổ chức các lớp tập

huấn, cử cán bộ, nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Trong năm 2019:

Cử 01 cán bộ đi học Cao cấp Lý luận chính trị, 03 cán bộ đi học Trung cấp Lý luận chính trị, 01 cán bộ tham gia bồi dưỡng chương trình lãnh đạo quản lý cấp Sở, 38 cán bộ tham gia bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, 12 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, 05 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành, 10 cán bộ tham gia bồi dưỡng tin học và ngoại ngữ. Cử 36 cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức theo quy định 164-QĐ/TW của Bộ Chính trị cho công chức, viên chức lãnh đạo quản lý thuộc đối tượng 4 năm 2019 theo Thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy [102, tr.3].

Đến năm 2020, bộ máy tổ chức lĩnh vực văn hóa từ tỉnh đến cơ sở đã được kiện toàn: 143/143 xã, phường, thị trấn bố trí công chức phụ trách văn hóa - xã hội; 8/8 huyện, thành phố có tổ chức chuyên trách quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thanh. Đội ngũ cán bộ văn hóa các cấp được bổ sung cả về số lượng và chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và vị trí việc làm. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa được chú trọng, bảo đảm cơ cấu, tiêu chuẩn và chất lượng. Nhiều cán bộ quy hoạch đã được bổ nhiệm giữ các chức vụ chủ chốt tại các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp văn hóa. Việc đào tạo, bồi dưỡng được triển khai toàn diện, bao gồm chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa công sở. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, viên chức trong ngành văn hóa được đảm bảo.

3.2.2.2. Chỉ đạo công tác điều tra, xếp hạng các di tích lịch sử - văn hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ

Công tác điều tra, xếp hạng các di tích lịch sử - văn hóa: Việc nghiên cứu, lập hồ sơ xếp hạng di tích được thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ngày 14/7/2011. Thông tư Quy định về nội dung hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng DTLS - VH và danh lam thắng cảnh. Việc điều tra, xây dựng hồ sơ khoa học xếp hạng các DTLS - VH được thực hiện theo Quyết định số

34/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Theo đó: “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc kiểm kê di tích trên địa bàn toàn tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích” [180, tr.2].

Quy định nêu rõ điều kiện xếp hạng di tích là:

Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học; Nằm trong danh mục kiểm kê di tích đã được chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố; Di tích phải được lập hồ sơ khoa học và có đầy đủ thành phần theo quy định; Được sự đồng thuận của chính quyền và nhân dân địa phương, cá nhân/tổ chức trực tiếp quản lý di tích, dòng họ (đối với nhà thờ họ) về việc đề nghị xếp hạng di tích [180, tr.2].

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích.

Từ năm 2010 đến 2015, thực hiện chủ trương của Đảng bộ Tỉnh, UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao: “Đã tổ chức Hội đồng khoa học xét duyệt và công nhận 107 di tích cấp tỉnh, 02 di tích cấp quốc gia được nâng cấp thành di tích cấp quốc gia đặc biệt, trong đó Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới” [96, tr.5]. Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, đến năm 2015: “Trong tỉnh đã có 79 di tích cấp quốc gia, 214 di tích cấp tỉnh. Công tác nghiên cứu khoa học về bảo tồn di sản văn hóa được đẩy mạnh” [96, tr.5].

Năm 2016, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tách ra thành hai sở: Sở Văn hóa và Thể thao và Sở Du lịch. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về việc xây dựng đề án quy hoạch, bảo tồn và tôn tạo quần thể di tích Khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu, nhằm phát triển nơi đây thành điểm giáo dục lịch sử cách mạng và điểm đến du lịch văn hóa - lịch sử có ý nghĩa, Sở Văn hóa và Thể thao đã phối hợp với UBND xã Quỳnh Lưu (huyện Nho Quan) tiến hành khảo sát các địa điểm trong khu di tích. Hoạt động này nhằm phục vụ cho công tác xây

dựng và đặt bia ghi dấu tại các vị trí gắn liền với những sự kiện lịch sử quan trọng. Đồng thời, Sở cũng đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh với nội dung “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”. Trên cơ sở kế hoạch xếp hạng di tích hàng năm, căn cứ đề nghị của địa phương và kết quả khảo sát giá trị di tích, trong thời gian từ 2016 - 2020: “Số di tích lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh xếp hạng cấp tỉnh là 48 di tích, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng 02 di tích cấp Quốc gia, đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận 01 di tích Quốc gia đặc biệt” [105, tr.2].

Năm 2020, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các huyện, thành phố và Viện Khảo cổ học tiến hành rà soát, kiểm kê hệ thống di tích trên toàn tỉnh nhằm xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH. Trên cơ sở kết quả kiểm kê, Sở đã hoàn thiện danh mục di tích, trình UBND tỉnh phê duyệt. Ngày 05/6/2020, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 392/QĐ-UBND phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh đến năm 2020: “Toàn tỉnh có 1821 di tích được rà soát, kiểm kê, trong đó có 343 chùa, 263 đình, 447 đền, 234 miếu, phủ, tĩnh lâu, lăng mộ, 255 nhà thờ họ, 165 nhà thờ Công giáo, di tích khảo cổ 68, loại hình khác (núi, hang động, nhà cổ, cầu cống, văn chỉ, vườn, bia) 46 di tích” [187, tr.5]. Trên cơ sở kết quả kiểm kê, căn cứ vào đề nghị của chính quyền và nhân dân địa phương, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan lập hồ sơ xếp hạng di tích đối với các di tích đảm bảo đạt các tiêu chí theo quy định. Tính đến hết năm 2020: “Toàn tỉnh có 370 di tích đã được xếp hạng (289 di tích cấp tỉnh, 81 di tích cấp Quốc gia, trong đó có 3 di tích cấp Quốc gia đặc biệt, 1 Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới)” [108, tr.5]. Cụ thể 3 di tích cấp quốc gia đặc biệt là: Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư, Danh lam thắng cảnh Tràng An - Tam Cốc - Bích Động được công nhận năm 2012, Di tích Núi non nước được công nhận năm 2019 và 1 Di sản thế giới là Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An được công nhận năm 2014. Các di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh được khoanh vùng các khu vực bảo vệ, các hoạt động phát triển KT - XH ảnh hưởng đến khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích phải thực hiện các quy trình, thủ

tục theo quy định. Đã có 02 di tích đã hoàn thành việc cắm mốc bảo vệ di tích là: Di tích quốc gia Phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn và Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.

Các hoạt động khảo cổ tại Ninh Bình được triển khai sau khi có sự cho phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và được thực hiện theo đúng quy trình chuyên môn. Tại Quần thể Danh thắng Tràng An, các nghiên cứu khảo cổ học diễn ra liên tục trong giai đoạn 2007 - 2015 với sự phối hợp giữa chuyên gia trong nước và quốc tế, qua đó phát hiện 30 địa điểm có dấu tích cư trú của người tiền sử. Năm 2018, khảo cổ học được triển khai tại khu vực Cổ đô Hoa Lư. Năm 2019, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với Viện Nghiên cứu Kinh thành thăm dò khảo cổ tại 6 di tích thuộc xã Sơn Lai, Quỳnh Lưu và Gia Sinh trong khuôn khổ đề tài cấp tỉnh về Hành đô Sơn Lai thời kỳ đầu nhà nước Đại Cồ Việt. Năm 2020, tiếp tục phối hợp với Viện Khảo cổ học nghiên cứu vùng đất Gia Thủy (huyện Nho Quan) từ đầu Công nguyên đến thời kỳ Đại Cồ Việt, thực hiện khai quật tại 4 địa điểm như Trường Trung học cơ sở Gia Thủy, chùa và đình Mỹ Hạ. Những hoạt động khảo cổ này góp phần làm rõ giá trị lịch sử - văn hóa và các giai đoạn phát triển của vùng đất Cổ đô Hoa Lư.

Việc xây dựng hồ sơ xếp hạng di tích không chỉ giúp nhận diện giá trị di sản mà còn bảo đảm công tác quản lý, tạo niềm tự hào cho người dân và thúc đẩy phát triển KT - XH địa phương. Các di tích sau khi được xếp hạng thường nhận được sự quan tâm đầu tư, tôn tạo và trở thành điểm đến thu hút du khách trong và ngoài nước. Tiêu biểu là khu Di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, Di sản Tràng An và khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, những điểm du lịch quan trọng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - du lịch của tỉnh Ninh Bình.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ: Nhận thức rõ vai trò then chốt của kết cấu hạ tầng trong phát triển KT - XH, trong các nhiệm kỳ, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ. Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (2010 - 2015) và XXI (2015 - 2020) đều xác định đây là khâu đột phá chiến lược, cần tập trung triển khai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh tích cực chỉ đạo việc xây dựng và công bố công khai nhiều quy hoạch quan trọng như: Quy hoạch hệ thống

cấp điện, cấp nước, giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến 2030, và hệ thống cơ sở lưu trú phục vụ du lịch.

Về hạ tầng giao thông, Ninh Bình có vị trí chiến lược là cửa ngõ vào các tỉnh miền Trung và miền Nam, với hệ thống giao thông đa dạng: đường bộ, đường thủy, đường sắt. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tập trung phát triển các tuyến đường quan trọng, tăng cường kết nối liên vùng. Tính đến năm 2020, toàn tỉnh có hơn 3.800 km đường bộ gồm 8 quốc lộ, 19 tuyến tỉnh lộ, cùng hệ thống cầu lớn như Nam Bình, Gián Khẩu, Hoàng Long.

Giao thông đường thủy cũng được chú trọng đầu tư với 16 tuyến đường dài gần 288 km. Tuyến sông Đáy giữ vai trò then chốt trong vận tải và kết nối với các tỉnh Đông Bắc Bộ như Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định. Toàn tỉnh có 19 cảng thủy nội địa và hơn 90 bến thủy, trong đó nhiều bến phục vụ hoạt động du lịch tại các khu Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Vân Long. Về đường sắt, tỉnh có 21,6 km tuyến Bắc - Nam và 2 km đường sắt chuyên dùng, với 1 ga hành khách và 3 ga hàng hóa.

Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy ở các khu DTLS - VH được tập trung nâng cấp, làm mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân, khách du lịch đến tham quan. Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Bình, các công trình xây dựng hạ tầng giao thông ở các khu di tích cơ bản được xây dựng xong, gồm: Đoạn đường từ Quốc lộ 1A đến chùa Bái Đính (dài 19km); đoạn đường từ Quốc lộ 1A đến Chùa Bích Động (dài 7km); đoạn đường từ Chùa Bích Động đến Thung Nham (dài 2.5km); tuyến đường từ 12B vào bến thuyền Nhà Lê (xã Sơn Hà, huyện Nho Quan); đường từ Bái Đính đi Cúc Phương, nạo vét các thung, hang tạo 2 tuyến du lịch đường thủy trong Khu du lịch sinh thái Tràng An, nạo vét 2 tuyến du lịch đường thủy và lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại khu du lịch sinh thái Vân Long. Cùng với đó, UBND tỉnh Ninh Bình chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện các dự án, công trình văn hóa phục vụ mục đích du lịch như: Dự án xây dựng sân lễ hội trước đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng; Dự án bảo tồn, tôn tạo khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư; Dự án cổng thành Hoa Lư, cổng khu du lịch Tràng An; Dự án đầu tư xây

dựng hệ thống giao thông đường bao hào nước vùng bảo vệ đặc biệt Cổ đô Hoa Lư; Dự án nạo vét, xây kè bảo tồn cảnh quan sông Sào Khê, nâng cấp tuyến đê hữu Hoàng Long và đê sông Đáy kết hợp giao thông đoạn đường từ chùa Bái Đính đi Kim Sơn. Giai đoạn 2016 - 2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện 04 dự án: Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch sinh thái Tràng An, Dự án nạo vét tuyến giao thông thủy Bích Động - Hang Bụt và Thạch Bích - Thung Nắng; Dự án xây dựng tuyến đường bộ vào khu du lịch sinh thái Thung Nham; Dự án nâng cấp tuyến đường bộ vào khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình. Tuyến đường bộ từ đê Bình Minh đến Cồn Nổi đã hoàn thành đưa vào khai thác góp phần phát triển du lịch biển. Hệ thống giao thông kết nối giữa các DTLS - VH cơ bản được hoàn thiện và thường xuyên được bảo trì, hạn chế xảy ra tắc nghẽn giao thông vào mùa lễ hội, du lịch.

Hạ tầng cung cấp điện được đầu tư khá đồng bộ, đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh của tỉnh. Toàn tỉnh có 02 nhà máy nhiệt điện, 01 trạm biến áp 500kV, 03 trạm biến áp 220kV và 16 trạm biến áp 110kV. Vấn đề quá tải điện lưới cơ bản được khắc phục: “Đến năm 2020, lưới điện quốc gia đã được phủ đến 100% địa bàn các xã, 100% số hộ dân trên địa bàn nông thôn đã được sử dụng điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất” [150, tr.223]. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh chi tiết phát triển bến cảng, bến thủy nội địa tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó quy hoạch các bến hành khách tại các khu du lịch, đồng thời cũng là các DTLS - VH của tỉnh nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu tham quan của khách du lịch.

Tỉnh Ninh Bình đã từng bước đầu tư hệ thống cấp nước, bảo đảm cung cấp đủ cho các đô thị, thị trấn và huyện lỵ. Công tác bảo vệ môi trường tại các DTLS - VH, khu du lịch được chú trọng. UBND tỉnh ban hành “Quy chế quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường du lịch”, đồng thời xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại nhiều điểm di tích như Cổ đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm, động Địch Lộng, động Thiên Tôn, đền Thái Vi... Sở Du lịch vận động doanh nghiệp đầu tư hệ thống nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, góp phần cải thiện đáng kể vệ sinh môi trường tại các điểm tham quan. Các đơn vị kinh doanh du lịch chủ động xây dựng phương án bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại rác và ký hợp đồng xử lý với Công ty Môi trường đô thị.

Hệ thống hạ tầng như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc... đến các khu du lịch cơ bản đáp ứng nhu cầu du khách. Đến năm 2020, nhiều công trình, dự án đã hoàn thành, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực cho phát triển du lịch và KT - XH của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi thu hút du khách đến Ninh Bình.

Về xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở dịch vụ du lịch: Nhằm thực hiện mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/7/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ninh Bình đã ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, tạo bước đột phá cho ngành. Trong 5 năm (2010 - 2015), cơ sở hạ tầng du lịch được đầu tư mạnh, tập trung nâng cao và phát triển lĩnh vực lưu trú, các cơ sở dịch vụ, các nhà hàng cao cấp được xây dựng, mở rộng, kịp thời đưa vào khai thác có hiệu quả. Theo Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đến tháng 4/2015: “Toàn tỉnh có 286 cơ sở lưu trú du lịch, với 4.508 phòng ngủ. Trong đó có 38 khách sạn được xếp hạng từ 1 đến 2 sao, 01 khách sạn 3 sao, 03 khách sạn 4 sao” [96, tr.7].

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch tại Ninh Bình tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Từ 390 cơ sở vào cuối năm 2015, đến năm 2020, toàn tỉnh đã có 689 cơ sở lưu trú. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và văn hóa, Ninh Bình có tiềm năng lớn trong phát triển loại hình du lịch homestay. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tạo điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình lưu trú này nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ thiết kế hệ thống nhà mẫu mang phong cách truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ, đảm bảo tính thẩm mỹ, hài hòa với cảnh quan làng quê. Các bản thiết kế được phát miễn phí cho người dân nhằm khuyến khích xây dựng các khu dân cư sinh thái, văn minh, kết hợp phục vụ khách du lịch. Tuy nhiên, phát triển homestay cần đảm bảo yêu cầu bảo tồn, giữ gìn nguyên trạng vùng lõi di sản và không làm ảnh hưởng đến cảnh quan, kiến trúc các DTLS - VH.

3.2.2.3. Chỉ đạo huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Trên cơ sở quy định nguồn kinh phí đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo di tích tại Luật di sản văn hóa 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa 2009, Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình chủ trương:

“Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ cho phát triển văn hóa, xây dựng con người” [142, tr.7]; “Huy động nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản lịch sử - văn hóa” [143, tr.158].

Ngày 26/3/2012, UBND tỉnh Ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND Phê duyệt Chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Ninh Bình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Trong giải pháp về huy động nguồn lực, UBND tỉnh chỉ đạo: Tăng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa văn hóa, trong đó nhấn mạnh: “Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở xã hội hóa về lĩnh vực văn hóa, vận động nhân dân tự nguyện đóng góp kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên” [175, tr.7]

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, đề xuất chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn. Việc đầu tư cho văn hóa, con người được triển khai tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo sử dụng hiệu quả, minh bạch, có trọng tâm nguồn vốn nhà nước. Nguồn lực đầu tư cho bảo tồn di tích được huy động từ ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn chống xuống cấp thường xuyên và nguồn xã hội hóa. Các dự án tu bổ, tôn tạo được thực hiện đúng quy trình, với sự tham gia của các đơn vị đủ điều kiện chuyên môn. Nhiều công trình tiêu biểu đã được đầu tư hiệu quả như Khu di tích Cổ đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, đền Trần, chùa Nhất Trụ, đền Thượng - đền Hạ Thái Sơn... Các dự án đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa và thúc đẩy du lịch. Công tác tu bổ nhận được sự phối hợp tích cực từ chính quyền các cấp, ngành chức năng và sự tham gia tự nguyện của người dân.

Các dự án bảo tồn, tôn tạo DTLS - VH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được UBND tỉnh giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư, chủ động triển khai thực hiện (từ năm 2016, sau khi tách thành hai sở: Sở Văn hóa và Thể thao và Sở Du Lịch, tỉnh giao cho Sở Văn hóa và Thể thao). Bên cạnh đó, ngân sách Trung ương và địa phương còn hỗ trợ cho các dự án văn hóa khác như: Suu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở: “Tổng số vốn đã sử dụng cho chương trình Mục tiêu quốc gia về văn hóa từ năm 2011 đến năm 2015 là

85.600.000.000 đồng. Trong đó ngân sách trung ương là 64.740.000.000 đồng, đối ứng ngân sách địa phương 20.860.000.000” [98, tr.2]. Thông qua việc triển khai các dự án, nhận thức của cộng đồng và các cấp, ngành về công tác bảo tồn di sản được nâng cao rõ rệt. Người dân tích cực tham gia, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng và phát triển văn hóa địa phương, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa. Công tác trùng tu, tôn tạo di tích được chú trọng, tình trạng xâm hại di tích được phát hiện và xử lý kịp thời, từng bước nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn DSVH. Theo Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong những năm (2011-2015): “Có 124 di sản được trùng tu, tôn tạo bằng nguồn vốn Nhà nước và hàng trăm di tích được trùng tu tôn tạo từ nguồn vốn xã hội hóa” [97, tr.3].

Dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao đã triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, thẩm định và phê duyệt các dự án bảo tồn di tích theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm Luật Xây dựng, Luật Di sản văn hóa, Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 166/2018/NĐ-CP. Nhờ đó, hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích tại Ninh Bình từng bước đi vào nề nếp và đạt hiệu quả rõ rệt. Thực hiện Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020, Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình được UBND tỉnh giao quản lý các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016 – 2020: “Tổng số vốn trung hạn được giao trong giai đoạn 2016 - 2020 là 138.530.000.000, trong đó: Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương là 74.881.000.000, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 63.649.000.000” [103, tr.2].

Tính đến năm 2019: “Có tổng số 218 di tích (cấp tỉnh và cấp quốc gia) được trùng tu, tôn tạo bằng nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia về văn hóa, 87 di tích được tu sửa bằng nguồn vốn xã hội hóa” [101, tr.11].

Trong hoạt động bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đã có sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành có liên quan, cùng với đó, nhân dân tự nguyện và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, trùng tu và phát huy giá trị của các di sản nói chung, DTLS - VH nói riêng. Việc thực hiện thường xuyên công tác bảo tồn, tôn tạo

các di tích đã ngăn chặn kịp thời nguy cơ bị xuống cấp của di tích, thu hút được sự quan tâm, ủng hộ, đóng góp của nhân dân, đồng thời góp phần quan trọng vào việc phát triển du lịch của tỉnh.

Tiền công đức tại các DTLs - VH do nhân dân, du khách đến ủng hộ được tiếp nhận, quản lý, sử dụng cho việc tu bổ, tôn tạo di tích. Các hòm công đức được niêm phong và đặt đúng nơi quy định. Định kỳ hàng tuần, tháng tùy theo tình hình thực tế, đơn vị sẽ tổ chức kiểm đếm dưới sự giám sát của Sở Văn hóa và Thể thao. Tiền kiểm đếm sẽ được nộp vào tài khoản mở tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và sử dụng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên đến hết năm 2020, vẫn chưa có văn bản quy định chính thức về việc sử dụng tiền công đức tại các DTLs - VH.

Đến năm 2020, tỉnh Ninh Bình có 05 hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia, gồm: Cột Kinh Phật chùa Nhất Trụ, Long sàng trước Bái đường đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Long sàng trước Nghi môn ngoại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Bộ Phủ Việt đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Bộ Phủ Việt đền thờ vua Lê Đại Hành. Các bảo vật trên hiện đều được lưu giữ tại các di tích thuộc Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, do Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư quản lý, bảo vệ.

Căn cứ vào đặc điểm chất liệu, chức năng, hiện trạng của các bảo vật quốc gia, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình đã tham vấn ý kiến các cấp có thẩm quyền, các cơ quan chuyên môn, các chuyên gia, nhà khoa học, chỉ đạo Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư thực hiện các biện pháp bảo vệ, bảo quản bảo vật quốc gia, cụ thể: Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ, chất liệu đá, cao hơn 4m, là hiện vật trưng bày trong khuôn viên chùa, chịu tác động trực tiếp của thời tiết, Ban Quản lý di tích đã xây dựng nhà mái che, lắp lan can gỗ để bảo vệ; Long Sàng trước Bái đường và Long Sàng trước Nghi môn ngoại đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng, là đồ tế khí thuộc cụm hiện vật sân châu Hoàng đế nên được đặt ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của thời tiết, khí hậu, hoạt động tham quan du lịch của con người. Do đặc điểm, tính chất và chức năng của hiện vật, không thể xây dựng nhà bao che cho hiện vật, vì các công trình này sẽ phá vỡ không gian, kiến trúc tổng thể của di tích, cũng không thể di dời đến vị trí khác, chỉ có thể sử dụng các biện pháp bảo quản tại chỗ. Sau khi tham vấn ý kiến của các cơ quan chuyên môn, các chuyên gia, nhà khoa

học, Sở Văn hoá và Thể thao đã chỉ đạo Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư sử dụng phương pháp phủ nano đối với Long Sàn trên để khắc phục những tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu, nấm mốc. Đến nay, các bảo vật vẫn giữ được hiện trạng như thời điểm trước khi thực hiện bảo tồn, trước khi xây dựng hồ sơ bảo vật quốc gia; Đối với bộ Phủ Việt tại đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng và Vua Lê Đại Hành, là đồ tế khí, lưu giữ trong nội tự, ít chịu ảnh hưởng bởi mưa nắng, đơn vị bảo quản thường xuyên làm vệ sinh khu nội tự, bao gói hiện vật, có biện pháp trưng bày phù hợp để vừa bảo quản vừa phát huy giá trị hiện vật; Để đảm bảo an ninh, an toàn cho di tích và hiện vật nói chung, bảo vật quốc gia nói riêng, Sở đã chỉ đạo Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư Lắp đặt hệ thống báo động cảm biến, camera an ninh giám sát trong và ngoài di tích, bố trí lực lượng bảo vệ 24/24, chủ động phối hợp với các lực lượng an ninh của địa phương và các đơn vị liên quan để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các bảo vật quốc gia và các hiện vật trong di tích. Trong mùa mưa bão, tiến hành chặt tỉa các cành cây có nguy cơ gãy đổ, ảnh hưởng đến bảo vật và di tích.

3.2.2.4. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống gắn với di tích lịch sử - văn hóa

Chỉ đạo công tác tuyên truyền: Việc tuyên truyền, phát huy giá trị các DTLS - VH luôn được quan tâm. Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền, báo chí, phát thanh - truyền hình, chú trọng mạng lưới ở cơ sở phục vụ cho công tác tuyên truyền” [140, tr.5]. Để bảo tồn và phát huy bền vững, hiệu quả giá trị DSVH, DTLS - VH, giới thiệu rộng rãi đến bạn bè trong nước và quốc tế, Đảng bộ tỉnh coi trọng: “Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các giá trị nổi bật của Di sản trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế, nhất là trên Internet. Xây dựng Di sản trở thành trung tâm tổ chức các sự kiện, hội thảo, các cuộc thi và là phim trường của các hãng phim trong nước, quốc tế” [147, tr.4].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 về việc Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du

lịch phối hợp với các ngành, UBND các huyện: “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh với hình thức thích hợp để giáo dục truyền thống và thu hút khách du lịch đến tham quan di tích” [179, tr.6]. Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát việc thực hiện quy hoạch phát triển báo chí phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại để quảng bá hình ảnh Ninh Bình đến bạn bè trong nước và quốc tế, tập trung giới thiệu các giá trị văn hóa đặc sắc, truyền thống lịch sử và DSVH tiêu biểu của địa phương.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh và chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND các huyện, thành phố và Ban quản lý di tích đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị di tích danh thắng qua nhiều kênh như báo chí, phát thanh, internet, đặc biệt là cổng thông tin điện tử của tỉnh và ngành. Thông tin về di tích, bảo vật quốc gia được truyền tải thông qua thuyết minh viên, hệ thống phát thanh tại điểm di tích, cũng như các hình thức trực quan như pano, áp phích, tờ rơi. Công tác vận động nhân dân thực hiện quy định bảo vệ di tích, giữ gìn môi trường, xây dựng nếp sống văn minh, ứng xử văn hóa được chú trọng. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với địa phương triển khai tuyên truyền Luật Di sản văn hóa, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo và các văn bản liên quan thông qua nhiều hình thức, trong đó có các lớp tập huấn cho cán bộ cơ sở, nhất là người trực tiếp trông coi di tích. Đồng thời, cán bộ được phân công theo dõi địa bàn thường xuyên nắm bắt tình hình, trao đổi với nhân dân, hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo đúng quy định pháp luật.

Cùng với các hoạt động chuyên môn, công tác tuyên truyền các DTLS - VH được Sở Văn hóa và Thể thao luôn quan tâm. Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố cùng với chính quyền địa phương đã triển khai thực hiện nhiều hình thức tuyên truyền trên hệ thống Đài phát thanh, truyền hình, qua các Hội nghị tập huấn, in các ấn phẩm giới thiệu về nguồn gốc các DTLS - VH, các Lễ hội truyền thống... Đặc biệt, các di tích và điểm du lịch của Ninh Bình đã được giới thiệu trên đài truyền hình quốc tế như CNN (Mỹ), KBS (Hàn Quốc). Từ năm 2012 đến 2020, Đài Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình phát sóng qua vệ tinh và truyền hình cáp, mở rộng độ phủ sóng. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng tạo điều kiện để các hãng phim quốc tế,

trong đó có Hollywood (Mỹ), khảo sát Trảng An và Vân Long để quay các cảnh trong phim *Titan* và *Kong: Skull Island*, góp phần quảng bá hình ảnh Ninh Bình đến đông đảo bạn bè quốc tế. Sở Du lịch đã phối hợp với các cơ quan truyền thông và tổ chức lữ hành để quảng bá các DTLS - VH như Cố đô Hoa Lư, đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng, đền thờ Vua Lê Đại Hành, đền Thái Vi, đền Đức Thánh Nguyễn, đền thờ Nguyễn Công Trứ... đến du khách trong và ngoài nước, tổ chức và hỗ trợ các lễ hội truyền thống tại các DTLS - VH, qua đó thu hút du khách và giới thiệu sâu rộng về giá trị văn hóa của địa phương, xây dựng các tour du lịch kết hợp tham quan DTLS - VH và trải nghiệm văn hóa địa phương, nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao trải nghiệm cho du khách. Qua đó góp phần nâng cao hình ảnh du lịch Ninh Bình, khẳng định vai trò của DTLS - VH trong phát triển KT - XH của tỉnh.

Chỉ đạo tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống gắn với di tích lịch sử - văn hóa

Các lễ hội truyền thống ở Ninh Bình thu hút đông đảo người dân và du khách, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị DTLS - VH, giáo dục truyền thống và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Để tăng cường công tác quản lý lễ hội, Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 16/3/2012, yêu cầu:

Kiểm toàn các Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức lễ hội phù hợp với yêu cầu, đặc điểm lễ hội ở mỗi địa phương. Cơ quan, đơn vị chủ trì lễ hội phải chịu trách nhiệm về nội dung, kế hoạch, quy mô, cấp độ của lễ hội, đảm bảo trang trọng, hiệu quả, thiết thực, phù hợp với thuần phong mỹ tục, nhằm bảo tồn, giới thiệu, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc [141, tr.2].

Thực hiện Chỉ thị này, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang và lễ hội. Theo đó, khi tổ chức lễ hội cần “Giới thiệu ý nghĩa lịch sử của lễ hội, giáo dục truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của địa phương, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam” [173, tr.3]. Công tác xây dựng kế hoạch lễ hội đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, gắn với tuyên truyền giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, ý nghĩa lễ hội, nhân vật được tôn vinh... thông qua báo chí, loa phát thanh, tuyên truyền trực quan và các hoạt động văn hóa - du lịch. Việc lồng ghép quảng bá lễ hội với xúc tiến du lịch đã giúp lan tỏa hình ảnh văn hóa và con người Ninh Bình đến đông đảo du khách.

Theo báo cáo số 50/BC-SVHTT ngày 24/4/2020 của Sở Văn hóa và Thể thao: “Ninh Bình có 225 lễ hội truyền thống, trong đó 01 lễ hội tổ chức quy mô cấp tỉnh, 10 lễ hội tổ chức quy mô cấp huyện, 214 lễ hội tổ chức quy mô cấp xã. Các lễ hội diễn ra tập trung trong thời gian từ đầu tháng 01 đến hết tháng 03 âm lịch” [104, tr.1]. Công tác bảo tồn giá trị văn hóa lễ hội và di tích luôn được quan tâm, góp phần tích cực vào phát triển KT - XH và quảng bá hình ảnh Ninh Bình đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Tỉnh Ninh Bình coi giáo dục truyền thống là giải pháp trọng tâm trong hình thành đạo đức, lối sống và tinh thần cống hiến cho thế hệ trẻ. Việc lồng ghép giáo dục lịch sử, văn hóa trong nhà trường góp phần nâng cao nhận thức, bồi đắp lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm bảo tồn, phát huy di sản lịch sử - văn hóa. Ngày 21/02/2011, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình đã ban hành Công văn số 105/SGDĐT-HSSV về việc thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, yêu cầu các trường trên địa bàn tỉnh: “Theo định kỳ một tháng một lần nhà trường tổ chức cho học sinh quét dọn, vệ sinh sạch sẽ các di tích nhận chăm sóc. Một tháng một lần, mỗi lớp dành 10 phút trong giờ sinh hoạt tuần tại lớp để tìm hiểu về các giá trị, ý nghĩa của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh mà đơn vị mình nhận chăm sóc” [84, tr.1]. Những trải nghiệm này góp phần nuôi dưỡng niềm tự hào và nâng cao ý thức trách nhiệm đối với quê hương. Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (từ 2016 là Sở Văn hóa và Thể thao) tổ chức Ngày Di sản văn hóa (23/11) và bàn giao nội dung thuyết minh các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh, đồng thời triển khai các hình thức đánh giá kết quả chăm sóc di tích để nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử và truyền thống.

Ngày 26/3/2012, UBND tỉnh Ninh Bình đã Ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND Quyết định Phê duyệt Chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Ninh Bình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Để tăng cường sự gắn kết giữa hoạt động của nhà trường với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh chỉ đạo: “Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì triển khai xây dựng phong trào “Trường học văn hóa” gắn với phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” [175, tr.9].

Năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL (ngày 16/01/2013) về việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học tại các trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Hướng dẫn yêu cầu tích hợp DSVH vào hoạt động giáo dục nhằm hình thành ý thức tôn trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa; rèn luyện tính chủ động, sáng tạo trong học tập; đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu học sinh.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh (Quyết định số 207/QĐ-UBND, 26/3/2012) và Hướng dẫn liên ngành số 73 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình đã ban hành Văn bản số 19/SGDĐT-GDTrH (09/8/2014) hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học từ năm học 2014 - 2015. Hướng dẫn yêu cầu việc sử dụng DSVH trong dạy học được triển khai hàng năm tại tất cả các cấp học và trung tâm giáo dục thường xuyên, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục và các cơ quan liên quan của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cán bộ quản lý và giáo viên phải chủ động lựa chọn nội dung, hình thức dạy học phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương để nâng cao hiệu quả giáo dục. Thông qua phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, các nhà trường, cơ sở giáo dục cũng đã định kỳ tổ chức giảng dạy môn Giáo dục địa phương, chú trọng lồng ghép nội dung đưa DSVH quê hương vào bài giảng, đưa học sinh tới thăm quan các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh, nhờ đó học sinh không chỉ được lĩnh hội kiến thức về lịch sử dân tộc, thân thế sự nghiệp của các danh nhân mà còn được hướng dẫn, thuyết minh về di tích, từ đó có thể tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá tới bạn bè và du khách gần xa.

3.2.2.5. Chỉ đạo phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa qua hoạt động bảo tàng và phát triển kinh tế du lịch

Phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa qua hoạt động bảo tàng:

Bảo tàng tỉnh là một thiết chế văn hóa giáo dục quan trọng, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS - VH, giáo dục truyền thống cho nhân dân Ninh Bình, đặc biệt là thế hệ trẻ trong thời kỳ đổi mới đất nước. Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở các cấp, nhất là cơ sở. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng

đồng theo hướng xã hội hóa” [142, tr.4]. Trong Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 14/01/2016 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Để nâng cao và phát huy hiệu quả của các thiết chế văn hóa, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tăng cường các hoạt động thư viện, bảo tàng, điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật phục vụ các nhiệm vụ chính trị và nhân dân” [144, tr.8].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, ngày 18/11/2016, UBND tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND Quyết định Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình. Theo đó, Bảo tàng tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao. Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-SVHTT ngày 23/01/2017 của Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình về việc Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng Ninh Bình:

Bảo tàng tỉnh là đơn vị sự nghiệp văn hóa thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình, có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền phát huy tác dụng các di sản lịch sử, văn hóa và thiên nhiên Ninh Bình phù hợp với loại hình, tính chất và nội dung của Bảo tàng tỉnh. Bảo tàng tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước [100, tr.2].

Trong giai đoạn 2010 - 2020, cơ cấu tổ chức của Bảo tàng Ninh Bình gồm Ban giám đốc và 03 phòng chức năng khác nhau, ngoài ra còn có Hội đồng tư vấn về khoa học cho Ban giám đốc. Cụ thể: Giám đốc là ông Nguyễn Xuân Khang - cử nhân ngành Di sản văn hóa, trình độ lý luận chính trị: Cao cấp; 02 Phó Giám đốc là bà Vũ Thị Thu - cử nhân ngành Di sản văn hóa, trình độ lý luận chính trị: Trung cấp và bà Phạm Thị Nhu - cử nhân ngành Di sản văn hóa, trình độ lý luận chính trị: Trung cấp. Các phòng chuyên môn: 1. Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm - Kiểm kê - Bảo quản; 2. Phòng Trưng bày - tuyên truyền; 3. Phòng Hành chính tổng hợp. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo của UBND tỉnh và sự quản lý trực tiếp của Sở Văn hóa và Thể thao. Trong giai đoạn 2010 - 2020, Bảo tàng Ninh Bình đặc biệt chú trọng đến việc chủ động thực hiện tiếp cận, phục vụ công chúng bằng các hoạt động chuyên môn thiết thực, đạt hiệu quả rõ rệt.

Bảo tàng tỉnh Ninh Bình chú trọng tổ chức trưng bày chuyên đề và triển lãm lưu động nhân dịp các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử, với nhiều chủ đề gắn với truyền thống và đời sống văn hóa - lịch sử địa phương như: trưng bày chuyên đề “Ninh Bình trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ”; “Kỷ vật chiến trường”; “Dấu ấn thời bao cấp”; “Không gian chợ Tết xưa”; “Từ Hoa Lư tới Thăng Long - Hà Nội”; trưng bày chuyên đề “Ninh Bình - 25 năm xây dựng và phát triển”... Bên cạnh đó, Bảo tàng tỉnh phối hợp với Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và chuyên gia Bảo tàng Nghệ thuật hoàng gia Bỉ triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục tại Bảo tàng. Cung cấp thông tin cho đoàn làm phim “Chuyện kể lịch sử Ninh Bình” với các tập phim liên quan đến các địa điểm, nhân vật lịch sử Khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu; Đoàn làm phim của công ty Lạc Việt với dự án phim “Tinh hoa Cổ vật”, phóng viên Đài Truyền hình Việt Nam nghiên cứu tài liệu, hiện vật về Kinh đô Hoa Lư... Trong năm 2020, Bảo tàng tỉnh tổ chức trưng bày Ngôi mộ cổ thời Hán phát hiện và sưu tầm ở xã Gia Thủy, Nho Quan, Ninh Bình; Trưng bày hiện vật Bàn đá cổ phát hiện, sưu tầm ở xã Xích Thổ, Nho Quan, Ninh Bình tại Bảo tàng và hoàn thành chỉnh lý phần trưng bày cố định chuyên đề “Đá chủ quyền Hoàng Sa”. Cán bộ hướng dẫn luôn sẵn sàng phục vụ thuyết minh cho các đoàn khách tham quan. Bảo tàng cũng phối hợp với các trường học tổ chức chương trình tham quan, học tập, đón tiếp hơn 5000 học sinh và giáo viên mỗi năm. Chương trình “Đưa hiện vật bảo tàng tới trường học” đã đưa DSVH đến các thanh thiếu niên, khơi gợi tình yêu và niềm tự hào với văn hóa truyền thống của dân tộc. Chương trình này cũng đặc biệt ưu tiên cho các vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh, chủ động đi đến những nơi mà công chúng chưa có điều kiện tham quan bảo tàng. Qua chương trình, Bảo tàng Ninh Bình đã đưa hiện vật đến và phục vụ hàng ngàn giáo viên và học sinh tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông của các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, cách mạng, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào dân tộc cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Công tác bảo quản hiện vật được đặc biệt chú trọng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các yếu tố có thể làm hư hỏng hiện vật. Hiện vật bảo tàng sau khi sưu tầm về được làm lý lịch căn trọng, xét duyệt trước Hội đồng Khoa học, sau đó nhập kho cơ sở. Tại đây, hiện vật được phân loại, đánh số, bảo quản theo

chất liệu. Công tác kiểm kê, bảo quản hiện vật là những khâu quan trọng, luôn được chú trọng nhằm kéo dài tuổi thọ hiện vật. Công tác bảo quản định kỳ, thường xuyên như xử lý môi mọt, chống ẩm cho hiện vật, phục chế hiện vật luôn được thực hiện đúng theo quy trình bảo quản cho từng chất liệu, từng hiện vật cụ thể. Từ năm 2005 đến năm 2020: “Bảo tàng tỉnh đã sưu tầm và tiếp nhận 13.120 các tư liệu ảnh, hiện vật có giá trị, bổ sung cho công tác trưng bày” [106, tr.1]. Bảo tàng Ninh Bình luôn nỗ lực tổ chức tốt các hoạt động trưng bày tại bảo tàng, trưng bày chuyên đề và triển lãm lưu động. Nhờ đó, lượng du khách đến tham quan bảo tàng tăng cao. Cụ thể:

Bảng 3.1. Số lượng khách đến Bảo tàng Ninh Bình giai đoạn 2011 - 2020

Năm	Tổng số khách	Khách trong nước	Khách quốc tế
2011	8.454	8.392	62
2012	5.821	5.769	52
2013	13.012	12.929	83
2014	9.305	9.239	66
2015	10.332	10.016	316
2016	11.786	11.278	508
2017	14.310	13.745	565
2018	14.132	13.693	439
2019	17.170	16.810	360
2020	11.670	11.613	57
Tổng	115.992	113.484	2.508

Nguồn: Tổng hợp các báo cáo từ năm 2011 đến 2020 của Bảo tàng Ninh Bình, lưu tại Bảo tàng Ninh Bình (Tài liệu tham khảo số 19,20,21,22,23,24,25,26,27,28)

Nhìn vào bảng thống kê số lượng khách đến tham quan Bảo tàng có thể thấy, năm 2013 Bảo tàng Ninh Bình đã xây dựng Chương trình, Kế hoạch kết hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình thực hiện việc đưa học sinh tới tham quan, học tập tại Bảo tàng nên lượng khách tăng vọt, gấp 2.23 lần so với năm 2012. Năm 2019, số lượng khách thăm quan đến Bảo tàng tỉnh tăng mạnh do Bảo tàng đã hoàn thiện một số nội dung trưng bày mới, mang đậm tính giáo dục truyền thống như: Khai mạc trưng bày chuyên đề Kỷ vật chiến trường,

Ninh Bình - Dấu ấn một vùng đất cổ, đón tiếp lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Cựu chiến binh, lãnh đạo Ban liên lạc chiến sỹ cách mạng bị tù đầy, được các cơ quan Báo, đài đưa tin rộng rãi, thu hút đông đảo khách thăm quan đến Bảo tàng. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, lượng khách tham quan bảo tàng, đặc biệt là khách nước ngoài giảm mạnh.

Bảo tàng Tỉnh đã trở thành nơi gìn giữ những di sản vật chất và tinh thần, các DTLS - VH gắn với quá trình xây dựng và phát triển quê hương, là trung tâm thông tin, là trường học và là địa chỉ văn hóa của công chúng. Bảo tàng đã trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, với học sinh, sinh viên, qua đó góp phần phát huy giá trị các DTLS - VH trong đời sống xã hội, thúc đẩy sự phát triển chung của tỉnh Ninh Bình.

Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa thông qua phát triển du lịch:

Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của di tích gắn với phát triển du lịch luôn là sự kết hợp bền vững mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tăng cường công tác quản lý và phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, các di tích lịch sử - văn hóa và tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa du lịch, bảo vệ cảnh quan môi trường” [143, tr.84].

Để bảo tồn và phát huy bền vững, hiệu quả giá trị Di sản, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 18/8/2016 về bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. Mục tiêu: “Bảo tồn nguyên vẹn các giá trị của Di sản, nhất là về địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa và cảnh quan môi trường sinh thái, đồng thời khai thác hợp lý và bền vững các giá trị Di sản phục vụ phát triển du lịch” [139, tr.2]. Ngày 26/6/2017, BTV Tỉnh ủy Ninh Bình Ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Trong đó nhấn mạnh: “Phát huy giá trị di sản, di tích lịch sử - văn hóa, tài nguyên, khoáng sản, cảnh quan thiên nhiên của tỉnh với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là du lịch” [148, tr.5].

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh đã ra Quyết định số

35/2015/QĐ-UBND ngày 17/2/2015, Ban hành Quy chế quản lý và bảo vệ các di tích khảo cổ học, di sản địa chất, cảnh quan Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An. Quy chế kèm theo Quyết định này đã đưa ra những quy định về việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của Di sản cũng như trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và bảo vệ, phát huy giá trị của Di sản. Để gắn kết hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH với phát triển du lịch, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/3/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể Danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. Mục đích: “Khai thác hợp lý và bền vững các giá trị Di sản phục vụ phát triển du lịch, góp phần xây dựng Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch của khu vực Duyên hải Bắc Bộ và của cả nước, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Bình” [182, tr.1].

Tỉnh Ninh Bình chú trọng gắn kết giữa bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH với phát triển du lịch bền vững. Mục tiêu là nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về vai trò của du lịch trong phát triển KT - XH, từ đó huy động sự tham gia của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. Song song với đó, hoạt động quảng bá du lịch được đẩy mạnh, đặc biệt tập trung giới thiệu Quần thể danh thắng Tràng An và Khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư trên các phương tiện truyền thông, tại các Hội thảo; Hội nghị xúc tiến đầu tư; Hội chợ và các chương trình quảng bá du lịch trong và ngoài nước, tiêu biểu tại Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh (ITE), Nhật Bản, Thái Lan. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về các danh lam thắng cảnh và DSVH trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài phát thanh - truyền hình, xem đây là kênh quảng bá hiệu quả trong nước và quốc tế. Qua đó, hình ảnh đất và người Ninh Bình cùng các DSVH, DTLS - VH nổi bật được giới thiệu rộng rãi, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước đến với Ninh Bình.

Thực hiện định hướng gắn phát triển kinh tế du lịch với bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 30/08/2018 về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Ninh Bình

đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Quy hoạch nhấn mạnh việc khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch, phát triển chuyên nghiệp, tạo ra sản phẩm du lịch chất lượng cao gắn với bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Năm 2018, Sở Du lịch Ninh Bình phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển du lịch - Tổng cục du lịch xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 nhằm quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên phục vụ phát triển du lịch Ninh Bình bền vững và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu KT - XH của tỉnh. Đảng bộ Sở Du lịch ban hành Nghị quyết số 68-NQ/ĐU ngày 12/10/2018 Nghị quyết tập trung lãnh đạo công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị DSVH và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2018 - 2020. Với mục tiêu:

Bảo tồn tính nguyên vẹn các giá trị của Di sản, khai thác hợp lý và bền vững các giá trị Di sản nhằm thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình trở thành *Trung tâm du lịch xanh* của vùng duyên hải Bắc bộ và của cả nước, góp phần giải quyết việc làm, đảm bảo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện *sống trong di sản, bảo vệ di sản, hưởng lợi từ di sản*. Nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch bền vững [81, tr.2].

Nghị quyết 68 của Đảng bộ Sở Du lịch xác định các nhiệm vụ và giải pháp để bảo tồn, phát huy giá trị của Di sản gắn với phát triển du lịch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chỉ đạo của UBND tỉnh, Ninh Bình đã khai thác hiệu quả tiềm năng di sản, DTLS - VH, góp phần thúc đẩy ngành du lịch và dịch vụ phát triển. Hoạt động kinh doanh du lịch ở Ninh Bình trong giai đoạn 2010 - 2020 đạt kết quả đáng khích lệ. Địa bàn du lịch được mở rộng, các DTLS - VH, danh lam thắng cảnh được tôn tạo, nâng cấp, hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch được quan tâm đầu tư phát triển... đã tạo nên những chuyển biến rõ rệt, trước hết về số lượng du khách đến Ninh Bình:

Bảng 3.2. Số lượt khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2011 - 2020

Năm	Lượt khách	Tăng so với năm trước (%)	Doanh thu (Tỷ đồng)
2011	3600.000	9.92	655
2012	3712.000	3.11	779
2013	4399.000	18.49	897
2014	4.301.569	-2.21	943
2015	6.000.000	39.47	1360
2016	6.440.000	7.33	1765
2017	7.056.340	9.57	2528
2018	7.400.000	4.87	3213
2019	7.650.000	3.38	3671
2020	2.800.000	-63.27	1600

Nguồn: Các Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch. (Tài liệu tham khảo số 82,96)

Nhìn vào bảng số liệu có thể thấy, về cơ bản khách du lịch đến Ninh Bình tăng dần qua các năm, đặc biệt năm 2015, lượt khách đến Ninh Bình tăng mạnh sau khi Quần thể Tràng An được công nhận là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (23/6/2014), và công tác quảng bá du lịch ở Ninh Bình được triển khai mạnh mẽ, hiệu quả hơn. Riêng năm 2020, lượt khách giảm mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.

Mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn DTLS - VH không chỉ góp phần nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến mà còn tạo điều kiện để cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, việc hướng tới phát triển du lịch xanh, bền vững đã trở thành xu thế tất yếu, góp phần gìn giữ những giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa địa phương, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về trải nghiệm văn hóa của du khách trong và ngoài nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH đã đạt được những kết quả nổi bật. Công tác điều tra, xếp hạng di tích ngày càng hiệu quả, việc huy động các nguồn lực cho bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH, nhất là nguồn vốn xã hội hóa tăng cao, cơ sở hạ

tầng được xây dựng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương và du khách, các hoạt động giáo dục truyền thống, hoạt động bảo tàng góp phần đưa DTLS - VH đến gần với người dân, đặc biệt công tác phát huy giá trị các DTLS - VH qua phát triển kinh tế du lịch đạt hiệu quả cao, nâng tầm vị thế của Ninh Bình trong bản đồ du lịch Việt Nam và Quốc tế, góp phần không nhỏ vào sự phát triển KT - XH của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình từ năm 2010 - 2020 còn một số hạn chế như: Về thực hiện phân cấp quản lý DTLS - VH, nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Ban quản lý các di tích về vai trò, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị DTLS - VH còn hạn chế dẫn đến công tác quản lý ở địa phương đôi khi còn thiếu sự phối hợp, lúng túng, thụ động. Công tác tuyên truyền ở một số địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chưa thực sự được chú trọng, đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về DSVH ở cơ sở còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực khác nhau, trình độ chuyên môn còn hạn chế, việc quản lý di vật, cổ vật chưa được chặt chẽ, việc xây dựng Quy hoạch khảo cổ học được UBND tỉnh chỉ đạo, giao Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện tuy nhiên chưa có hướng dẫn về định mức chi phí lập quy hoạch lĩnh vực khảo cổ, do đó Sở Văn hóa và Thể thao chưa có căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện quy hoạch trình thẩm định và phê duyệt. Công tác sưu tầm hiện vật phục vụ trưng bày trong bảo tàng còn hạn chế, hiện vật còn đơn điệu chưa đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu của du khách, việc phát huy giá trị các DTLS - VH qua phát triển kinh tế du lịch vẫn còn nhiều dư địa cho sự phát triển cần được khai thác mạnh mẽ hơn.

Tiểu kết chương 3

Trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, tỉnh Ninh Bình đứng trước cả thời cơ lẫn thách thức trong phát triển văn hóa. Quá trình toàn cầu hóa mở ra cơ hội giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, song đồng thời đặt ra nguy cơ mai một các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống do ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai và lối sống thực dụng. Đây cũng là giai đoạn Trung ương Đảng ban hành các nghị quyết quan trọng định hướng cho các địa phương triển khai công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Quán triệt sâu sắc các chủ trương, đường lối của Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo trong xây dựng và phát triển văn hóa địa phương, đặc biệt là công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, xem đây là một thế mạnh quan trọng của tỉnh. Giai đoạn 2010 - 2020, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo toàn diện, chủ động và có chiều sâu trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Nhận thức chính trị được nâng cao, các chủ trương, chính sách được ban hành đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển du lịch bền vững, khẳng định vai trò của các DTLS - VH trong việc hiện thực hóa chủ trương đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nhiều di tích quan trọng được đầu tư tôn tạo, tiêu biểu là DTLS - VH Cố đô Hoa Lư; Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An..., góp phần nâng tầm vị thế văn hóa - du lịch của tỉnh. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX (2010) và XXI (2015) đều xác định văn hóa là nền tảng tinh thần, là động lực nội sinh để phát triển Ninh Bình một cách toàn diện, bền vững, với mục tiêu xây dựng con người mang đậm bản sắc dân tộc, nhân văn và hướng đến các giá trị chân - thiện - mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo của UBND tỉnh, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được quan tâm, đã gặt hái được những thành quả đáng tự hào. Tỉnh Ninh Bình đã tiến hành tổng kiểm kê các DTLS - VH và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, lập hồ sơ xếp hạng cấp quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh đối với các DSVH, DTLS - VH nổi bật, đặc sắc. Các DTLS - VH được bảo tồn, tôn tạo và phát huy, đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, giữ gìn phát huy giá trị các DSVH, quảng bá, giới thiệu về văn hóa, về hình ảnh, vùng đất, con người Ninh

Bình, tạo nguồn động lực quan trọng phát triển KT - XH. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống và huy động nguồn lực xã hội hóa cũng đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy còn một số hạn chế, song những thành tựu đạt được trong giai đoạn này đã khẳng định bước tiến rõ nét trong tư duy và hành động của Đảng bộ tỉnh đối với việc gìn giữ và phát huy giá trị các DTLS - VH, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo với những yêu cầu và nhiệm vụ trong thời kỳ mới, cơ hội mới, thách thức mới. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cần kế thừa truyền thống lịch sử, kiên định mục tiêu và đường lối đổi mới, vận dụng sáng tạo, linh hoạt trong điều kiện thực tiễn của địa phương, nâng cao hơn nữa chất lượng lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH và truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư, tạo nền tảng vững chắc xây dựng Ninh Bình phát triển nhanh, bền vững.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa (2005 - 2020)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạch định chủ trương bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa phù hợp với thực tiễn địa phương.

Ninh Bình là vùng đất ken dày các DTLS - VH, trong đó có DTLS - VH cấp quốc gia, DTLS - VH cấp quốc gia đặc biệt, Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, do đó, Trung ương Đảng và Nhà nước đã quan tâm, đưa ra những định hướng chỉ đạo đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH ở địa phương. Với tinh thần đó, trong quá trình lãnh đạo, Đảng và Nhà nước đã từng bước hoàn thiện đường lối văn hóa nhằm chấn hưng nền văn hóa Việt Nam, để văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, DTLS - VH, các Nghị quyết của Trung ương Đảng đều nhấn mạnh vai trò của di sản đối với quá trình xây dựng và phát triển đất nước, hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước nhằm thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng về bảo tồn DTLS - VH gắn với phát triển KT - XH được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện, các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã góp phần to lớn vào việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội IX (2001) của Đảng và sự cụ thể hóa của Chính phủ về phát triển văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Kế thừa và phát huy giá trị các DTLS - VH của vùng đất Cố đô, những thành quả của thế hệ cha ông, từ năm 2005 đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhận thức sâu sắc vai trò của văn hóa và DTLS - VH trong quá trình xây dựng và phát triển, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH được coi là một trong những yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững của tỉnh, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ

tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX (2005- 2010) đề ra chủ trương: “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của địa phương; trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa; triển khai thực hiện Quyết định số 82-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư” [135, tr.74]. Chủ trương trên của Đảng bộ tỉnh thể hiện công tác bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, có nề nếp, khắc phục tình trạng xuống cấp ở một số di tích, đẩy mạnh việc tăng cường trách nhiệm quản lý đối với các DTLS - VH theo sự phân cấp quản lý di tích trên địa bàn tỉnh.

Đại hội lần thứ IX (2006), lần thứ X (2011) của Đảng luôn chú trọng đến công tác văn hóa nói chung, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của các DTLS-VH nói riêng. Ngày 09/6/2014, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín BCH Trung ương Đảng Khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) được ban hành, BCH Đảng bộ Ninh Bình đã xây dựng Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 28/7/2014 thực hiện Nghị quyết 3-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu, gắn bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa với phát triển kinh tế và du lịch. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa đặc trưng của tỉnh, đặc biệt là danh thắng Tràng An - Di sản văn hóa, thiên nhiên thế giới” [142, tr.5]

Chương trình hành động của Tỉnh ủy với những nội dung quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp xây dựng, phát triển văn hóa, con người, trong đó, một trong các nhiệm vụ trọng tâm là huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các DTLS - VH tiêu biểu; gắn bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa với phát triển kinh tế du lịch là chủ trương nhất quán của Đảng bộ trong phát triển ngành dịch vụ. Điểm mới trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020 là việc nhấn mạnh: “Bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng. Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững” [143, tr.237].

Đại hội XII (2016) của Đảng thông qua các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế xã hội, trong đó nhấn mạnh: “Khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và giữ gìn vệ sinh môi trường” [45, tr.785]. Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về văn hóa nói chung, về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nói riêng là cơ sở để các Đảng bộ và chính quyền các tỉnh đưa ra các chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững. Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống; gắn kết bảo tồn phát huy giá trị di sản, di tích lịch sử - văn hóa, tài nguyên khoáng sản, cảnh quan thiên nhiên của tỉnh với phát triển KT - XH, nhất là du lịch” [148, tr.5]. Nghị quyết 10-NQ/TU đã cho thấy nhận thức của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về lĩnh vực văn hóa ngày càng được nâng cao. Bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH phục vụ giáo dục truyền thống, gắn kết bảo tồn, phát huy giá trị di sản, DTLS - VH với phát triển KT - XH, nhất là du lịch vẫn là chủ trương nhất quán của Đảng bộ tỉnh.

Nghiên cứu sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình qua hai giai đoạn 2005 - 2010 và 2010 - 2020 cho thấy, bước sang giai đoạn 2010 - 2020, công tác này được quan tâm, đẩy mạnh và triển khai toàn diện hơn, thông qua việc ban hành các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, các quyết định của UBND tỉnh. Nhờ vậy, các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh được triển khai đồng bộ, bài bản và đạt hiệu quả cao hơn so với giai đoạn 2005 – 2010. Trong lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã có nhiều điểm mới, sáng tạo. Nổi bật là việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và quảng bá di sản; kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo, từng bước hình thành “kinh tế di sản”; đưa mục tiêu xây dựng Ninh Bình trở thành đô thị di sản, thành phố sáng tạo vào quy hoạch phát triển dài hạn; tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực cộng đồng và doanh nghiệp gắn với cơ chế, chính sách ưu đãi; đồng thời triển khai nhiều mô hình gắn kết cộng đồng nhằm nâng cao ý thức bảo tồn và quảng

bá văn hóa địa phương. Những sáng tạo này góp phần làm cho công tác bảo tồn di sản ở Ninh Bình ngày càng hiện đại, bền vững và có sức lan tỏa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các cấp, ngành đã cụ thể hóa chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn, tôn tạo di tích và phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch - lĩnh vực thế mạnh của địa phương. Đa dạng hóa các loại hình du lịch gắn với bảo tồn di sản theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả. Bên cạnh đó, các hoạt động bảo tồn, bảo tàng, lễ hội truyền thống, giới thiệu về lịch sử, truyền thống cách mạng, các giá trị văn hóa của dân tộc, quê hương đã góp phần bồi đắp, phát huy tinh thần yêu nước, khơi dậy, nuôi dưỡng niềm tự hào về quê hương Ninh Bình trong thế hệ trẻ và các tầng lớp nhân dân. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, xác định Ninh Bình là vùng đất vừa cổ kính với Cố đô Hoa Lư nghìn năm văn hiến, vừa hiện đại hòa mình với quá trình mở cửa, hội nhập của đất nước.

Thứ hai, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã tăng cường chỉ đạo, kịp thời đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc tinh thần các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình của BCHTW Đảng, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã ban hành các Chương trình, Đề án, Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện với những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể cho các ngành, địa phương. Vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình quyết định đến thành công trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Đây là cơ sở quan trọng để biến nhận thức thành hành động, đưa chủ trương, nhiệm vụ này vào kế hoạch phát triển KT - XH, nhờ đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hóa, DTLS - VH từng bước được nâng lên. Các Cấp Ủy đảng, Chính quyền, các cơ quan chức năng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng bộ tỉnh về văn hóa với nhiều giải pháp sáng tạo, phù hợp và hiệu quả.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của các DTLS - VH, trên cơ sở xuất phát từ thực tiễn của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành các chủ trương ưu tiên đầu tư cả nhân lực, vật lực vào công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, gắn công tác này với chiến lược phát triển KT - XH của Ninh Bình. Với mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với tăng trưởng kinh tế, đảm bảo phát triển bền vững, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của Ninh Bình. Đảng bộ tỉnh đã đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Đối với bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, Đảng bộ tỉnh coi trọng: “trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, khai thác phát huy những giá trị văn hóa dân gian tại các di tích trong các dịp lễ hội truyền thống” [136, tr.7]. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong tổ chức các hoạt động văn hóa, gắn việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH với kế hoạch phát triển KT - XH của từng địa phương. Trong chương trình phát triển văn hóa - xã hội bền vững, Đảng bộ tỉnh coi trọng giải pháp xây dựng cơ chế giữ gìn, khai thác, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống.

Trong Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đưa ra các giải pháp cụ thể về xây dựng và phát triển văn hóa nói chung và công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nói riêng. Trong đó, trước hết là xác định xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, nét văn hóa và phong cách người Ninh Bình là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; Tăng cường công tác thanh tra, giám sát các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư. Đồng thời, chú trọng xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa có chuyên môn vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp; Coi trọng đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Một

trong các giải pháp nhằm đẩy mạnh việc phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh được Đảng bộ tỉnh quan tâm là đẩy mạnh thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống giàu tính nhân văn và mang đậm bản sắc văn hóa, con người vùng đất Cố đô Hoa Lư, gắn với các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc và chỉ đạo các cơ quan báo chí, các cơ quan thông tin tuyên truyền trên địa bàn tỉnh đảm bảo hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, đúng quy định pháp luật, thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về các ngày lễ lớn, sự kiện lớn của đất nước và địa phương, tuyên truyền, quảng bá về các DTLS - VH, các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của địa phương. BTV Tỉnh ủy chỉ đạo, phối hợp tổ chức nhiều hội thảo khoa học cấp tỉnh, cấp quốc gia, các sự kiện chính trị, văn hóa, các hội thi... tăng cường các đề tài khoa học cấp tỉnh nhằm nghiên cứu, xác định truyền thống lịch sử - văn hóa. Chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục quảng bá rộng rãi về việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản nói chung, DTLS - VH nói riêng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các sở, ban, ngành của tỉnh thực hiện tuyên truyền thông qua nhiều hình thức khác nhau, phối hợp với các cơ quan truyền thông địa phương và trung ương đăng tin bài giới thiệu, quảng bá về văn hóa, con người Ninh Bình, về hệ thống các DTLS - VH và danh lam thắng cảnh của quê hương, thông tin tuyên truyền về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH được đẩy mạnh ở tất cả các loại hình báo chí và các ấn phẩm như: Đài Truyền hình Việt Nam, Kênh Truyền hình Thông tấn xã Việt Nam, Truyền hình Quốc hội, Đài Tiếng nói Việt Nam, *Báo Nhân dân*, *Báo Quân đội nhân dân*, Cổng thông tin điện tử tỉnh, *Báo Ninh Bình*, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, *Tạp chí Văn nghệ Ninh Bình*... Các cơ quan báo chí đã thông tin thường xuyên, định kỳ, đậm nét để cộng đồng và người dân có thể truy cập và tìm hiểu giá trị của di sản, từ đó tuyên truyền, quảng bá tới cộng đồng.

Bên cạnh các giải pháp đã triển khai, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm đến việc giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, gắn liền với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Công tác này ngày càng được chú trọng, có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Sở Văn

hóa và Thể thao phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn và các sở ban ngành liên quan triển khai các hoạt động, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử - văn hóa dân tộc, tham quan tìm hiểu các di tích, góp phần nâng cao hiểu biết của học sinh, sinh viên về văn hóa truyền thống, về giá trị của các di tích đối với sự hình thành và phát triển quê hương, đất nước.

Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với UBND các huyện, thành phố tích cực thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về bảo vệ và phát huy giá trị của di tích như xuất bản sách, tài liệu nghiên cứu về văn hóa, DTLS - VH, lịch sử truyền thống quê hương, nhất là các giá trị lịch sử - văn hóa liên quan đến triều đại nhà Đinh và không gian văn hóa Hoa Lư phục vụ cho công tác giáo dục lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, phục vụ công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của DTLS - VH trong quá trình xây dựng và phát triển. Đặc biệt là phát huy giá trị của di tích qua Du lịch, đã góp phần đưa hình ảnh vùng đất và con người, đặc trưng về văn hóa, khối lượng đồ sộ các DTLS - VH đặc sắc của Ninh Bình đến gần với bạn bè trong nước và quốc tế.

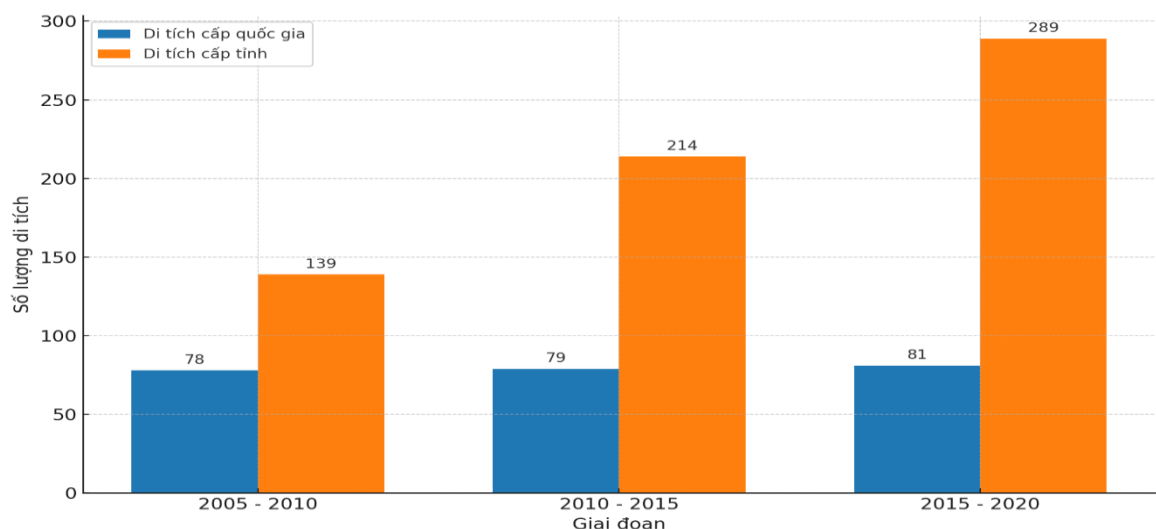
Thông qua việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, Ninh Bình đã phát huy tiềm năng và vị thế của mình. Trước năm 2005, những di tích này chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng và chưa được khai thác hiệu quả, với rất ít người biết đến và nguồn thu từ di tích còn hạn chế. Trong giai đoạn 2005 - 2020, Nhà nước đã đầu tư để bảo tồn, tôn tạo và khai thác, làm cho các di tích dần trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách. Đặc biệt, từ khi quần thể Tràng An được công nhận là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới vào năm 2014, cùng với các công trình bảo tồn và tôn tạo khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính và những DTLS - VH khác đã thu hút ngày càng nhiều du khách trong nước và quốc tế đến Ninh Bình. Vị thế và tiềm năng du lịch của Ninh Bình đã được quảng bá rộng rãi ra thế giới, tạo cơ hội thu hút đầu tư và phát triển bền vững KT - XH cho tỉnh.

Vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình quyết định đến thành công trong công tác bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Đây là cơ sở quan trọng để biến nhận thức thành hành động, đưa chủ trương, nhiệm vụ này vào kế hoạch phát triển KT - XH, cùng với các giải pháp cụ thể, nhờ đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí,

vai trò và tầm quan trọng của văn hóa, DTLS - VH từng bước được nâng lên. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng bộ tỉnh về văn hóa với nhiều giải pháp sáng tạo phù hợp với hiệu quả.

Thứ ba, những thành tựu của công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa tại Ninh Bình đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh.

Công tác điều tra, xếp hạng di tích dần đi vào nề nếp: Điều tra, xếp hạng các DTLS - VH tạo cơ sở khoa học và pháp lý cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Trên cơ sở kết quả kiểm kê, căn cứ vào đề nghị của chính quyền và nhân dân địa phương, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan lập hồ sơ xếp hạng di tích đối với các di tích đảm bảo các tiêu chí theo quy định. Toàn tỉnh có 370 di tích đã được xếp hạng (289 di tích cấp tỉnh, 81 di tích cấp Quốc gia, trong đó có 3 di tích cấp Quốc gia đặc biệt, 1 Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới). Việc xếp hạng di tích được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng DTLS - VH và danh lam thắng cảnh.



Biểu đồ 4.1. Số lượng di tích được xếp hạng giai đoạn 2005 - 2020

Nguồn: tổng hợp các báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình, lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao (Tài liệu tham khảo số 87,95,96,108)

Hoạt động kiểm kê và xếp hạng di tích không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH mà còn tạo động lực thúc đẩy sự phát triển KT - XH của tỉnh. Di tích được kiểm kê, xếp hạng tạo cơ sở để địa phương có điều kiện thu hút đầu tư, phát triển du lịch văn hóa, tạo việc làm, nâng cao sinh kế cho người dân, đồng thời góp phần giáo dục cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và hướng tới phát triển bền vững.

Công tác tham mưu, quản lý nhà nước về di tích ngày càng được quan tâm: Hệ thống tổ chức, bộ máy lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Ninh Bình mang tính tập trung, thống nhất dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Các sở, ngành và chính quyền địa phương được phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm sự phân cấp rõ ràng và trách nhiệm trực tiếp ở cơ sở. Cùng với đó, hệ thống quản lý được phân cấp, phân công rõ ràng: Tổ chức bộ máy làm công tác quản lý DSVH các cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thường xuyên được kiện toàn theo quy định: ở cấp tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao giữ vai trò là cơ quan chuyên môn, là tổ chức bộ máy trực tiếp quản lý, triển khai các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS – VH, tham mưu cho UBND trong công tác quản lý nhà nước về DSVH. Từ năm 2005 đến năm 2020, tổ chức bộ máy này có nhiều sự biến động. Từ Sở Văn hóa - Thông tin, đến năm 2008 là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đến năm 2016 lại tách ra thành 2 sở là: Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch. Mặc dù có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, song lĩnh vực văn hóa nói chung, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS – VH nói riêng luôn được quan tâm sâu sắc. Từ năm 2016, Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về văn hóa gia đình, thể dục thể thao và quảng cáo. Bộ phận chuyên môn là Phòng Di sản văn hóa, có nhiệm vụ tham mưu xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực thi các văn bản pháp luật và chính sách liên quan trong toàn tỉnh. Phòng Di sản văn hóa có 08 cán bộ, công chức đều có trình độ đại học, trên đại học và cơ bản được đào tạo ngành bảo tồn, bảo tàng. Cấp huyện là Phòng Văn hóa - Thông tin, cấp xã bố trí 01 công chức văn hóa - xã hội tham mưu công tác quản lý DTLS - VH ở địa phương. Bên cạnh đó, Tỉnh thành

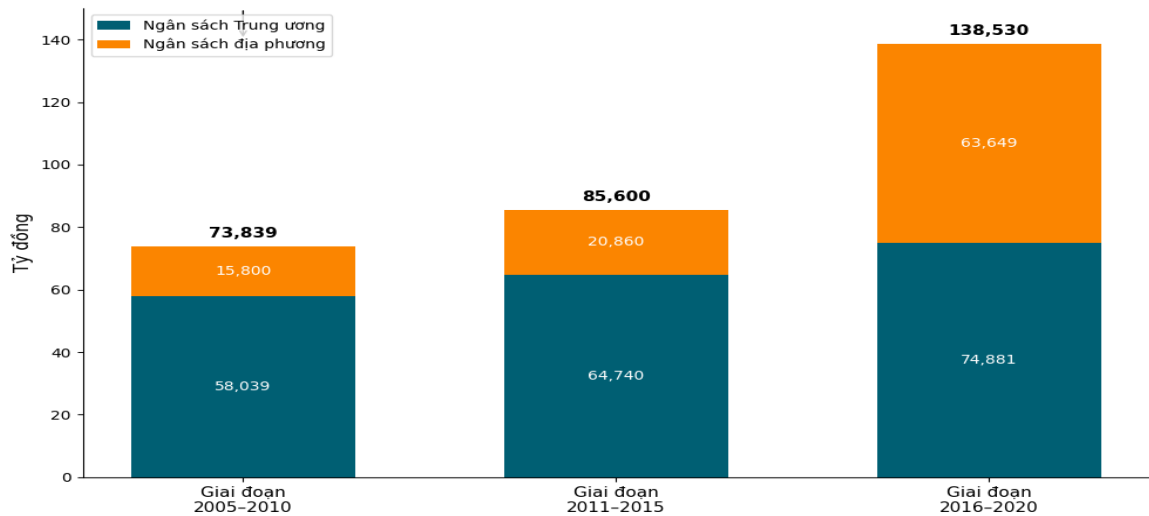
lập các đơn vị chuyên trách như Ban Quản lý Quần thể Danh thắng Tràng An, Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư để quản lý thống nhất và chuyên nghiệp di sản thế giới cũng như các di tích trọng điểm. Đặc biệt, tỉnh khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhờ vậy, hệ thống tổ chức vừa tập trung, thống nhất vừa linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Từ năm 2005 đến năm 2020, quán triệt chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý di sản trên địa bàn tỉnh. Công tác tham mưu và quản lý nhà nước về DTLS - VH ngày càng hiệu quả đã góp phần phát huy giá trị DTLS - VH như một nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch. Quản lý minh bạch, bài bản tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, xã hội hóa hoạt động bảo tồn, đồng thời kiểm soát hợp lý quá trình khai thác nhằm đảm bảo phát triển du lịch bền vững, ngăn ngừa, xử lý kịp thời các sai phạm trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Bên cạnh đó, việc gắn kết di tích với các hoạt động kinh tế - dịch vụ đã nâng cao chất lượng đời sống người dân, thúc đẩy nhận thức cộng đồng về giá trị văn hóa, góp phần xây dựng môi trường sống văn minh. Công tác này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và ổn định xã hội.

Công tác trùng tu, tôn tạo di tích được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả

Về cơ bản các di tích trên địa bàn tỉnh được xây dựng bằng vật liệu truyền thống, chủ yếu là gỗ, nên độ bền không cao. Trải qua hàng trăm năm cùng tác động của khí hậu khắc nghiệt, biến cố lịch sử và môi trường xã hội, nhiều di tích đã xuống cấp với mức độ khác nhau. Nhận thức được giá trị và thế mạnh từ hệ thống DTLS - VH, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng triển khai công tác trùng tu, tôn tạo một cách thận trọng, tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước và Luật Di sản văn hóa, Nghị định 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ, Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các đơn vị tham gia tư vấn, thi công tu bổ di tích đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực tu bổ di tích, được cấp giấy chứng nhận đủ điều

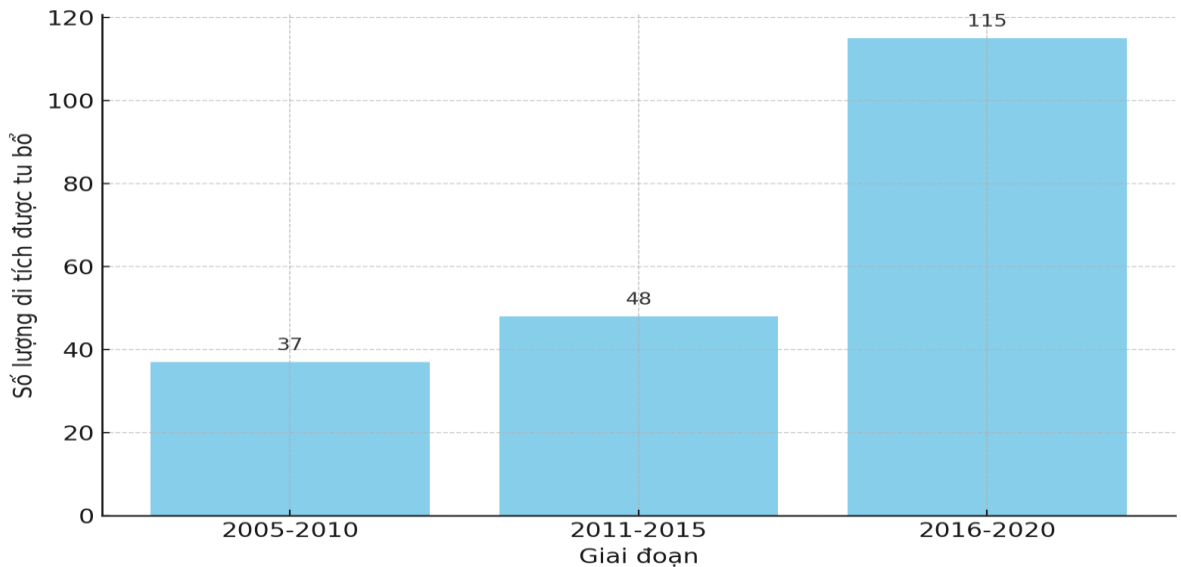
kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định. Các DTLS - VH được trùng tu, tôn tạo đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định, được các cơ quan chức năng thẩm định.



Biểu đồ 4.2. Nguồn vốn từ Chương trình Mục tiêu quốc gia cho công tác trùng tu, tôn tạo các DTLS - VH giai đoạn 2005 - 2020

Nguồn: tổng hợp các báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình, lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao (Tài liệu tham khảo số 95,98,103)

Nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia cho việc trùng tu, tôn tạo các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tăng mạnh qua các giai đoạn, đặc biệt là giai đoạn 2016 - 2020, tổng số vốn gấp 1.88 lần so với giai đoạn 2005 - 2010, riêng nguồn vốn từ ngân sách địa phương gấp 4.02 lần. Có thể thấy, sự phát triển KT - XH của Ninh Bình đã góp phần rất lớn vào hiệu quả bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Ngoài nguồn tu bổ chống xuống cấp của chương trình mục tiêu quốc gia, việc trùng tu, tôn tạo di tích còn có các nguồn đầu tư khác như: Vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp; vốn do Chính phủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong bảo tồn, phát huy giá trị DSVH, Ninh Bình đã huy động được nguồn kinh phí lớn từ các tổ chức, cá nhân để trùng tu, tôn tạo di tích với phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Trong giai đoạn 2005 - 2020, bình quân mỗi năm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có từ 10 - 15 di tích được thực hiện tu bổ bằng nguồn xã hội hóa và nhân dân công đức, ước tính nguồn kinh phí mỗi năm lên đến hàng chục tỷ đồng.



Biểu đồ 4.3. Số lượng di tích lịch sử - văn hóa được tu bổ, tôn tạo giai đoạn 2005 - 2020

Nguồn: tổng hợp các báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao Ninh Bình, lưu tại Kho lưu trữ Sở Văn hóa và Thể thao (Tài liệu tham khảo số 94,96,105)

Số lượng DTLS - VH được tu bổ, tôn tạo phát triển mạnh qua các giai đoạn, đặc biệt trong những năm 2016 - 2020, số lượng DTLS - VH tăng gấp 2.4 lần so với giai đoạn 2011 - 2015 và gấp 3 lần so với giai đoạn 2005 - 2010. Cùng với sự quan tâm của Trung ương, sự phát triển KT - XH của địa phương góp phần to lớn vào quá trình bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

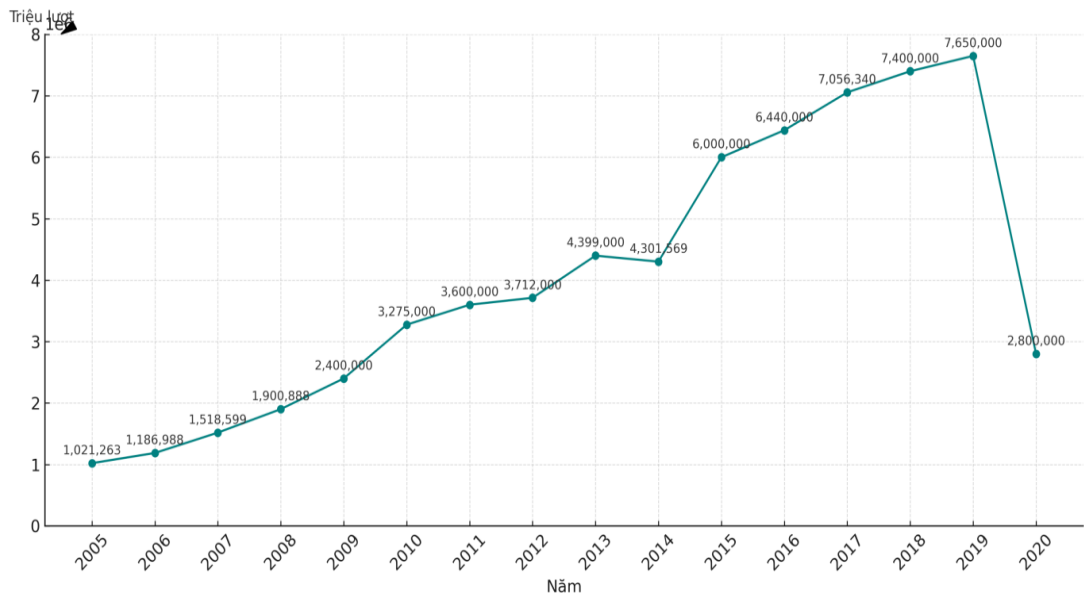
Trong 15 năm (từ năm 2005 đến năm 2020), công tác trùng tu, tôn tạo các DTLS-VH của tỉnh Ninh Bình đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Các di tích được trùng tu, tôn tạo kịp thời, đảm bảo giữ gìn tính nguyên gốc của di tích, đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật và tính bền vững lâu dài, đồng thời bảo vệ di tích trước sự xâm hại của thiên nhiên và con người. Một số DTLS - VH được đầu tư đồng bộ về trùng tu tôn tạo, bảo vệ, trở thành điểm du lịch hấp dẫn thu hút đông đảo lượng khách tham quan du lịch, nghiên cứu, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho người lao động và phát triển KT - XH của địa phương, có ý nghĩa lớn trong việc giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào quê hương, tự hào dân tộc, nhất là đối với thế hệ trẻ trong việc bảo vệ, phát huy giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa quê hương trước bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa qua bảo tàng có nhiều chuyển biến tích cực

Giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2020, hoạt động của bảo tàng tỉnh Ninh Bình đã dần đi vào nề nếp, từng bước đổi mới, chú trọng phục vụ công chúng thông qua nhiều hình thức thiết thực như phối hợp với các cơ sở giáo dục tổ chức tham quan, học tập, trải nghiệm, triển khai chương trình “Đưa hiện vật bảo tàng tới trường học”, trưng bày chuyên đề và lưu động trong và ngoài tỉnh. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức, tình yêu và niềm tự hào của thế hệ trẻ đối với DSVH mà còn tạo ra sản phẩm du lịch đặc thù, gắn kết bảo tàng với các di tích tiêu biểu như Cố đô Hoa Lư, Tràng An, Bái Đính. Lượt khách đến tham quan bảo tàng ngày càng cao, qua đó, hoạt động bảo tàng đã góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, khuyến khích đầu tư hạ tầng và định hình tư duy phát triển bền vững, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, trở thành nhân tố quan trọng trong chiến lược phát triển KT - XH của tỉnh. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH qua hoạt động bảo tàng trở thành một nhân tố quan trọng trong chiến lược phát triển KT - XH của tỉnh.

Công tác phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, đã mang lại hiệu quả rõ nét, góp phần nâng cao đời sống nhân dân và từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Giai đoạn 2005 - 2020, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và UBND tỉnh Ninh Bình, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH gắn với phát triển kinh tế du lịch đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Cơ chế quản lý nhà nước về du lịch từng bước được kiện toàn, hoạt động hiệu quả hơn, góp phần thúc đẩy quá trình đầu tư, bảo tồn và tôn tạo các DTLS - VH tiêu biểu, đồng thời nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Hệ thống thiết chế, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch phát triển cả về quy mô và chất lượng; một số khu, điểm du lịch trọng điểm cùng các cơ sở lưu trú cao cấp được xây dựng và đưa vào khai thác hiệu quả. Số lượt khách du lịch đến Ninh Bình ngày một tăng:



Biểu đồ 4.4. Lượt khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn (2005 - 2020)

Nguồn: Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch Ninh Bình, lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch (Tài liệu tham khảo số 82, 94, 96)

Từ năm 2005 đến năm 2020, số lượng khách du lịch đến Ninh Bình tăng dần qua từng năm, đặc biệt, năm 2014, khi Quần thể Tràng An được công nhận là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, thu hút được sự quan tâm của đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế, nhờ đó lượng khách đến Ninh Bình năm 2015 tăng vượt bậc so với các năm trước. Đến năm 2020, lượng khách giảm sâu do nguyên nhân khách quan (ảnh hưởng của đại dịch Covid 19).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS - VH gắn với phát triển du lịch đã đạt được nhiều thành tựu cơ bản, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đặc biệt là người dân trong các khu di sản, mở rộng không gian cho thị trường hàng hóa, dịch vụ, các ngành nghề truyền thống, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Văn hóa nói chung, DTLS - VH nói riêng thực sự đóng vai trò là hạt nhân, là trung tâm thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình.

So sánh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH giữa Ninh Bình và Quảng Ninh, địa phương có nhiều nét tương đồng với Ninh Bình. Tỉnh Ninh Bình và tỉnh Quảng Ninh đều là những vùng đất nổi bật về DTLS - VH của Việt Nam. Cả hai địa phương đều có bề dày lịch sử lâu đời, gắn liền

với những dấu mốc quan trọng của dân tộc. Ninh Bình nổi tiếng với cố đô Hoa Lư - Kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến tập quyền Đại Cồ Việt, cùng quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới. Trong khi đó đặc điểm, loại hình di sản ở Quảng Ninh có sự kết hợp giữa DSVH và cảnh quan biển đảo. Di sản văn hóa ở Quảng Ninh bao gồm DSVH vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên thế giới (Vịnh Hạ Long), hệ thống DTLS - VH đa dạng, gồm các di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ. Tính đến năm 2020, “Quảng Ninh có 632 di tích được kiểm kê, trong đó có 144 di tích được xếp hạng, cụ thể: 5 di tích quốc gia đặc biệt (trong đó có 1 di sản thiên nhiên thế giới), 54 di tích cấp quốc gia, 85 di tích cấp tỉnh” [110, tr.1]. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Quảng Ninh được Đảng bộ tỉnh quan tâm sâu sắc, Trong nhiệm kỳ 2005 - 2010, định hướng xuyên suốt của Đảng bộ tỉnh là giữ vững và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống. Trong đó tập trung: “Phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Bảo tồn di tích cách mạng, di tích lịch sử, di tích văn hóa, nghiên cứu, thí điểm về các làng, bản cổ tiêu biểu của các dân tộc” [39, tr.61]. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015, chú trọng công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH, DTLS - VH gắn với phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là du lịch biển đảo, du lịch tâm linh, chủ trương: “Tập trung bảo tồn di tích cách mạng, di tích lịch sử, di tích văn hóa, các giá trị văn hóa vật thể. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ, bảo tồn, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa phi vật thể với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại” [40, tr.81-82]. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Tiếp tục thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng tại Quảng Yên và Khu di tích nhà Trần tại Đông Triều, Đề án mở rộng Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử nhằm mục tiêu xây dựng Yên Tử thành trung tâm Phật Giáo - Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam” [41, tr.96-97]. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo các hoạt động phân cấp, quản lý DTLS - VH, kiểm kê, xếp hạng di tích, bảo tồn di tích, giáo dục truyền thống gắn với DTLS - VH và phát huy giá trị các DTLS - VH qua hoạt động bảo tàng và phát triển kinh tế du lịch. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá

trị các DTLS - VH của Quảng Ninh đã đạt những kết quả vượt trội. Tính từ khi có Luật Di sản văn hóa năm 2001 đến 2021: “Giai đoạn sau khi có Luật Di sản văn hóa, tỉnh Quảng Ninh triển khai khoảng trên 300 dự án (bảo gồm cả di sản thiên nhiên thế giới, di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh) với tổng số kinh phí trên 4.000 tỷ đồng (kinh phí ngân sách nhà nước khoảng trên 1.000 tỷ đồng; kinh phí xã hội hóa khoảng 2.700 tỷ đồng)” [110, tr.7]. Bảo tàng Quảng Ninh là bảo tàng tổng hợp cấp tỉnh đầu tiên trong cả nước chủ động được nguồn thu, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính 100%. Hoạt động du lịch phát triển vượt trội, đến năm 2020 có 2080 cơ sở lưu trú và doanh thu từ du lịch đạt hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm.

Di tích lịch sử - văn hóa Ninh Bình mang đặc thù của một vùng kinh đô cổ, gắn với khởi đầu độc lập dân tộc, nổi bật bởi sự hòa quyện giữa lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và cảnh quan thiên nhiên. Trong khi đó, di tích Quảng Ninh gắn với không gian biển đảo, biên giới, và trung tâm Phật giáo Yên Tử. So sánh cho thấy, nếu Ninh Bình đặc trưng bởi DTLS - VH mang dấu ấn Kinh đô cổ và di sản văn hóa - thiên nhiên, thì Quảng Ninh nổi bật với không gian biển đảo và trung tâm Phật giáo Trúc Lâm. Tỉnh Ninh Bình và tỉnh Quảng Ninh đều là các địa phương luôn quan tâm đến công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, đây cũng là điểm chung của Ninh Bình và Quảng Ninh trong công tác này, không chỉ bảo vệ, gìn giữ những giá trị lịch sử, giáo dục truyền thống văn hóa cho nhân dân, mà còn phát huy những tiềm năng, thế mạnh của DTLS - VH trong phát triển KT - XH. Mặc dù có nhiều tiềm năng phát triển và thực tế đã có những thành tựu đáng kể, tuy nhiên, có thể thấy hiệu quả thực hiện của Ninh Bình so với Quảng Ninh còn khá khiêm tốn, đặc biệt là về phát huy giá trị các DTLS - VH thông qua phát triển kinh tế du lịch. Song, thực tế đó cũng cho thấy du lịch Ninh Bình còn nhiều dư địa cho phát triển. Định hướng chính cho Ninh Bình là phát triển du lịch sinh thái, du lịch trên sông, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch cộng đồng (làng nghề, homestay vùng nông thôn). Với tiềm năng, thế mạnh của DTLS - VH Cố đô Hoa Lư, Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An, cùng hệ thống DTLS - VH phong phú, đa dạng, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình chủ trương phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát huy mạnh mẽ giá trị các DSVH, DTLS - VH gắn với phát triển du lịch để tạo bước đột phá mới, thu hút đông đảo du khách, đặc

biệt là du khách quốc tế đến với Ninh Bình, qua đó thúc đẩy hơn nữa công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở Ninh Bình.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH, tỉnh Ninh Bình đã nhận được sự quan tâm sâu sắc và chỉ đạo kịp thời từ Trung ương. Từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998), đường lối văn hóa của Đảng từng bước được hoàn thiện theo hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, coi văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di sản, Đảng xác định đây là bộ phận trọng yếu của công tác văn hóa, gắn kết chặt chẽ với phát triển KT - XH, đặc biệt là du lịch. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đặt nền móng khi khẳng định yêu cầu bảo tồn, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Các kỳ đại hội Đảng, nhất là từ Đại hội X (2006) đến Đại hội XII (2016) của Đảng, quan điểm này ngày càng được nhấn mạnh, coi bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS - VH không chỉ nhằm giữ gìn bản sắc, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc mà còn tạo nguồn lực, động lực cho phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Chủ trương của Đảng được cụ thể hóa bằng những định hướng chiến lược và chỉ đạo trực tiếp đối với địa phương trong quá trình triển khai thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH.

Ngày 29/4/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg phê duyệt "Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình". Quyết định này nhằm thiết lập cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của quần thể di tích Cố đô Hoa Lư theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Các mục tiêu cụ thể của quy hoạch bao gồm: bảo vệ, nghiên cứu và làm phong phú thêm các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của khu di tích; tạo tiền đề cho việc đề cử Cố đô Hoa Lư trở thành Di sản Văn hóa Thế giới; đồng thời là cơ sở để xây dựng các quy hoạch chi tiết, chương trình, dự án nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy hiệu quả giá trị khu di tích. Trên nền tảng đó, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã nghiêm túc quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và

Nhà nước, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. UBND tỉnh tích cực chỉ đạo triển khai các dự án bảo tồn và tôn tạo các DTLS - VH trọng điểm, đặc biệt là những công trình nằm trong chương trình mục tiêu quốc gia về bảo tồn di tích. Quần thể Tràng An - một di sản kép được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới vào năm 2014 - đã trở thành biểu tượng tiêu biểu cho sự kết hợp hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững. Việc được công nhận ở tầm quốc tế không chỉ nâng cao vị thế của Ninh Bình trên bản đồ du lịch toàn cầu, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc bảo vệ giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên của khu vực. Ngày 04/02/2016, Thủ tướng Chính phủ đã Ban hành Quyết định số 230/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình, thể hiện rõ sự quan tâm của Trung ương đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa - thiên nhiên tại Ninh Bình. Văn bản xác lập ranh giới bảo vệ di sản, định hướng phát triển bền vững gắn với bảo tồn, đồng thời khẳng định vị thế quốc gia và quốc tế của Tràng An trong chiến lược phát triển văn hóa - du lịch của Việt Nam. Điều này cho thấy Trung ương đã có những định hướng rõ ràng, đồng bộ trong việc đầu tư, quy hoạch và quản lý di sản, đồng thời khẳng định cam kết lâu dài trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế địa phương.

Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã phát huy năng lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, xác định bảo tồn và phát huy các DTLS - VH là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển văn hóa gắn với kinh tế và du lịch bền vững. Thông qua các nghị quyết, chương trình hành động, Đảng bộ tỉnh đã khẳng định hệ thống DTLS - VH là nguồn lực nội sinh và nền tảng cho phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập, qua đó giáo dục truyền thống, nuôi dưỡng lòng yêu nước, đặc biệt trong thế hệ trẻ.

Hai là, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, huy động hiệu quả sự tham gia của cả hệ thống chính trị và các thành phần kinh tế vào bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tuyên truyền trong việc truyền tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đến cán bộ, đảng

viên và nhân dân, từ đó hình thành nhận thức đúng đắn và thống nhất trong hành động. Đảng bộ tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các địa phương và cơ quan chuyên môn ngành Văn hóa, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của DTLS - VH. Nhờ đó, ý thức chủ động, tự giác và trách nhiệm trong bảo tồn di sản được lan tỏa sâu rộng. Thông qua các nghị quyết và chương trình hành động, chủ trương của Đảng về văn hóa được phổ biến rộng rãi, tạo sự thống nhất trong triển khai giữa các cấp, ngành. Sở Văn hóa và Thể thao đã chủ động phối hợp, huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa để thực hiện các dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH, cải thiện cảnh quan và xây dựng hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH và hội nhập.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhận thức về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Vai trò quản lý, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực này được thể hiện rõ nét với tinh thần chủ động, tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được phát huy đồng bộ; các ngành, đoàn thể đều tích cực tham gia, cùng với đó là sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, tạo nên sự đồng thuận xã hội rộng rãi. Các sở, ban, ngành đã chủ động, kịp thời đề ra giải pháp và huy động nguồn lực để tập trung thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tăng cường tính minh bạch trong quản lý, điều hành, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân. Những kết quả này đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng khối đoàn kết, nhất trí và phát huy dân chủ, huy động sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

Ba là, Đảng bộ tỉnh luôn coi trọng công tác kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo và thông qua UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa - Thể thao, UBND các huyện, các sở, ngành liên quan thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong

quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, Đảng bộ tỉnh chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đề cao trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu và phát huy tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, công chức. Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng và các địa phương có DTLS - VH thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý các vi phạm về quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Công tác kiểm tra, giám sát luôn gắn với tuyên truyền, phổ biến và vận động các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, bảo tồn DTLS - VH.

Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết về phát triển văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ. Năm 2018, BTV Tỉnh ủy tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của BCHTW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU đối với tập thể và một số cá nhân trong BTV Huyện ủy Yên Mô, Đảng ủy Sở Văn hóa và Thể thao, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh. Các Huyện ủy, Thành ủy đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU đối với các đảng ủy, chi ủy trực thuộc gắn kết với kiểm tra việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết khác và kiểm tra, đánh giá kết quả công tác hàng năm.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về DSVH. Hàng năm, đều tổ chức các Đoàn kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị DTLS - VH tại các địa phương trong tỉnh. Từ năm 2010 đến năm 2020, tiến hành kiểm tra với 161 lượt di tích, cơ sở thờ tự. Đồng thời đề nghị chính quyền địa phương, Ban quản lý di tích tiếp tục quan tâm đến công tác quản lý và phát huy giá trị các DTLS - VH.

Bốn là, những thành tựu trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, nhất là về kinh tế trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Cùng với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, từ năm 2005 đến năm 2020, Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình đã nỗ lực không ngừng thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển quê hương, đạt được nhiều thành tựu nổi bật về

KT - XH, tạo nền tảng vững chắc cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế, đặc biệt là du lịch và công nghiệp văn hóa, đã thúc đẩy nhu cầu bảo tồn di sản như một nguồn lực nội sinh. Các khu di tích như Cố đô Hoa Lư, Tràng An, Tam Cốc - Bích Động được đầu tư tu bổ, tôn tạo bằng cả ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội hóa. Việc xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với di sản đã biến giá trị văn hóa thành động lực phát triển kinh tế, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn và phát triển. Những thành tựu kinh tế từ công cuộc đổi mới không chỉ nâng cao đời sống vật chất, mà còn tạo điều kiện thuận lợi về nguồn lực, cơ chế và nhận thức để công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH tại Ninh Bình ngày càng phát triển bền vững. Tăng trưởng kinh tế góp phần không nhỏ trong việc thực hiện các chương trình, mục tiêu về văn hóa, trong đó có tu bổ, tôn tạo các DTLS - VH. Kinh tế và văn hóa có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Kinh tế phát triển tạo điều kiện cho văn hóa phát triển, và ngược lại, văn hóa là nguồn động lực lớn đối với phát triển kinh tế, đặc biệt là hệ thống các DTLS - VH là tiềm năng, thế mạnh thúc đẩy kinh tế, đặc biệt là kinh tế du lịch phát triển. Với nguồn lực được tích lũy từ thành quả phát triển KT - XH, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH ở Ninh Bình được thực hiện tốt, đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế. Cụ thể:

Thứ nhất, chủ trương, chính sách bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2005 - 2020, có thời điểm còn chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, nhất là sau khi tái lập tỉnh, bên cạnh việc lãnh đạo công tác xây dựng và phát triển KT - XH, công tác văn hóa, trong đó có bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nhận được sự quan tâm của Đảng bộ tỉnh và chính quyền nhân dân. Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa trong chiến lược chung phát triển KT - XH được nâng lên. Tuy nhiên, trong công tác nghiên cứu lý luận chưa làm rõ nhiều vấn đề liên quan đến văn hóa, đến bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS

- VH. Mặc dù Tỉnh ủy đã ban hành một số văn bản, chỉ thị và thông báo liên quan đến công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, song các nội dung chỉ đạo vẫn chưa mang tính toàn diện và đồng bộ. Đảng bộ chưa ban hành được văn kiện, nghị quyết chuyên đề về bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH. Các vấn đề như kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích, cũng như phân cấp quản lý đối với DTLS - VH chưa được đề cập đầy đủ. Việc phân cấp trách nhiệm quản lý di tích trên địa bàn tỉnh chưa có sự đồng bộ, thống nhất. Hiện Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định cụ thể về phân cấp và mô hình Ban quản lý các di tích, do vậy, cơ chế, chính sách còn lúng túng trong việc phân cấp và thành lập các ban quản lý di tích ở địa phương. Đối với các di tích đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, việc phân cấp quản lý được thực hiện theo Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh). Trong đó, trao quyền quản lý trực tiếp cho chính quyền địa phương và chủ sở hữu di tích là các cộng đồng dân cư. Trên thực tế, ngoài Cố đô Hoa Lư và Quần thể danh thắng Tràng An là do Ban quản lý di tích cấp tỉnh quản lý, còn Ban quản lý di tích cấp huyện quản lý đối với 4 di tích: núi Non Nước (thành phố Ninh Bình), đền Dâu - Quán Cháo, phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn (thành phố Tam Điệp), đền Thánh Nguyễn (huyện Gia Viễn). Các di tích còn lại do Ban Quản lý di tích cấp xã quản lý. Trên cơ sở Quy chế 34/2015/QĐ-UBND về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Ban Quản lý cấp xã tự soạn thảo quy chế hoạt động của mình, không nộp quy chế hoạt động về Sở Văn hóa và Thể thao và chưa có sự đồng nhất trong quy chế hoạt động của các Ban quản lý di tích cấp xã. Một số địa phương còn lúng túng trong việc phân cấp quản lý và thành lập các Ban Quản lý di tích ở địa phương như ở thành phố Tam Điệp, 3/6 di tích đã thành lập nhưng Ban quản lý chưa phù hợp (tại đền Dâu, đền Quán Cháo, chùa Lý Nhân). Công tác quản lý nhà nước về văn hóa chậm được đổi mới, có lúc, có nơi bị xem nhẹ, thậm chí buông lỏng. Công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH chưa chặt chẽ, năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu. Công

tác quy hoạch, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ làm trong lĩnh vực văn hóa, bảo tồn và phát huy DSVH nói chung, DTLS - VH nói riêng còn nhiều bất cập.

Ở một số nơi, hoạt động của Ban Quản lý và người được giao trách nhiệm quản lý di tích còn chưa được chú trọng đúng mức. Việc sắp xếp, trưng bày hiện vật trong khuôn viên di tích còn thiếu khoa học, gây cảm giác lộn xộn. Một số di tích được khảo sát vẫn chưa có bảng thông tin giới thiệu hoặc nội quy hướng dẫn tham quan, có nơi chỉ quan tâm đến dựng bia ghi danh công đức mà chưa chú ý đến việc giới thiệu về lịch sử hình thành và giá trị của di tích như: Di tích Đền Thái Phó Lê Niệm, xã Yên Mạc, huyện Yên Mô (di tích cấp quốc gia), Di tích Đền Thánh Nguyễn xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn (di tích cấp quốc gia), di tích Đình Mỹ Hạ, xã Gia Thủy, huyện Nho Quan (cấp quốc gia), di tích Đền Trần xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh (cấp tỉnh), di tích Đền Đông Hội, xã Ninh An, huyện Hoa Lư (cấp quốc gia)...

Thứ hai, hoạt động chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đảng bộ tỉnh có lúc, có nơi chưa sát sao

Công tác kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích mặc dù đã được quan tâm thực hiện, kết quả khả quan, song với số lượng di tích lớn, phong phú, đa dạng về loại hình, phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh, do đó công tác kiểm kê chỉ mới dừng lại ở hoạt động rà soát, thống kê, bước đầu nhận diện giá trị di tích. Số lượng di tích được xây dựng hồ sơ xếp hạng hàng năm, nhất là việc nâng cấp xếp hạng các di tích cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt còn ít, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức tôn giáo về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lập hồ sơ xếp hạng di tích còn hạn chế. Có những di tích có giá trị lịch sử - văn hóa lớn nhưng chưa được bảo tồn, trùng tu, tôn tạo như Đình làng Thượng, xã Khánh Thượng, Yên Mô, Ninh Bình. Theo danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, toàn tỉnh có 1821 di tích được kiểm kê, trong đó mới có 370 di tích được xếp hạng, còn lại chưa được lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích. Điều này gây khó khăn cho việc xây dựng chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng công tác quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH của tỉnh. Yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với Đảng bộ là cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm kê, xây dựng hồ sơ phân loại, xếp hạng các di tích nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các

DTLS - VH, tương xứng với vị trí và ý nghĩa to lớn của DTLS - VH trong tiến trình phát triển và giáo dục truyền thống văn hóa lịch sử.

Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích có thời điểm, có nơi chưa kịp thời. Còn nhiều di tích xuống cấp, trong đó có những di tích xuống cấp rất nghiêm trọng có nguy cơ không bảo tồn được yếu tố gốc, nhưng chưa được tu bổ kịp thời hoặc đã hỗ trợ tu bổ xong chưa khắc phục được tình trạng xuống cấp. Qua khảo sát cho thấy trên địa bàn tỉnh còn nhiều di tích có giá trị bị xuống cấp ở nhiều hạng mục, trong đó có những di tích xuống cấp nghiêm trọng toàn bộ công trình chính, có nguy cơ đổ sập không bảo tồn được như di tích Đình làng Hữu Thượng, Đình làng Vân Trình xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan (là 2 di tích cấp tỉnh) bị hỏng mái, tường nứt, mỗi một ăn mòn hầu hết hệ thống cột, mưa dột như ngoài trời, di tích đã được hỗ trợ kinh phí tu bổ xong chưa khắc phục tình trạng xuống cấp. Di tích cấp tỉnh Đình Núi Thiệu xã Gia Tân huyện Gia Viễn bị xuống cấp, dột nát, ẩm thấp, mối mọt, sụt mái, tường nứt, đồ phải lấy bạt che toàn bộ di tích, nhiều năm liền chưa được đầu tư tu bổ. Một số di tích cấp quốc gia như đình Mỹ hạ xã Gia Thủy huyện Nho Quan chùa và động Bàn Long xã Ninh Xuân huyện Hoa Lư, Chùa thôn Năm xã Khánh Tiên huyện Yên Khánh, chùa Lỗi Sơn xã Gia Phong huyện Gia Viễn xuống cấp nghiêm trọng, trong số di tích này có những di tích trong nhiều năm chưa được đầu tư bảo tồn, tôn tạo hoặc chống xuống cấp, một số di tích có nguy cơ không giữ được cần phải được quan tâm tu bổ khẩn cấp để cứu di tích. Công tác quy hoạch xác định ranh giới cấm mốc bảo vệ di tích đạt tỷ lệ thấp, trong thực hiện tu bổ tôn tạo di tích một số nơi còn tình trạng một số đồ thờ tự, hoành phi, câu đối cột đá đưa vào di tích viết chữ Hán sai chữ sai nghĩa, có loại vật liệu tu bổ sử dụng không phù hợp, sai lệch so với thiết kế thi công như: dùng gạch men có màu sắc khác ốp trên ban thờ lát nền lát sân, nhiều di tích lắp thêm 1 số công trình phụ hỗ trợ bằng khung sắt, mái tôn, che khuất tầm nhìn ảnh hưởng đến cảnh quan mỹ quan di tích như: chùa Phúc Nhạc, đền thôn Đồng xã Khánh Nhạc, chùa thôn Năm xã Khánh Tiên huyện Yên Khánh, đền Khánh Thượng xã Yên Lâm, Yên Mô; kể cả di tích quốc gia đặc biệt Chùa Nhất Trụ xã Trường Yên Hoa Lư cũng có tình trạng này. Di tích quốc gia Núi Cánh Diều, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình có nhiều hạng mục xuống cấp, nhiều nơi bị xâm lấn, tình trạng vứt rác thải bừa bãi gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường,

lỗi lên núi duy nhất được thiết kế các bậc thang bằng đá, qua thời gian bị hư hỏng, bong tách. Có di tích xây dựng không đúng phép như hạng mục Gác chuông tại chùa Bích Động, đặt 2 voi đá tại đền Thái Vi xã Ninh Hải - Hoa Lư. Có di tích tiến hành xây dựng khi chưa có văn bản cấp phép của cơ quan có thẩm quyền như di tích chùa Hoa Lâm, xã Ninh Xuân, Hoa Lư. Tại một số di tích, do nhân dân và ban quản lý di tích nhận thức chưa đầy đủ về giá trị di vật, cổ vật và các quy định bảo quản di vật cổ vật dẫn đến việc quản lý, bảo vệ hiện vật, di vật, cổ vật trong các di tích chưa được chặt chẽ, nhất là ở các di tích chưa được xếp hạng, các di tích nằm biệt lập với nhân dân, vẫn còn tình trạng tự ý thay đổi, di chuyển, sơn mới đồ thờ, hiện vật trong di tích.

Thứ ba, hiệu quả hoạt động phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa qua hoạt động bảo tàng và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh

Trong hoạt động Bảo tàng: Công tác sưu tầm tài liệu, hiện vật phục vụ trưng bày trong Bảo tàng đã được quan tâm nhưng kết quả chưa cao, nhất là các hiện vật có niên đại, giá trị lịch sử - văn hóa cao do đòi hỏi nguồn kinh phí lớn. Hiện vật trưng bày còn đơn điệu, chưa đáp ứng được nhu cầu tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu của du khách. Công tác kiểm kê, bảo quản hiện vật được thực hiện theo phương pháp thủ công, việc thực hiện số hóa bảo tàng, đổi mới hoạt động bảo tàng, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động bảo tàng còn chậm, nhiều hiện vật trong Bảo tàng cần phục chế lại để phục vụ cho công tác trưng bày. Công tác sưu tầm tài liệu, hiện vật phục vụ công tác trưng bày trong Bảo tàng đã được quan tâm nhưng còn gặp nhiều khó khăn,

Việc thu hút khách du lịch đến các DTLS - VH chủ yếu phát triển ở các địa điểm nổi tiếng như Khu di tích Cố đô Hoa Lư, Núi chùa Bái Đính, danh thắng Tràng An, Thung Nham, Tam Cốc - Bích Động... ngoài ra còn chưa khai thác được tiềm năng du lịch ở nhiều di tích có giá trị lịch sử - văn hóa như Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà thờ đá Phát Diệm (Kim Sơn), di tích cách mạng Quỳnh Lưu (Nho Quan), Di tích quốc gia đặc biệt Chùa Non Nước... Một số địa phương triển khai các hoạt động thu hút khách du lịch, song chưa quan tâm đúng mức đến bảo tồn DSVH. Lượt khách du lịch và doanh thu từ du lịch tuy có bước tăng trưởng cao song so với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh còn chưa tương xứng. Tình trạng xâm hại di sản, làm biến

dạng, sai lệch giá trị di sản tuy chỉ ở mức đơn lẻ nhưng đã tác động tiêu cực đến di sản. Việc nghiên cứu, giới thiệu, phát huy giá trị DTLS - VH trong đời sống cộng đồng còn hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh của cả cộng đồng trong bảo vệ, tuyên truyền và phát huy giá trị các di tích. Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển du lịch, ý thức trong việc bảo tồn, giữ gìn, trân trọng DTLS - VH, cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn còn hạn chế. Đặc biệt, có những công trình xây dựng trái phép, sai phạm nghiêm trọng như: Công trình đường dẫn lên núi do Công ty Cổ phần Du lịch Tràng An xây dựng từ giữa năm 2017, đã thực hiện đón khách. Công trình gồm khoảng 2 nghìn bậc thang đá được xây dựng không phép dẫn lên núi Cái Hạ. Đây là vùng lõi di sản Tràng An. Việc xây dựng này vi phạm điều 13 Luật Di sản Văn hóa, phá vỡ cam kết với UNESCO. UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, thanh tra, xác định vi phạm nghiêm trọng của công trình gây ảnh hưởng đến vùng lõi di sản. Công ty Cổ phần Du lịch Tràng An do ông Nguyễn Văn Sơn làm Giám đốc đã có đơn đề nghị tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên núi Cái Hạ, nằm trong vùng lõi Quần thể Danh thắng Tràng An, thời gian tháo dỡ trong 1 tháng, từ ngày 30/3 đến ngày 30/4/2018. Doanh nghiệp này cũng cam đoan trong quá trình tháo dỡ không để ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo an toàn lao động. Tuy nhiên, quá trình thi công khoan cắt vào núi đá, chặt cây cối khiến cho vùng lõi Di sản bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Mặc dù công trình đã được tháo dỡ, song cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong lãnh đạo chỉ đạo để tránh xảy ra những vi phạm ảnh hưởng đến vùng lõi di sản.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, một số cấp ủy, chính quyền trong tỉnh chưa thực sự quan tâm đầy đủ tới công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng, phát triển văn hóa và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS - VH bộc lộ một số bất cập, lúng túng, phương thức lãnh đạo chậm đổi mới, trong giải quyết công việc có lúc, có việc chưa thật quyết liệt. Việc cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng về văn hóa còn chậm, thiếu đồng bộ và có trường hợp thiếu tính khả thi. Hoạt động tuyên truyền, quảng bá, thu hút các dự án đầu tư phát triển lĩnh vực văn hóa và công

tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích chưa mang lại hiệu quả xứng tầm với tiềm năng của tỉnh. Trong lãnh đạo phát triển kinh tế chưa đặt đúng vị trí của văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Chưa xây dựng được cơ chế ưu đãi, khuyến khích, thu hút, huy động được nhiều nguồn lực từ các thành phần kinh tế. Chưa nắm bắt kịp thời những vấn đề mới về văn hóa để đầu tư đúng hướng và có hiệu quả, việc bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của các cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa và trách nhiệm xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH chưa thường xuyên, liên tục. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về xây dựng và phát triển văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH còn hạn chế. Công tác kiểm tra, đôn đốc có lúc, có nơi chưa thường xuyên, giải quyết công việc còn nể nang, né tránh. Trách nhiệm và sự nêu gương của một số cán bộ, đảng viên chưa được đề cao.

Hai là, công tác quản lý nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa chậm đổi mới, sự phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành, của tỉnh chưa chặt chẽ

Công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH chưa chặt chẽ, năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ làm trong lĩnh vực văn hóa, bảo tồn và phát huy DSVH nói chung, DTLS - VH nói riêng còn nhiều bất cập. Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa chặt chẽ, biện pháp thiếu đồng bộ, chưa phát huy được hết trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi đơn vị. Việc chỉ đạo triển khai và công tác kiểm tra, giám sát đối với một số chương trình, dự án trong từng thời điểm còn thiếu tính kiên quyết và chưa đảm bảo tính kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện. Do số lượng di tích lớn, nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH đã có cải thiện, được tỉnh quan tâm thường xuyên nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn khó khăn, có tình trạng trông chờ, ỷ lại vào nguồn hỗ trợ của Nhà nước.

Ba là, do tác động của điều kiện tự nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường

Công tác quản lý, bảo tồn, tu bổ và phục hồi các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ các yếu tố khách quan như thời tiết

khắc nghiệt, vùng nhiệt đới nóng ẩm, mưa nhiều cùng với biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, áp lực từ quá trình đô thị hóa. Sự thay đổi về khí hậu và môi trường tự nhiên không chỉ đẩy nhanh quá trình xuống cấp vật chất của di tích mà còn làm gia tăng chi phí, phức tạp hóa quy trình bảo tồn. Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển hạ tầng đô thị, mở rộng không gian đô thị và nhu cầu sử dụng đất đã tạo ra những xung đột không nhỏ giữa mục tiêu phát triển kinh tế và nhiệm vụ bảo vệ các giá trị văn hóa - lịch sử truyền thống. Những yếu tố này đặt ra thách thức lớn cho các cơ quan chức năng trong việc xây dựng chiến lược bảo tồn bền vững, hài hòa giữa bảo vệ di sản và phát triển hiện đại.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đời sống xã hội đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, kéo theo sự thay đổi về hệ giá trị và chuẩn mực văn hóa truyền thống. Mặt trái của quá trình này đã tác động không nhỏ đến nhận thức và hành vi của một bộ phận người dân, làm gia tăng xu hướng thực dụng, coi nhẹ, thậm chí thờ ơ với việc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp dần bị mai một; các DTLS - VH gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của dân tộc không còn được coi trọng đúng mức.

4.2. Kinh nghiệm đúc rút từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa (2005 - 2020)

Từ thực tiễn lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Những bài học này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh tỉnh Ninh Bình mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính của ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình kể từ ngày 01/7/2025. Trong điều kiện mới, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển KT - XH và văn hóa của tỉnh, bảo đảm tính liên kết vùng, tính kế thừa và phát triển. Những kinh nghiệm đã được đúc kết từ quá trình lãnh đạo bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình giai đoạn trước không chỉ là nền tảng định hướng cho công tác văn hóa trong giai đoạn mới, mà còn góp phần xây dựng bản sắc văn hóa đặc trưng, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập.

4.2.1. Thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, coi đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH vào thực tiễn địa phương, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chức năng quản lý nhà nước là yếu tố nền tảng, định hướng cho các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín BCHTW khóa XI nêu 5 quan điểm chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa; quan điểm thứ năm chỉ rõ: “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng” [43, tr.49]. Một trong những nhóm giải pháp trong xây dựng và phát triển văn hóa là: “Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa” [43, tr.58].

Thực hiện chủ trương của Đảng, quán triệt tinh thần Hội nghị lần thứ chín BCHTW khóa XI, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo, ban hành các chủ trương nhằm khai thác, phát huy đầy đủ mọi tiềm năng, thế mạnh, giải phóng tối đa mọi nguồn lực, động lực nhằm xây dựng Ninh Bình trở thành một trung tâm lớn, có giá trị thương hiệu cao về du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản của vùng, quốc gia và quốc tế. Các cấp ủy đảng, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị nhận thức sâu sắc, đầy đủ, thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu.

Ủy ban nhân dân tỉnh cần kịp thời xây dựng các kế hoạch triển khai chủ trương của Đảng, chỉ đạo các Sở, Ban, ngành triển khai trong thực tiễn tiến hành bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, đặc biệt, các cấp, ngành phải coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị chứ không phải chỉ của riêng ngành văn hóa. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực bảo tồn, tôn tạo,

phục hồi các DTLS - VH. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thực hiện công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học để UBND tỉnh trình đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định xếp hạng các di tích cấp quốc gia. Nhằm tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với các di tích, UBND tỉnh đã ra các quyết định phân cấp quản lý đối với các di tích, quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Văn hóa và Thể thao, phòng Di sản văn hóa. Cùng với đó, UBND tỉnh ban hành các Quyết định triển khai thực hiện dự án bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH tiêu biểu như: Cố đô Hoa Lư, Chùa Bái Đính, Đền Thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Đền Thung Lá, Động Hoa Lư... đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, cắm mốc giới, khoanh vùng bảo vệ di tích. Thực hiện rà soát, lập danh mục di tích xuống cấp cần tu bổ, tôn tạo hàng năm theo thứ tự ưu tiên, phân kỳ đầu tư. Quản lý, giám sát chặt chẽ việc trùng tu, tôn tạo di tích, việc tiếp nhận, bài trí hiện vật trong di tích theo quy định. Thực tế cho thấy, các DTLS - VH được bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị gắn với hoạt động bảo tàng và phát triển du lịch đã tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về giá trị di sản, nhất là nhân dân sống trong vùng có di sản.

Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và nhân dân trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, coi đây là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ này. Nhờ đó, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH được các cơ quan báo chí trung ương và địa phương quan tâm đề cập, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về bảo tồn, phát huy giá trị di sản ở tất cả các loại hình báo chí và các ấn phẩm như: Đài Truyền hình Việt Nam, Kênh Truyền hình Thông tấn xã Việt Nam, Truyền hình Quốc hội, Đài Tiếng nói Việt Nam, *Báo Nhân dân*, *Báo Quân đội nhân dân*, Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình, Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình. Chỉ đạo Sở Thông tin - Truyền thông, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và các Sở, Ban, Ngành liên quan tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục quảng bá rộng rãi về việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản, thông tin thường xuyên, định kỳ, đậm nét để cộng đồng và người dân có thể truy cập và tìm hiểu giá trị của di sản, từ đó tuyên truyền, quảng bá tới nhân dân trong tỉnh, du khách trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các

ngành về hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực DSVH; vai trò, chức năng của DSVH trong phát triển KT - XH. Nội dung tuyên truyền nhằm quán triệt sâu rộng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa cũng như tầm quan trọng của bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH. Cùng với đó là tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, các Chương trình hành động, Chương trình Công tác toàn khóa, Nghị quyết, Chỉ thị của BCH Đảng bộ tỉnh, các Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát triển văn hóa - xã hội, tính bền vững của DTLS - VH, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo lợi ích kinh tế cho người dân ở những vùng có DTLS - VH để họ trở thành người giữ gìn DTLS - VH.

Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đưa nội dung giảng dạy DSVH của địa phương vào bậc học phổ thông, triển khai các hoạt động đưa DSVH tới trường học, tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu truyền thống văn hóa lịch sử qua các di tích, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thuyết minh về di tích, tiếp tục tổ chức các hoạt động cho học sinh các trường trên địa bàn tỉnh đăng kí chăm sóc di tích. Tích cực tuyên truyền, giáo dục truyền thống văn hóa lịch sử của quê hương, nâng cao hiểu biết của học sinh, sinh viên về văn hóa dân tộc thông qua tìm hiểu, nghiên cứu về DSVH, các DTLS - VH, qua đó bồi đắp tinh thần yêu nước, ý thức giữ gìn, bảo vệ và góp phần tuyên truyền, phát huy giá trị các DTLS - VH của thế hệ trẻ. Trong bối cảnh tỉnh Ninh Bình mới được thành lập, công tác tuyên truyền về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH được xác định là nhiệm vụ chiến lược nhằm khẳng định giá trị chung của hệ thống DTLS - VH, tôn vinh sự đa dạng trong thống nhất, lan tỏa thông điệp “di sản là tài sản chung”, và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, truyền thông đại chúng trong định hướng nhận thức cộng đồng. Thông qua đó, Đảng bộ tỉnh có thể vừa bảo đảm hiệu quả công tác bảo tồn, vừa tăng cường sự gắn kết xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, nhất là trong bối cảnh tỉnh Ninh Bình mới, Đảng bộ tỉnh giữ vai trò trung tâm trong việc hoạch định

chiến lược bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH phù hợp với đặc điểm đa dạng của tỉnh mới. Việc sáp nhập ba tỉnh mang đến sự phong phú về bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội, nhưng cũng đặt ra những khó khăn về sự thống nhất trong quản lý và phát huy giá trị di sản. Đảng bộ tỉnh chú trọng xác lập tầm nhìn liên vùng, xây dựng quy hoạch tổng thể về bảo tồn, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển KT - XH, du lịch và xây dựng đô thị văn hóa.

4.2.2. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Một trong những kinh nghiệm tiêu biểu của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH là huy động hiệu quả nguồn lực xã hội hóa. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác này, chú trọng huy động mọi nguồn lực và phát huy tối đa vai trò của các tầng lớp nhân dân, để văn hóa thực sự thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự nghiệp văn hóa nói chung, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nói riêng là sự nghiệp của toàn xã hội, mỗi tổ chức, cá nhân phải có ý thức trong việc gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích, tích cực học tập, triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước nói chung, của Đảng bộ và chính quyền Ninh Bình nói riêng về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, để văn hóa thực sự gắn với sự phát triển KT - XH.

Trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã thể hiện vai trò nòng cốt trong việc định hướng và tổ chức huy động các nguồn lực xã hội hóa. Bằng việc ban hành các chủ trương phù hợp, tạo cơ chế khuyến khích, động viên và phát huy trách nhiệm cộng đồng, Đảng bộ đã khơi dậy tinh thần tự nguyện, chủ động đóng góp của nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Nhờ đó, nhiều công trình di tích xuống cấp được tu bổ, nhiều giá trị văn hóa truyền thống được khôi phục và phát huy, góp phần lan tỏa tinh thần “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đồng thời huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước một cách hiệu quả. Thành công này không chỉ cho thấy năng lực lãnh đạo, điều hành của Đảng bộ tỉnh, mà còn khẳng định tính đúng đắn của chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực

văn hóa, tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH.

Trên cơ sở xác định rõ vai trò của cộng đồng và các thành phần kinh tế, Đảng bộ tỉnh đã ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức tôn giáo, cá nhân và cộng đồng dân cư vào quá trình bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Ninh Bình đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Nhiều công trình lớn được đầu tư theo hình thức xã hội hóa đã góp phần quan trọng vào việc tôn tạo, gìn giữ và phát huy giá trị của di sản văn hóa, tiêu biểu như Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An, chùa Bái Đính, các hạng mục trong Quần thể danh thắng Tràng An... Việc huy động nguồn lực xã hội đã giúp giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, đồng thời tạo động lực để cộng đồng, doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình bảo tồn di sản. Các doanh nghiệp tư nhân tại Ninh Bình đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH, tiêu biểu là Tập đoàn Xuân Trường và Tập đoàn Xuân Thành. Tập đoàn Xuân Trường, dưới sự dẫn dắt của doanh nhân Nguyễn Văn Trường, đã đầu tư xây dựng quần thể danh thắng Tràng An - chùa Bái Đính, thành một trung tâm du lịch tâm linh nổi tiếng. Tập đoàn Xuân Thành Ninh Bình cũng có những đóng góp thiết thực thông qua việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KT - XH và du lịch văn hóa. Các công trình như nhà thi đấu thể thao tỉnh, bệnh viện đa khoa, hệ thống đê điều và các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn... đã tạo nền tảng vững chắc cho việc khai thác hiệu quả tiềm năng di sản địa phương.

Kinh nghiệm từ thực tiễn là việc xã hội hóa cần có cơ chế minh bạch, rõ ràng, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa bảo tồn, tôn tạo và phát triển kinh tế, đồng thời tránh thương mại hóa quá mức gây ảnh hưởng, thậm chí làm mất đi giá trị di tích. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Ninh Bình chú trọng ban hành các chủ trương, chính sách ưu đãi, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho bảo tồn và phát huy

giá trị DSVH. Có thể thông qua các chương trình ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các dự án xã hội và tài trợ cho các hoạt động bảo tồn DSVH, DTLS - VH. Cách làm này không chỉ giảm áp lực ngân sách nhà nước mà còn nâng cao hiệu quả bảo tồn trong bối cảnh phát triển KT - XH hiện nay. Cùng với đó, để xã hội hóa nguồn lực cho bảo tồn DTLS - VH của địa phương, có thể tổ chức các chiến dịch quyên góp từ cộng đồng để thu hút sự chú ý và nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân cho công tác bảo tồn, tôn tạo các DTLS - VH, nhất là các di tích tín ngưỡng, tôn giáo như đền, chùa... nơi có khả năng quy tụ đông đảo quần chúng nhân dân, nhân dân sẵn sàng đóng góp qua hình thức công đức.

Để góp phần lan tỏa rộng rãi giá trị của DTLS - VH, từ thực tiễn lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2005 - 2020, quán triệt chủ trương của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh Ninh Bình đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các nhà Khoa học ở Trung ương tổ chức nhiều hội thảo khoa học quan trọng nhằm nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH. Đáng chú ý nhất là một số Hội thảo như: Hội thảo khoa học “Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Hoa Lư” (tháng 8/2022), tập trung làm rõ giá trị lịch sử, kiến trúc, cảnh quan của quần thể di tích Cố đô Hoa Lư, qua đó đề xuất các giải pháp bảo tồn gắn với phát triển du lịch bền vững. Tiếp đó, Hội thảo “Nghề gốm cổ Ninh Bình, truyền thống và hiện đại” (tháng 4/2023) đi sâu vào việc bảo tồn làng nghề truyền thống, kết nối giữa khảo cổ học, văn hóa và phát triển sản phẩm du lịch. Đáng chú ý, Hội thảo quốc tế “Giải quyết mối quan hệ giữa phục dựng, bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội - Nhìn từ quản trị vùng và địa phương” (tháng 12/2023) đã mở rộng đối thoại học thuật, trao đổi kinh nghiệm giữa các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế. Năm 2024, nhiều hội thảo chuyên đề được triển khai như: Hội thảo khoa học “Quản lý và phát triển thành phố di sản Cố đô sở hữu danh hiệu UNESCO - Nhận thức lý luận, kiến tạo thể chế và hành động địa phương” (tháng 6/2024) đã thảo luận những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quản lý, phát triển đô thị gắn với bảo tồn di sản. Các ý kiến tập trung vào việc xây dựng cơ chế, chính sách và mô hình quản trị phù hợp, nhằm hài hòa giữa gìn giữ giá trị nổi bật toàn cầu của di sản với nhu cầu phát triển kinh

tế - xã hội địa phương. Hội thảo góp phần cung cấp luận cứ khoa học và gợi mở giải pháp cho Ninh Bình trong định hướng phát triển đô thị di sản bền vững. Hội thảo “Phát huy văn hóa, lối sống Tràng An trong xây dựng đô thị di sản thiên niên kỷ” (tháng 9/2024), tập trung khẳng định giá trị tư liệu, văn hóa của di sản và đề xuất giải pháp bảo tồn trong bối cảnh đô thị hóa. Đặc biệt, các hội thảo khoa học quốc tế gần đây, như Hội thảo “Văn khắc Hán Nôm núi Non Nước: Tiềm năng di sản tư liệu” (tháng 6/2025), đã góp phần quan trọng trong việc chuẩn bị hồ sơ đề cử UNESCO, nâng cao vị thế của di sản Ninh Bình trên trường quốc tế. Có thể thấy, các Hội thảo không chỉ là diễn đàn khoa học trao đổi lý luận và thực tiễn, mà còn tạo cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chính sách, huy động nguồn lực, đồng thời khẳng định cam kết của địa phương trong việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.

Với định hướng phát triển Ninh Bình thành Đô thị di sản thiên niên kỷ của Đảng bộ tỉnh, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DSVH, DTLS - VH trở thành nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, huy động mọi nguồn lực của Nhà nước và nhân dân. Trong bối cảnh tỉnh Ninh Bình mới, việc khai thác khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội hóa, việc thu hút sự tham gia chủ động của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước thông qua xã hội hóa sẽ tạo động lực mạnh mẽ, mở rộng không gian và chiều sâu cho các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Đây cũng là điều kiện quan trọng để phát huy hiệu quả tiềm năng địa phương, mở rộng liên kết vùng, thúc đẩy hội nhập quốc tế, đồng thời khơi dậy tinh thần tự hào, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của nhân dân Ninh Bình trong tiến trình phát triển bền vững.

4.2.3. Thường xuyên giải quyết hài hòa, gắn kết chặt chẽ công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa với phát triển kinh tế

Di sản văn hóa là tài sản vô cùng quý giá, phản ánh rõ nét những đặc trưng riêng biệt của một quốc gia dân tộc, đóng vai trò như một nguồn lực phong phú thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời là nền tảng vững chắc hỗ trợ đời sống tinh thần cho nhân dân. Nhận thức rõ vị trí, vai trò của DSVH đối với sự phát triển KT - XH, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”, quan điểm này khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa

văn hóa và KT - XH , giữa phát triển văn hóa với phát triển KT - XH. Văn hóa góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH, và ngược lại, kinh tế phát triển, xã hội ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho văn hóa phát triển, tăng cường nguồn đầu tư cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín BCHTW Đảng khóa XI (2014) tiếp tục đưa ra quan điểm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải đặt ngang hàng với chính trị, xã hội” [42, tr.48]. Chú trọng xây dựng cơ chế để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH với phát triển KT - XH theo hướng bền vững, gắn với phát triển kinh tế du lịch.

Ninh Bình có hệ thống DSVH, DTLS - VH đồ sộ, phong phú, dày đặc, mang giá trị độc đáo. Vận dụng chủ trương của Đảng vào điều kiện thực tiễn của địa phương, nhằm khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, chủ trương nhất quán của Đảng bộ là bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển du lịch. Chủ trương này được thể hiện qua các nghị quyết đại hội các khóa và các nghị quyết về phát triển du lịch. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (2005) đã coi trọng thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ, du lịch để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Một trong những giải pháp chủ yếu là: “Sửa chữa, tôn tạo các di tích, danh thắng. Xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của Cố đô Hoa Lư” [135, tr.66]. Tiếp đó, ngày 13/7/2009, BCH Đảng bộ tỉnh Ninh Bình Ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết nêu rõ: “Tập trung khai thác hợp lý tài nguyên tự nhiên, nhân văn, xây dựng Ninh Bình trở thành một trong những trung tâm du lịch trọng điểm của cả nước” [138, tr.2]. Một trong những nhiệm vụ trung tâm để phát triển các ngành dịch vụ, du lịch được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI (2015 - 2020) là: “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, các di tích lịch sử - văn hóa, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch gắn với phát triển văn hóa và tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch” [139, tr.84]. Đảng bộ tỉnh coi trọng việc bảo tồn, phát huy giá trị của các DTLS - VH là các khu, điểm du lịch, nổi tiếng của địa phương. Bảo tồn và phát huy giá trị của các DTLS - VH cần phải đi đôi với việc hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Một trong những điểm nổi bật trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH ở Ninh

Bình là sự gắn kết với phát triển KT – XH, nhất là tạo sinh kế và việc làm cho người dân địa phương. Trong Quyết định về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh Ninh Bình nhấn mạnh quan điểm: “Phát triển du lịch Ninh Bình cần quan tâm đến lợi ích của cộng đồng dân cư, đảm bảo cho cộng đồng được tham gia và hưởng lợi từ hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch, từ đó nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch” [184, tr.2]. Thông qua việc bảo tồn, tôn tạo các di tích gắn với phát triển du lịch văn hóa, tâm linh và sinh thái, Ninh Bình đã mở ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực dịch vụ, lưu trú, vận tải, hướng dẫn du lịch cũng như khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống. Điển hình là Quần thể danh thắng Tràng An và chùa Bái Đính, nơi hàng nghìn lao động địa phương được tham gia vào các hoạt động dịch vụ du lịch, từ chèo đò, bán hàng lưu niệm đến thuyết minh, hướng dẫn, qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống. Mô hình này không chỉ giúp người dân trực tiếp thụ hưởng lợi ích kinh tế từ di sản mà còn khơi dậy ý thức, trách nhiệm cộng đồng trong gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đây chính là minh chứng cho hướng đi bền vững “bảo tồn gắn với phát triển” mà Ninh Bình đã và đang triển khai có hiệu quả.

Một nội dung quan trọng trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS – VH là bảo đảm không gian của các di tích, không được xâm hại, làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường ở khu vực di tích. Đây là vấn đề luôn được Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ngay từ năm 2001, Tỉnh ủy Ninh Bình đã phối hợp với Bộ Xây dựng - Viện quy hoạch đô thị - nông thôn xây dựng Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy quần thể di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư. Nguyên tắc bảo tồn nhấn mạnh quan điểm bảo tồn nguyên trạng hệ sinh thái tự nhiên và cảnh quan môi trường như các dãy núi đá, hang động, sông... bao gồm dáng vẻ, cấu trúc địa chất, thảm thực vật, hệ động vật. Việc bảo tồn phải dựa trên quan điểm tăng trưởng kinh tế theo xu hướng phát triển bền vững. Trong Kế hoạch phát triển văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành ngày 13/8/2012, đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, UBND yêu cầu: “Tăng cường công tác quản lý Nhà nước nhằm ngăn chặn tình trạng lấn chiếm, làm biến dạng môi trường cảnh quan, mất cắp cổ vật, tạo môi trường

văn hóa lành mạnh tại các di tích” [176, tr.5]. Để tăng cường bảo vệ không gian di tích, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích là: “Không được làm thay đổi môi trường cảnh quan di tích” [180, tr.1] và sau khi di tích được cấp có thẩm quyền quyết định xếp hạng, phải tiến hành cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích.

Để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, giữa quá trình CNH, HĐH và đô thị hóa với bảo vệ không gian của các DTLS – VH, bảo đảm đô thị hóa không thôn tính di sản, tăng trưởng kinh tế không xâm hại môi trường, Ninh Bình chú trọng theo đuổi mô hình tăng trưởng xanh. Phát triển công nghiệp lựa chọn các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kiểm soát chặt chẽ và đi tới chấm dứt các ngành sản xuất thâm dụng tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch, kinh tế di sản gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Phát triển du lịch, kinh tế di sản luôn tính tới năng lực chịu tải của di sản, bảo vệ di sản. Đô thị hóa là xu hướng tất yếu gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng Ninh Bình không theo mô hình “đô thị nén”, “đô thị bê tông hóa” thôn tính di sản, xâm hại môi trường, mà lựa chọn mô hình đô thị mật độ thấp gắn với bảo tồn, phục dựng các công trình kiến trúc cổ, bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, phát triển hạ tầng xanh, nông nghiệp đô thị, lâm nghiệp đô thị. Theo đó, các giá trị di sản, sinh thái được tích hợp làm nên đặc trưng cốt lõi của đô thị di sản. Trong trường hợp này, bảo tồn, phục dựng di sản, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, phục hồi môi trường làm nên bản sắc đô thị di sản thiên niên kỷ, khác với “đô thị nén” phổ biến đang gây nhiều hệ lụy cho phát triển bền vững. Các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống cũng cần được tổ chức một cách có hệ thống, coi đây là một phần trong quá trình hoạt động tại các di tích, góp phần phát huy giá trị các di tích, thu hút đông đảo khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu di tích và tham dự lễ hội. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS – VH gắn với đảm bảo không gian của di tích là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành và toàn thể nhân dân trong tỉnh. Trong đó, Sở Văn hóa và Thể thao có vai trò là cơ quan chuyên môn trực tiếp quản lý, điều tra, giám sát

các hành vi vi phạm, kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh đưa ra các quyết định xử lý vi phạm nhằm bảo vệ không gian di tích.

Di sản văn hóa nói chung, DTLS - VH văn hóa nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình là “mỏ tài nguyên di sản” mới khai thác phần “thô”, chưa được khai thác “tinh”, “chế biến sâu” theo nguyên lý kinh tế di sản. Để khai thác, phát triển kinh tế di sản cần tập trung vào: Quy hoạch khoa học, đầu tư bài bản cho phát hiện, khảo cổ, sưu tầm, thống kê, phục hồi, bảo tồn, giải mã di sản; thúc đẩy “công viên hoá”, “bảo tàng hóa”, “phim trường hoá” di sản; số hoá di sản; xây dựng “câu chuyện di sản”; xây dựng đô thị di sản; phát triển mạnh mẽ thị trường sản phẩm và dịch vụ khai thác di sản; xây dựng thương hiệu di sản. Cùng với đó, chỉ đạo Sở Du lịch phối hợp với các ngành, các địa phương đầu tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tour, tuyến du lịch gắn với hệ thống di tích hiện có, xây dựng các chương trình du lịch chuyên đề gắn với các di tích khảo cổ học, di sản địa chất, DTLS - VH. Phát huy giá trị các di tích, các sản phẩm du lịch đặc sắc mang yếu tố đặc trưng của tỉnh. Thực hiện chặt chẽ, đồng bộ các giải pháp quản lý, bảo vệ di tích trong tham gia vào hoạt động du lịch tại các di tích, UBND tỉnh đã ra Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Quan điểm quy hoạch là phát triển du lịch phải gắn với công tác bảo tồn, phát huy các giá trị tự nhiên, các giá trị văn hóa lịch sử và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh quốc phòng và phát triển bền vững. Tăng cường tập trung các nguồn lực, đầu tư hoàn thiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch gắn với bảo tồn DTLS - VH tạo ra sự kết nối du lịch trong và ngoài tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH và du lịch của tỉnh. Kinh tế du lịch phát triển thúc đẩy phát huy các tài nguyên DTLS - VH, phát huy giá trị kinh tế của DTLS - VH, biến du lịch thành ngành “công nghiệp không khói” tạo nên thương hiệu địa phương, giá trị kết nối quá khứ - hiện tại - tương lai, giá trị tâm linh, giá trị giáo dục..., thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xây dựng bản sắc đô thị dựa trên giá trị lõi của DSVH.

Hướng tới xây dựng Ninh Bình trở thành Đô thị Di sản thiên niên kỷ, Đảng bộ tỉnh quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của DSVH, DTLS - VH với phát triển kinh tế, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương và xây dựng Đô thị Di sản Cố đô, lấy bảo tồn di sản làm

nhiệm vụ cốt lõi, lấy xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương làm điều kiện thuận lợi cho bảo tồn di sản, từ đó quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đề ra, xây dựng quê hương Ninh Bình ngày một giàu đẹp, từ Cố đô ngàn năm văn hiến đến Đô thị di sản thiên niên kỷ văn minh, hiện đại mang đậm dấu ấn của một vùng đất giàu truyền thống văn hóa lịch sử đặc sắc.

4.2.4. Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn có kỹ năng, nghiệp vụ cao về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Cán bộ có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Theo Hồ Chí Minh: “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém” [54, tr.180]. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của cán bộ, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng đội ngũ cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ vừa tài vừa đức, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đối với công tác văn hóa nói chung, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH nói riêng, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH có vai trò rất quan trọng. Để đạt được hiệu quả tối ưu trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các DTLS - VH, ngoài việc cần có những chủ trương và chính sách đúng đắn, cần đặc biệt chú trọng vào việc củng cố các cơ quan quản lý cùng với đội ngũ cán bộ chuyên trách. Việc quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, việc kiện toàn bộ máy quản lý văn hóa, xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn từng bước được quan tâm, mang lại hiệu quả thiết thực, nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Về kiện toàn bộ máy quản lý di tích, Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Sở Văn hóa - Thông tin đã ra Quyết định số 137/QĐ-VHTT ngày 15/5/2000 về việc thành lập Ban quản lý di tích và Danh thắng Ninh Bình, trực thuộc Sở Văn hóa - Thông tin trên cơ sở tổ chức lại đơn vị Ban quản lý khu DTLS – VH Cố đô Hoa Lư, có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Văn hóa

- Thông tin quản lý, bảo tồn, tôn tạo di tích danh thắng, tổ chức nghiên cứu khoa học và tuyên truyền, giới thiệu, phát huy những giá trị của di tích, danh thắng tỉnh Ninh Bình, trong đó trực tiếp quản lý, bảo vệ, khai thác phát huy giá trị di tích Cố đô Hoa Lư. Tiếp đó, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 143/UBND-VP7 ngày 22/5/2007 về việc sắp xếp lại mô hình quản lý di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh. Quyết định thành lập Phòng Quản lý di sản thuộc Sở Văn hóa - Thông tin, để thực hiện nhiệm vụ quản lý di tích và danh thắng trên địa bàn toàn tỉnh. Chuyển đổi Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Ninh Bình thành Ban Quản lý Di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư.

Ngày 14/12/2015, UBND tỉnh đã ra Quyết định số 34/QĐ/2015-UBND về việc Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các DTLS - VH và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Quy chế quy định rõ việc phân cấp quản lý đối với các DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đối với Di sản thế giới và di tích cấp quốc gia đặc biệt: UBND tỉnh quyết định mô hình tổ chức quản lý và quy định chức năng, nhiệm vụ. Đối với các di tích đã xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh: Mỗi di tích thành lập một Ban quản lý di tích. Từ năm 2016, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình có vị trí và chức năng là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý về văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và quảng cáo theo quy định của pháp luật. Phòng Di sản văn hóa cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Sở xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hàng năm, đề án, dự án, chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn toàn tỉnh; Triển khai thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình lĩnh vực di sản văn hóa. Đến năm 2020, Phòng Di sản văn hóa có 08 cán bộ, trong đó có 01 trưởng phòng, 02 phó phòng và 05 cán bộ nhân viên. Về trình độ chuyên môn: có 05 Thạc sĩ, 03 cử nhân chuyên ngành về văn hóa. Ngoài ra còn có Trung tâm bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư, được thành lập năm 2017, thực hiện quản lý và tổ chức các hoạt động nhằm bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị của Khu DTLS - VH Cố đô Hoa Lư; Ban quản lý Di tích lịch sử Phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn; Ban Quản lý DTLS - VH Đền Dâu, Ban Quản lý DTLS - VH Đền Quán Cháo. Tại các huyện, xã, các địa

phương có di tích được xếp hạng đều thành lập Ban bảo vệ di tích để trực tiếp quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích. Tuy nhiên, các thành viên của Ban bảo vệ di tích thường kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, trình độ chuyên môn về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích còn nhiều hạn chế, nguồn lực đầu tư cho tu bổ, tôn tạo các di tích còn hạn chế so với tổng số lượng di tích trên địa bàn, số lượng cán bộ và nhân viên có hiểu biết về giá trị lịch sử, văn hóa, và truyền thống đặc thù của DTLS - VH hiện nay vẫn còn khá hạn chế. Đây thực sự là một vấn đề cần rút kinh nghiệm khi mà lực lượng kế cận, có tiềm năng để thay thế đội ngũ này không nhiều. Đồng thời, các chế độ và chính sách đãi ngộ hiện hành dành cho cán bộ, nhân viên chưa thực sự hấp dẫn để tạo một môi gắn kết lâu dài với di tích, điều này khiến cho đội ngũ cán bộ và nhân viên khó có thể cống hiến hết sức mình cho việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích.

Từ thực tiễn của giai đoạn 2005 - 2020, để công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh hiện nay, một trong những kinh nghiệm quý được đúc rút là Đảng bộ tỉnh cần chú trọng kiện toàn hơn nữa bộ máy quản lý DTLS-VH trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho nhân lực hiện đang đảm nhiệm công việc này tại các cấp, nhằm nâng cao trình độ về chuyên môn, cập nhật tiếp thu kiến thức mới áp dụng vào việc quản lý di tích trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên trách, Chú trọng xây dựng đội ngũ thợ lành nghề tham gia các hoạt động bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích. Đồng thời, thường xuyên tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật về di sản cho cán bộ cơ sở, các ban quản lý di tích cũng như những người trực tiếp tham gia trông coi, bảo vệ di tích. Việc bảo vệ và khai thác hiệu quả các di tích chỉ có thể được đảm bảo nếu có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành và cộng đồng địa phương, cần quan tâm đến việc củng cố bộ máy tổ chức và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia quản lý, sử dụng và khai thác các DTLS - VH. Đào tạo đội ngũ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH là một trong những vấn đề trọng tâm được Đảng bộ tỉnh quan tâm chỉ đạo, mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác này, góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của Ninh Bình trong tiến trình phát triển.

Tiểu kết chương 4

Nhìn lại giai đoạn 15 năm thực hiện đường lối đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng (2005 - 2020), có thể khẳng định Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã luôn chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về hiện trạng và yêu cầu cấp thiết trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH, Đảng bộ tỉnh đã kịp thời đề ra các chủ trương phù hợp với đặc điểm lịch sử - văn hóa và điều kiện phát triển của địa phương. Công tác lãnh đạo được triển khai một cách toàn diện, linh hoạt và kịp thời, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH có nhiều ưu điểm, nổi bật như: Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong hoạch định chủ trương bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa phù hợp với thực tiễn địa phương; Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã tăng cường chỉ đạo, kịp thời đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa; Những thành tựu của công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa tại Ninh Bình đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh. Những kết quả đạt được không chỉ góp phần bảo tồn hiệu quả các giá trị di sản văn hóa dân tộc, mà còn có ý nghĩa thiết thực trong việc hình thành và củng cố bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh Ninh Bình, đồng thời tạo động lực thúc đẩy mối liên kết giữa phát triển văn hóa với phát triển KT - XH một cách hài hòa và bền vững. Việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đã tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị DTLS - VH trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH vẫn còn tồn tại một số hạn chế đáng chú ý như: Chủ trương, chính sách bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình còn chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ; hoạt động chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình có lúc, có nơi còn lơ là, chưa sát sao; hiệu quả hoạt động phát huy giá trị các DTLS-VH qua hoạt động bảo tàng và phát

triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH từ năm 2005 đến năm 2020, đã đúc rút một số kinh nghiệm cụ thể nêu trên. Những kinh nghiệm đó đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn khoa học, làm nền tảng để xây dựng, hoàn thiện các chủ trương, chính sách cũng như định hướng chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH ở tỉnh Ninh Bình trong các giai đoạn tiếp theo.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về đề tài “Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 2005 đến năm 2020” đúc rút một số nội dung sau:

1. Tỉnh Ninh Bình là vùng đất địa linh nhân kiệt, là một trong những địa phương hội tụ và giao thoa giữa các giá trị lịch sử, văn hóa và tôn giáo của dân tộc Việt Nam qua nhiều thời kỳ. Hệ thống DTLS - VH ở Ninh Bình được hình thành và phát triển gắn liền với các dấu mốc lớn của lịch sử dân tộc, từ thời kỳ dựng nước đầu tiên với Nhà nước Đại Cồ Việt dưới triều Đinh - Tiền Lê, đến các giai đoạn kháng chiến chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời hiện đại, là một bộ phận cấu thành quan trọng của DSVH dân tộc, phản ánh sinh động tiến trình lịch sử, văn hóa và tâm linh của cư dân vùng đất Cố đô Hoa Lư qua nhiều thời kỳ. Với mật độ phân bố dày đặc, loại hình phong phú, giá trị lịch sử và nghệ thuật cao, các di tích ở Ninh Bình không chỉ có ý nghĩa giáo dục truyền thống, hun đúc bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là nguồn lực đặc thù phục vụ phát triển du lịch và KT - XH địa phương.

2. Bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH, không chỉ là nhiệm vụ văn hóa thuần túy mà còn là yêu cầu chiến lược trong quá trình phát triển bền vững của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Đối với tỉnh Ninh Bình - nơi hội tụ và kết tinh nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, cách mạng và cảnh quan tự nhiên đặc sắc, công tác này càng mang ý nghĩa sâu sắc, vừa là sự tri ân quá khứ, vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển hiện tại và kiến tạo tương lai. Trong tiến trình phát triển bền vững, việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, đặc biệt là hệ thống DTLS - VH, luôn giữ vai trò trụ cột trong việc xây dựng bản sắc địa phương và góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH.

3. Trong giai đoạn 2005 - 2020, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã quán triệt sâu sắc và nhất quán các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH. Trên cơ sở đó, tỉnh đã chủ động xây dựng và ban hành các Nghị quyết, Chương trình hành động cụ thể nhằm thể chế hóa các định hướng lớn của Trung ương thành

các chủ trương phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Những văn kiện này đóng vai trò là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng, đồng thời định hướng triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và hiệu quả các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH trên địa bàn tỉnh.

4. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH ở địa phương đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: số lượng di tích được kiểm kê, xếp hạng không ngừng tăng; nhiều công trình trọng điểm được trùng tu, tôn tạo có định hướng và hiệu quả; công tác giáo dục, tuyên truyền, xã hội hóa được đẩy mạnh; nhận thức và sự tham gia của cộng đồng ngày càng được nâng cao. Các di tích không chỉ được trùng tu, bảo vệ theo đúng quy định mà còn được “hồi sinh” qua các hình thức tổ chức lễ hội, hoạt động trưng bày, giáo dục lịch sử - truyền thống và đặc biệt là gắn kết với phát triển du lịch. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2005 - 2020 vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Quy hoạch hệ thống di tích nhìn chung còn thiếu tính đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển du lịch và KT - XH của tỉnh, Đảng bộ tỉnh chưa ban hành một nghị quyết chuyên đề riêng về lĩnh vực này, việc phân bổ nguồn lực, đặc biệt là kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước, còn dàn trải, chưa đáp ứng yêu cầu bảo tồn lâu dài các di tích có giá trị đặc biệt. Hoạt động xã hội hóa tuy đã được chú trọng nhưng hiệu quả chưa cao, thiếu cơ chế khuyến khích bền vững. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương trong quản lý di tích vẫn còn lúng túng, thiếu thống nhất, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực thực thi để công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS - VH ở Ninh Bình đạt hiệu quả thực chất và bền vững hơn trong thời gian tới.

5. Từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH đã để lại các bài học kinh nghiệm như: Thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, coi đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá

trị các DTLS - VH; Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS - VH; Thường xuyên giải quyết hài hòa, gắn kết chặt chẽ công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS - VH với phát triển kinh tế; Chú trọng xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn có kỹ năng, nghiệp vụ cao về công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các DTLS - VH. Từ tháng 7/2025, trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định, tỉnh Ninh Bình mới được thành lập. Với đặc điểm là địa bàn hội tụ bề dày lịch sử, văn hóa và truyền thống lâu đời, Ninh Bình trở thành một trong những địa phương sở hữu số lượng DTLS - VH lớn nhất cả nước, tạo tiền đề quan trọng cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS - VH trong giai đoạn mới. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cần tiếp tục xác định DTLS - VH không chỉ là tài sản của quá khứ, mà còn là nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch văn hóa, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, xây dựng hình ảnh địa phương trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế. Việc gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa văn hóa và kinh tế, việc bảo tồn và phát huy di sản phải được đặt trong tầm nhìn dài hạn, đặc biệt từ khi tỉnh Ninh Bình mới được thành lập, cùng với kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình quyết tâm giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa nói chung, DTLS - VH nói riêng, làm cho văn hóa trở thành động lực nội sinh mạnh mẽ, đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển KT - XH, xây dựng quê hương Ninh Bình ngày càng giàu đẹp, văn minh, tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Ninh Bình trở thành đô thị di sản mang tầm vóc quốc gia.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thu Dung (2024), “Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lãnh đạo phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển kinh tế du lịch từ năm 2015 đến nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, số 2-2024, tr. 126-128.
2. Nguyễn Thị Thu Dung (2025), “Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Ninh Bình (2005 - 2020), *Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử*, tháng 3-2025. <https://tapchilichsudang.vn/cong-tac-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-tich-lich-su-van-hoa-tinh-ninh-binh-2005-2020.html>
3. Nguyễn Thị Thu Dung (2025), “Quá trình phát triển quan điểm của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa (1996 - 2023), *Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử*, tháng 6-2025. <https://tapchilichsudang.vn/qua-trinh-phat-trien-quan-diem-cua-dang-ve-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-tich-lich-su-van-hoa-1996-2023.html>

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh (2014), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Thế giới, Hà Nội.
2. Đào Ngọc Anh (2016), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa người H' mông thông qua du lịch cộng đồng ở bản Sín Chải, huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai*, luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
3. Đặng Văn Bài (2006), *Tu bổ và tôn tạo các Di tích lịch sử và Văn hóa là hoạt động có tính đặc thù chuyên ngành*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 2, tr.10-16.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 16/01/2017 - Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Đảng Cộng sản Việt Nam.
5. Bộ Văn hóa - Thông tin (2001), *Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 - Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020*, Bộ Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2013), *Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16 tháng 01 năm 2013 - Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm DGTX*, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hà Nội.
7. Lã Đăng Bật (1998), *Cố đô Hoa Lư - Lịch sử và danh thắng*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
8. Lã Đăng Bật (2009), *Kinh đô Hoa Lư xưa và nay*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Lã Đăng Bật (2011), *Đất và Người Ninh Bình*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
10. Lã Đăng Bật (2013), *7 Di tích - Danh thắng Ninh Bình nổi tiếng*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
11. Lã Đăng Bật (2017), *Nước Đại Cồ Việt xưa và Cố đô Hoa Lư nay*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội

12. Nguyễn Chí Bền - Chủ biên (2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
13. Bảo tàng Ninh Bình (2005), *Báo cáo tình hình và kết quả hoạt động năm 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm 2006*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
14. Bảo tàng Ninh Bình (2006), *Báo cáo công tác năm 2006 của Bảo tàng Ninh Bình*”, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
15. Bảo tàng Ninh Bình (2007), *Báo cáo công tác năm 2007 của Bảo tàng Ninh Bình*”, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
16. Bảo tàng Ninh Bình (2008), *Báo cáo công tác năm 2008*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
17. Bảo tàng Ninh Bình (2009), *Báo cáo kết quả công tác năm 2009*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
18. Bảo tàng Ninh Bình (2010), *Báo cáo kết quả công tác năm 2010*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
19. Bảo tàng Ninh Bình (2011), *Báo cáo số 113 BC/BT ngày 04/11/2011 - Báo cáo Tình hình, kết quả hoạt động công tác năm 2011 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2012*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
20. Bảo tàng Ninh Bình (2012), *Báo cáo số 11 BC/BT ngày 14/11/2012 - Báo cáo Tình hình, kết quả hoạt động năm 2012 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2013*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
21. Bảo tàng Ninh Bình (2013), *Báo cáo số 17 BC/BT ngày 07/11/2013 - Báo cáo công tác năm 2013*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
22. Bảo tàng Ninh Bình (2014), *Báo cáo số 72 BC/BT ngày 29/10/2014 - Báo cáo công tác năm 2014*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
23. Bảo tàng Ninh Bình (2015), *Báo cáo số 75 BC/BT ngày 25/10/2015 - Báo cáo công tác năm 2015*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
24. Bảo tàng Ninh Bình (2016), *Báo cáo số 115 BC/BT ngày 03/11/2016 - Báo cáo công tác năm 2016*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
25. Bảo tàng Ninh Bình (2017), *Báo cáo số 25 BC/BT ngày 20/10/2017 - Báo cáo công tác năm 2017*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
26. Bảo tàng Ninh Bình (2018), *Báo cáo số 44 BC/BT ngày 19/10/2018 - Báo cáo công tác năm 2018*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.

27. Bảo tàng Ninh Bình (2019), *Báo cáo số 109 BC/BT ngày 15/10/2019 - Báo cáo công tác năm 2019*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
28. Bảo tàng Ninh Bình (2020), *Báo cáo số 22 BC/BT ngày 28/10/2020 - Báo cáo công tác năm 2020*, lưu tại Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
29. Trương Quốc Bình (2014), *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
30. Bùi Thị Kim Chi (2021), “*Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với phát huy giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam*”, Tạp chí lịch sử Đảng, tháng 11/2021, trang 91-95.
31. Chính phủ nước CHXHCNVN (2003), *Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 - Quyết định Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hoá Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
32. Chính phủ nước CHXHCNVN (2010), *Luật Di sản văn hóa năm 2001; sửa đổi, bổ sung năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Chính phủ nước CHXHCNVN (2010), *Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 - Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hoá*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
34. Chính phủ nước CHXHCNVN (2010), *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
35. Nguyễn Mạnh Cường (2022), *Di tích và danh thắng Ninh Bình, tập 1*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
36. Nguyễn Viết Cường (2021), “*Quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam theo công ước di sản thế giới*”, Luận án Tiến sĩ Quản lý văn hóa, Đại học Văn hóa Hà Nội.
37. Quách Mạnh Dũng (2018), “*Quản lý nhà nước về di tích quốc gia đặc biệt vùng Đồng bằng sông Hồng*”, Luận án Tiến sĩ Quản lý công - Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

38. Phạm Đức Duy (2008), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII*, Nhà in Quảng Ninh.
40. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII*, Nhà in Quảng Ninh.
41. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Nhà in Quảng Ninh.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Công ty in Tiến Bộ, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần I - Đại hội VI, VII, VIII, IX*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần II-Đại hội X, XI, XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Bùi Bạch Đằng (2017), “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát huy bản sắc văn hóa dân tộc từ năm 1998 đến năm 2014*”, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Bộ quốc Phòng.
47. Bùi Bạch Đằng (2019), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ đổi mới 1998-2018*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
48. Đỗ Danh Gia - Hoàng Linh (2011), *Địa danh ở tỉnh Ninh Bình*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
49. Phan Hồng Giang - Bùi Hoài Sơn (2013), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện

Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

51. Vũ Thị Phương Hậu (2022), *“Quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam trong 35 năm đổi mới (1986 – 2021)”*, Tạp chí lịch sử Đảng, tháng 3/2022, trang 42-47.
52. Nguyễn Thị Hiền (2017), *Quản lý nhà nước và vai trò cộng đồng trong bảo vệ và phát huy giá trị DSVH phi vật thể*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
53. Hồ Chí Minh (1945), *Sắc lệnh số 65 ngày 23/11/1945 về Bảo tồn Di sản văn hóa*.
54. Hồ Chí Minh (2011) *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Hội đồng nhà nước (1984), *Pháp lệnh của Hội đồng nhà nước số 14-LCT/HĐNN7 ngày 04/04/1984 về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh*, Công báo số 8-30/4/1984, Hà Nội.
56. Nguyễn Thị Hương (Chủ biên), Trần Kim Cúc (2011), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
57. Phạm Mai Hùng (2003), *Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
58. Nguyễn Thế Hùng (2007), *Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 20, tr.27-31.
59. Nguyễn Quốc Hùng (2004), *Tầm nhìn tương lai đối với DSVH và hệ thống bảo vệ di tích ở nước ta*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 9, tr.3-10.
60. Nguyễn Quốc Hùng (2007), *Mấy vấn đề về giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 20, tr. 3-9.
61. Nguyễn Quốc Hùng (2013), *Bảo tồn và phát huy giá trị DSVH và thiên nhiên trong quá trình hội nhập và phát triển*, tạp chí Di sản văn hóa, số 4, tr.3-7.
62. Đỗ Thị Thanh Hương (2022), *Pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị DSVH phi vật thể ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
63. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa, bảo tồn và trùng tu*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

64. Hoàng Đạo Kính (2012), *Văn hóa kiến trúc*, NXB Tri thức, Hà Nội.
65. Phan Huy Lê (2014), *Di sản văn hóa dưới góc nhìn lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
66. Thùy Linh - Việt Trinh (2011), *Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
67. Dương Hoàng Lộc (2016), *Di tích khảo cổ Cát Tiên với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng hiện nay*, tạp chí DSVH số 3, tr.19-24
68. Từ Mạnh Lương (2003), “*Một số chính sách và giải pháp kinh tế - xã hội chủ yếu nhằm bảo tồn, tôn tạo và nâng cao hiệu quả khai thác các di tích lịch sử - văn hóa của dân tộc giai đoạn phát triển mới của đất nước*”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế học, Viện Kinh tế học - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Phúc Lưu (2020), “*Phát triển du lịch di sản văn hóa theo hướng bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý đối với Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế Quốc tế, trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
70. Phạm Hữu Mỹ - Nguyễn Văn Đường (2006), *100 câu hỏi đáp về DTLS - VH ở thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh & NXB Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
71. Đặng Công Nga (2002), *Kinh đô Hoa Lư thời Đinh - Tiền Lê*, Xí nghiệp in Ninh Bình, Ninh Bình.
72. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
73. Phan Ngọc (2005), *Một thức nhận về văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
74. Triệu Thị Ngọc (2022), “*Quản lý nhà nước về di sản văn hóa vật thể của thế giới tại Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
75. Trần Thị Kim Ninh (2018), *Đảng Bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014*, Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Trần Đức Nguyên (2015), *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học,

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

77. Dương Phong (2023), *Di sản thế giới ở Việt Nam*, NXB Dân Trí, Hà Nội.
78. Nguyễn Huy Phòng (2017), “*Những thách thức trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta hiện nay*”, *Tạp chí điện tử - Lý luận chính trị*, đăng ngày 28/4/2017.
79. Nguyễn Minh Quang (2023), *Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử (1996-2015)*, *Tạp chí Lịch sử Đảng* số tháng 5-2023, tr.110-115.
80. Nguyễn Minh Quang (2025), “*Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2015*”, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.
81. Sở Du lịch Ninh Bình (2018), *Nghị quyết số 68/NQ-ĐU ngày 12/10/2018 Nghị quyết tập trung lãnh đạo công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2018-2020*, lưu tại Sở Du lịch Ninh Bình.
82. Sở Du lịch Ninh Bình (2022), *Báo cáo số 178/BC-SDL ngày 17/10/2022 Báo cáo thực trạng chính sách phát triển du lịch giai đoạn 2016-2021 và đề xuất nội dung chính sách hỗ trợ phát triển du lịch giai đoạn 2023-2030*, lưu tại Sở Du lịch Ninh Bình.
83. Sở GD&ĐT-Tỉnh Đoàn-Sở VHTT&DL (2008), *Kế hoạch số 53/KHLN-SGD&ĐT-SVHTT&DL-ĐTN ngày 02/10/2008, Kế hoạch liên ngành triển khai phong trào thi đua Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong các nhà trường giai đoạn 2008-2013 và năm học 2008-2009*, lưu tại Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.
84. Sở Giáo dục và Đào tạo (2011), *công văn số 105/SGDDĐT-HSSV ngày 21/02/2011 về việc thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*, Lưu tại Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.
85. Sở Giáo dục và Đào tạo (2014), *Hướng dẫn số 19/SGDDĐT-GDTrH ngày*

09/8/2014 - *Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên từ năm học 2014-2015*, lưu tại Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.

86. Sở Văn hóa thông tin - Bảo tàng tỉnh Quảng Trị (2004), *Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Trị*, Công ty in Thống kê và SXBB Huế, Quảng Trị.
87. Sở Văn hóa - Thông tin (2007), *Báo cáo số 74/BC-SVHTT ngày 18/01/2007 - Báo cáo tóm tắt thành tích của ngành Văn hóa - Thông tin sau 15 năm tái lập tỉnh*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
88. Sở Văn hóa - Thông tin (2007), *Báo cáo số 265/BC-SVHTT ngày 06/01/2007 - Báo cáo công tác tu bổ di tích ở tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
89. Sở Văn hóa - Thông tin (2007), *Quyết định số 333/QĐ-SVHTT ngày 13/6/2007 về việc Phê duyệt thiết kế, kỹ thuật tổng dự toán dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng Đế, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
90. Sở Văn hóa - Thông tin (2007), *Đề án số 489/ĐA-SVHTT ngày 13/08/2007 - Đề án Tổ chức sắp xếp lại mô hình quản lý di tích và danh thắng tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
91. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2008), *Quyết định số 879/QĐ-SVHTT&DL ngày 15/9/2008 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Bảo tàng Ninh Bình*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
92. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2009), *Báo cáo số 191/BC-SVHTT&DL ngày 23/12/2009- Báo cáo kết quả thi đua năm 2009 - Phương hướng, nhiệm vụ năm 2010*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
93. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010), *Báo cáo số 01/BC-SVHTT&DL ngày 05/01/2010 - Báo cáo về việc thực hiện Kế hoạch số 07/KH-UBND của UBND tỉnh; Nghị quyết 15-NQ/TU của Tỉnh ủy tính đến 31/12/2009*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
94. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2010), *Báo cáo số 159//BC-SVHTT&DL ngày 20/10/2010 - Báo cáo về việc Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết*

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.

95. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Báo cáo số 34/BC-SVHTT&DL ngày 25/04/2011 - Báo cáo tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
96. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), *Báo cáo số 56/BC- SVHTT&DL ngày 20/04/2015 - Báo cáo tổng kết phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng 5 năm (2010-2015), phương hướng, nhiệm vụ công tác Thi đua khen thưởng giai đoạn 2015-2020*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
97. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), *Báo cáo số 418/BC- SVHTT&DL ngày 22/05/2015-Báo cáo Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu văn hóa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2011-2015*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
98. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), *Báo cáo số 123/BC-SVHTT&DL ngày 24/07/2015 - Báo cáo tình hình thực hiện chương trình MTQG về văn hóa giai đoạn 2011-2015 và định hướng giai đoạn 2016-2020*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
99. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), *Báo cáo số 176/BC- SVHTT&DL ngày 12/11/2015 - Báo cáo Kết quả phong trào thi đua năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ năm 2016*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
100. Sở Văn hóa và Thể thao (2017), *Quyết định số 55/QĐ-SVHTT ngày 23/01/2017 - Quyết định Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng tỉnh*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
101. Sở Văn hóa và Thể thao (2019), *Báo cáo số 48/BC-SVHTT ngày 26/04/2019 - Báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) và 02 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của BTV Tỉnh ủy Ninh Bình*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.

102. Sở Văn hóa và Thể thao (2019), *Báo cáo số 198/BC-SVHTT ngày 19/12/2019 - Báo cáo tổng kết năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
103. Sở Văn hóa và Thể thao (2020), *Báo cáo số 16/BC-SVHTT ngày 20/02/2020 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
104. Sở Văn hóa và Thể thao (2020), *Báo cáo số 50/BC-SVHTT ngày 24/4/2020 - Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2020*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
105. Sở Văn hóa và Thể thao (2020), *Báo cáo số 108/BC-SVHTT ngày 15/07/2020 - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển sự nghiệp giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao 5 năm 2021-2025*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
106. Sở Văn hóa và Thể thao (2020), *Báo cáo số 144/BC-SVHTT ngày 11/09/2020 - Báo cáo Thực hiện Quy hoạch hệ thống bảo tàng đến năm 2020*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
107. Sở Văn hóa và Thể thao (2020), *Báo cáo số 149/BC- SVHTT ngày 24/09/2020 - Báo cáo Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
108. Sở Văn hóa và Thể thao (2021), *Báo cáo số 145/BC-SVHTT ngày 07/8/2021 - Báo Tổng kết thực hiện Luật Di sản văn hóa*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể Thao, Ninh Bình.
109. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình (2022), “*Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Cố đô Hoa Lư*” - Kỷ yếu hội thảo Khoa học; Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
110. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh (2021), *Báo cáo số 1619/BC-SVHTT ngày 14/9/2021-Báo cáo về việc tổng kết thực hiện Luật Di sản văn hóa*, lưu tại Sở Văn hóa và Thể thao, Quảng Ninh

111. Trần Bá Tăng (2020), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
112. Hà Văn Tấn (2005), *Bảo vệ di tích lịch sử văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*, In trong cuốn *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Cục Di sản văn hóa, Tập 2, tr.44-54, Hà Nội.
113. Nguyễn Đình Thanh (2011), *Di sản văn hóa bảo tồn và phát triển - kiến trúc*, NXB Đại học Công nghiệp, Hà Nội.
114. Lê Văn Thao - Trương Đình Tường (2011), *Đền vua Đinh vua Lê - Những giá trị đặc sắc về lịch sử văn hóa*, NXB Thế giới, Hà Nội.
115. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
116. Nguyễn Thịnh (2012), *Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
117. Nguyễn Thịnh (2014), *Bảo tàng hóa di tích*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
118. Đoàn Thanh Thủy (2024), “*Chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam từ năm 1943 đến nay*”, Tạp chí Lịch Sử Đảng tháng 12/2024, trang 74-80.
119. Nguyễn Thúc - Kim Dung (2017), *Xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích qua trường hợp đền Diên Cờ xứ Nghệ*, Tạp chí Di sản văn hóa số 1, tr.38-44
120. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg ngày 23/6/2005 về Phê duyệt hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
121. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 125/2007/QĐ-TTg ngày 31/7/2007 v/v phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
122. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
123. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số: 1211/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 - Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về văn*

hóa giai đoạn 2012-2015, Chính phủ nước CHXHCNVN.

124. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số: 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 - Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
125. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 Quy định về bảo vệ và quản lý DSVH và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
126. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số: 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 - Quyết định Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020*, Chính phủ nước CHXHCNVN.
127. Nguyễn Danh Tiên (2013), *Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
128. Nguyễn Danh Tiên (2014), *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, *Tạp chí công sản điện tử*, ngày 03/11/2014.
129. Lưu Trần Tiêu (2002), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, tr.25-30, Hà Nội.
130. Tỉnh ủy Ninh Bình (1992), *Thông báo số 25/TB-TU ngày 09/12/1992-Thông báo kết luận của Thường vụ tỉnh ủy về phát triển kinh tế du lịch trong thời gian tới*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
131. Tỉnh ủy Ninh Bình (1998), *Chương trình số 07/CTr-TU ngày 23/9/1998 -Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết TW5 Khóa VIII Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
132. Tỉnh ủy Ninh Bình (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIV*, Xí nghiệp in Ninh Bình, Ninh Bình.
133. Tỉnh ủy Ninh Bình (2003), *Báo cáo số 86/BC-TU ngày 28/10/2003 - Báo cáo Kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
134. Tỉnh ủy Ninh Bình (2004), *Chương trình số 19/CTr-TU ngày 03/9/2004-*

Chương trình hành động thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 10 BCH Trung ương Đảng (Khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong những năm sắp tới, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.

135. Tỉnh ủy Ninh Bình (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX*, Xí nghiệp in Ninh Bình, Ninh Bình.
136. Tỉnh ủy Ninh Bình (2006), *Chương trình số 02-CTr/TU ngày 15/3/2006 - Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX nhiệm kỳ 2005-2010*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
137. Tỉnh ủy Ninh Bình (2006), *Chương trình số 04-CTr/TU ngày 12/9/2006 - Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
138. Tỉnh ủy Ninh Bình (2009), *Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/7/2009 - Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
139. Tỉnh ủy Ninh Bình (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XX*, Công ty cổ phần in và VHP Ninh Bình, Ninh Bình.
140. Tỉnh ủy Ninh Bình (2011), *Chương trình số 05-CTr/TU ngày 25/05/2011 - Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010-2015*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
141. Tỉnh ủy Ninh Bình (2012), *Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 16/03/2012 - Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổ chức và quản lý lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
142. Tỉnh ủy Ninh Bình (2014), *Chương trình số 23-CTr/TU ngày 28/07/2014 - Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9*

- BCHTW Đảng khóa XI (Nghị quyết 33) về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
143. Tỉnh ủy Ninh Bình (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI*, Công ty TNHH giấy vở Hồng Diệp, Ninh Bình.
144. Tỉnh ủy Ninh Bình (2016), *Chương trình số 05-CTr/TU ngày 14/01/2016 - Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
145. Tỉnh ủy Ninh Bình (2016), *Chương trình số 07-CTr/TU ngày 19/01/2016 - Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015- 2020*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
146. Tỉnh ủy Ninh Bình (2016), *Chương trình số 08-CTr/TU ngày 11/07/2016 - Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
147. Tỉnh ủy Ninh Bình (2016), *Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/08/2016- Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
148. Tỉnh ủy Ninh Bình (2017), *Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/06/2017 - Nghị quyết của BTVTỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững*, lưu tại Phòng Hành chính - Lưu trữ, Tỉnh ủy Ninh Bình.
149. Tỉnh ủy Ninh Bình (2018), *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình 1992-2015*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
150. Tỉnh Ủy Ninh Bình (2023), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, tập 3 (2000-2020)*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
151. Nguyễn Văn Trò (2004), *Cố đô Hoa Lư*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
152. Nguyễn Văn Trò (2007), *Di tích lịch sử văn hóa về hai triều Đinh - Tiền*

Lê ở Ninh Bình, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

153. Nguyễn Văn Trò (2015), *Ninh Bình theo dòng lịch sử - văn hóa*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
154. Trương Đình Tường (2024), *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, NXB Thế giới, Hà Nội.
155. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), *Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 11/10/2005 - Quyết định v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử văn hóa đền Thung Lá*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
156. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), *Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 18/11/2005, Quyết định v/v phê duyệt tổng thể khu du lịch Tràng An*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
157. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), *Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 24/11/2005 - Quyết định v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng các công phía Bắc, phía Đông, phía Nam vào khu trung tâm vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
158. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), *Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 - Quyết định v/v công nhận di tích lịch sử, văn hóa tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
159. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 23/01/2006- Quyết định v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hệ thống giao thông đường bao, hào nước vùng khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư giai đoạn 2006-2015*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
160. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 11/4/2006 - Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết khu trung tâm tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
161. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định số 335/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 - Quyết định v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Sở văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình*,

lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.

162. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 24/04/2006 - Quyết định v/v phê duyệt dự án đầu tư nghiên cứu và khai quật khảo cổ học khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư giai đoạn 2006-2015*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
163. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 16/8/2006 Kế hoạch thực hiện Thông báo số 192-TB/TU của BTV Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của BTV Tỉnh ủy (Khóa XIV) về phát triển du lịch đến năm 2010*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
164. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 - Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu du lịch Tam Cốc - Bích Động thời kỳ 2006-2010 và định hướng đến 2020*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
165. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 - V/v sắp xếp lại mô hình quản lý di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
166. UBND tỉnh Ninh Bình (2007), *Công văn số 143/UBND-VP7 ngày 22/05/2007 - về việc sắp xếp lại mô hình quản lý di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
167. UBND tỉnh Ninh Bình (2007), *Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31/08/2007 - Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu núi chùa Bái Đính thuộc khu du lịch sinh thái Tràng An*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
168. UBND tỉnh Ninh Bình (2007), *Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 - Quyết định v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2010, định hướng đến năm 2015*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
169. UBND tỉnh Ninh Bình (2008), *Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 02/06/2008 - Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu núi chùa Bái Đính thuộc khu du lịch sinh thái Tràng An*, lưu tại Trung

tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.

170. UBND tỉnh Ninh Bình (2008), *Quyết định số 1405/2008/QĐ-UBND ngày 24/07/2008 - Quyết định v/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
171. UBND tỉnh Ninh Bình (2008), *Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 28/11/2008 - Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
172. UBND tỉnh Ninh Bình (2009), *Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 08/06/2009 - Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
173. UBND tỉnh Ninh Bình (2009), *Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 17/07/2009 - Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
174. UBND tỉnh Ninh Bình (2011), *Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 07/11/2011 - Quyết định Về việc Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
175. UBND tỉnh Ninh Bình (2012), *Quyết định số 207/2012/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 - Quyết định Phê duyệt Chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Ninh Bình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
176. UBND tỉnh Ninh Bình (2012), *Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 13/8/2012 - Kế hoạch Phát triển Văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.
177. UBND tỉnh Ninh Bình (2012), *Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 - Quyết định Phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2011-2020*, lưu tại

Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Ninh Bình.

178. UBND tỉnh Ninh Bình (2015), *Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 - Quyết định về việc ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
179. UBND tỉnh Ninh Bình (2015), *Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 - Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
180. UBND tỉnh Ninh Bình (2015), *Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Ban hành kèm Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND)*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
181. UBND tỉnh Ninh Bình (2016), *Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 - Quyết định Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
182. UBND tỉnh Ninh Bình (2017), *Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/3/2017 - Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
183. UBND tỉnh Ninh Bình (2017), *Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 17/10/2017 - Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/6/2017 của BTV Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
184. UBND tỉnh Ninh Bình (2018), *Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 30/08/2018 - Quyết định V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển*

du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.

185. UBND tỉnh Ninh Bình (2018), *Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 - Quyết định Về việc Ban hành quy chế quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
186. UBND tỉnh Ninh Bình (2020), *Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 - Quyết định về việc Phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
187. UBND tỉnh Ninh Bình (2020), *Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, Ban hành kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 - Quyết định về việc Phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020*, lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình.
188. Hoàng Văn Vân (2018), “*Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng từ năm 1996 đến năm 2015*”, *Luận án Tiến sĩ Lịch sử*, Học viện chính trị - Bộ quốc phòng, Hà Nội
189. Nhóm Trí Thức Việt (2019), *Các di tích lịch sử - văn hóa tín ngưỡng nổi tiếng ở Việt Nam*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
190. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
191. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn hóa dân tộc - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

Tiếng Anh

192. Antonella Fresa, Karol Jan Borowiecki, Neil Forbes (2016), *Cultural Heritage in a Changing World*, Springer InterNational Publishing.
193. Ashworth G.J- Larkham P.J (2014), *Bulding a new heritage: tourism, culture and indentity in the new Europe*, Routledge.
194. Arthur Pedersen (2002), *Managing Tourism at World Heritage Sites: a Practical Manual for World Heritage Site Managers*, Published by

UNESCO World Heritage Centre.

195. Brian Garrod, Alan Fyall (2000), *Managing heritage tourism, Annals of tourism research*, Vol 27, No 3, P.682-708.
196. Peter Howard (2002), *Heritage: Managament, Interpretation, Indentity*, Continuum, London.

Tiếng Trung Quốc

197. 张松 (2020), 城市保护规划: 从历史环境到历史性城市景观, 出版社 科学出版社, 北京.
198. 北京国际城市发展研究院 (2022), 北京的长城, 出版社 科学出版社, 北.
199. 杜金鹏 (2017), 文化遗产科学研究, 出版社: 科学出版社, 北京
200. 滕磊,王时伟 (2022), 保护与发展—文化遗产学术论丛, 第1辑, 出版社 科学出版社, 北京.
201. 中国社会科学院考古研究所文化遗产保护研究中心 (2017), 文化遗产研究第3辑, 出版社 科学出版社, 北京.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH NINH BÌNH TRƯỚC SÁP NHẬP TỈNH (TRƯỚC 1/7/2025)



Nguồn: Trang thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình (<https://ninhbinh.gov.vn>)

Phụ lục 2: BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH NINH BÌNH SAU SÁP NHẬP TỈNH



Nguồn: Trang thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình (<https://ninhbinh.gov.vn>)

Phụ lục 3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC KIỂM KÊ DI TÍCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM KÊ DI TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2020

S T T	Huyện, thành phố	Tổng	Chùa	Đình	Đền	Miếu, phủ, tĩnh lâu, lăng mộ	Nhà thờ họ	Nhà thờ công giáo	Di tích khảo cổ	Loại hình khác (Núi, hang động...)	DT đã xếp hạng		Ghi chú
											Cấp tỉnh	Quốc gia	
1	Thành phố Ninh Bình	196	42	10	54	17	65	01	01	06	36	05	01 QGĐB
2	Thành phố Tam Điệp	61	07	04	23	01	00	00	21	05	05	01	
3	Huyện Kim Sơn	188	17	12	23	42	11	81	00	02	30	06	

4	Huyện Yên Khánh	222	55	11	87	13	46	10	00	00	45	12	
5	Huyện Yên Mô	286	66	46	69	58	15	29	03	00	47	11	
6	Huyện Hoa Lư	272	57	34	62	30	48	05	21	15	39	26	02 QGĐB
7	Huyện Gia Viễn	279	50	56	63	23	50	17	10	10	38	13	
8	Huyện Nho Quan	317	49	90	66	50	20	22	12	08	49	07	
	Tổng	1821	343	263	447	234	255	165	68	46	289	81	

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (năm 2020)

Phụ lục 4
HÌNH ẢNH MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở NINH BÌNH



Toàn cảnh Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia đặc biệt: Cố đô Hoa Lư Nguồn: <https://codohoalu.vn>



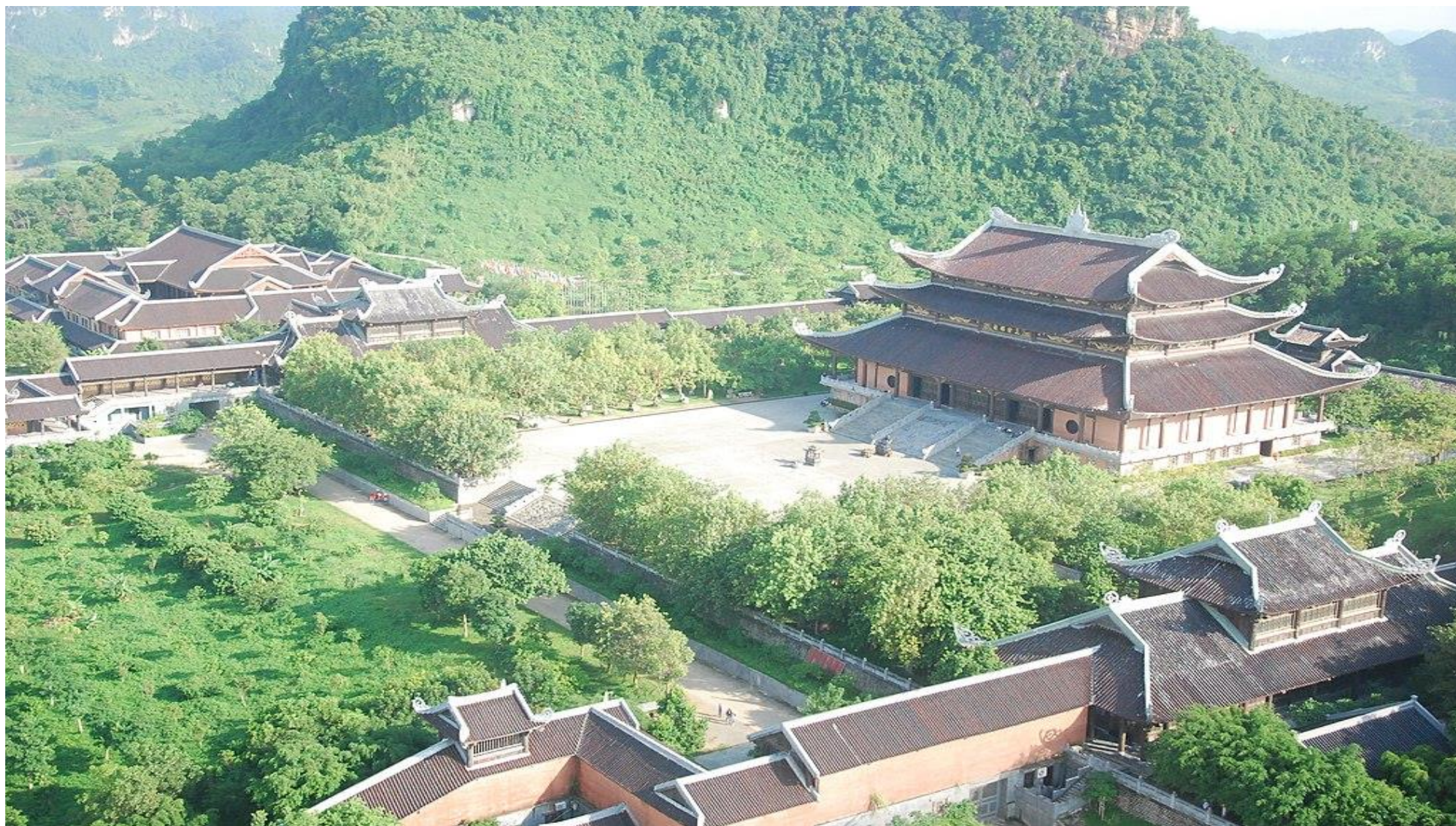
Đền thờ vua Đinh Bộ Lĩnh - Nguồn: <https://codohoalu.vn>



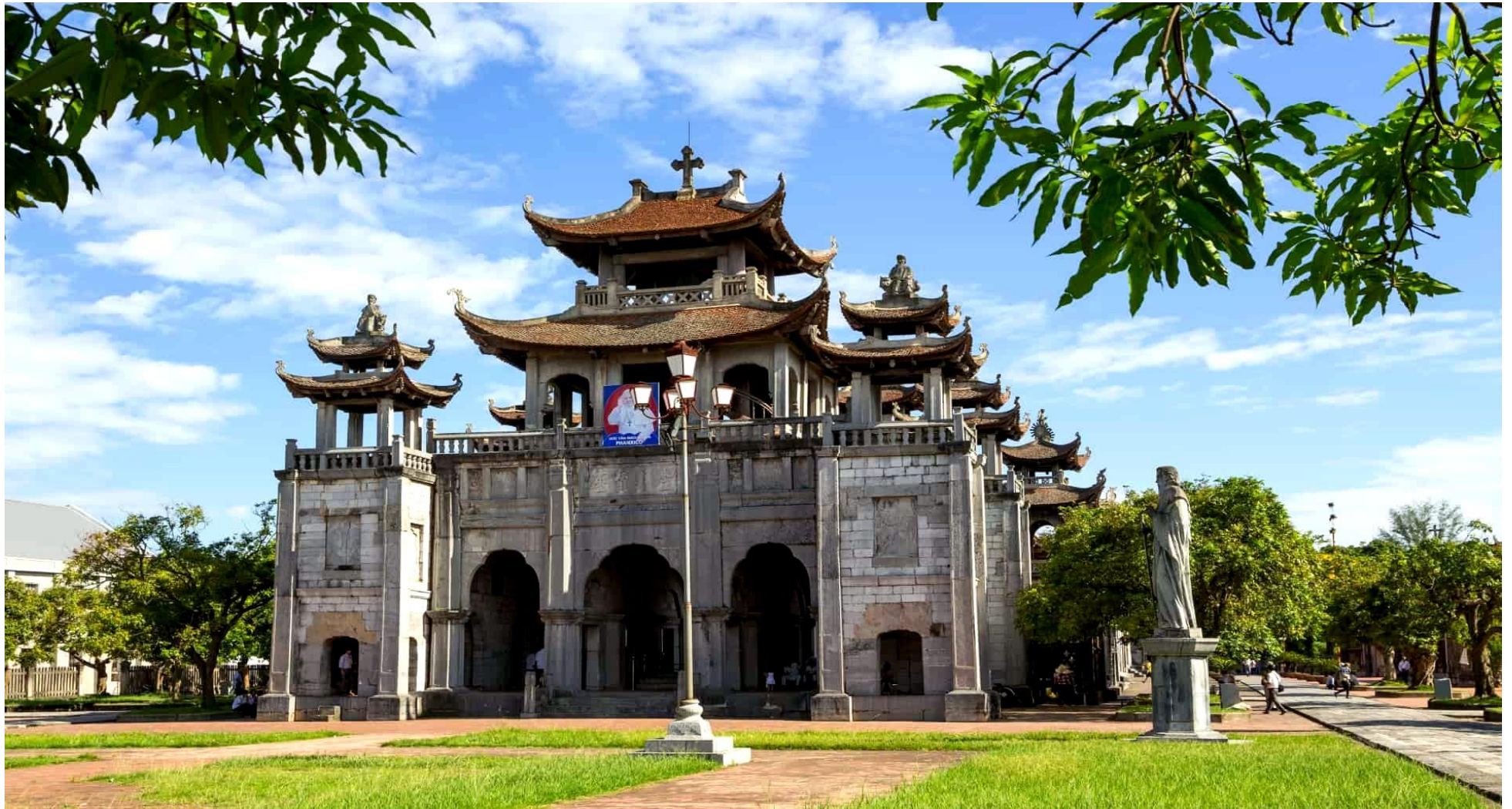
Đền thờ vua Lê Đại Hành - Nguồn: <https://codohoalu.vn>



Di tích Quốc gia đặc biệt núi Non Nước - Nguồn: ninhbinh.gov.vn



Toàn cảnh Điện Tam thế Chùa Bái Đính - Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Nguồn: <https://codohoalu.vn>



Di tích xếp hạng cấp quốc gia: Nhà thờ đá Phát Diệm (Nguồn: <https://attractionsvietnam.com>)